

NEUROTONIC



NEUROTONIC

- ★ BỒ BỒ ỐC
- ★ TĂNG CƯỜNG TR

Wason
 AP 95
 V6 P57

O THONG

âm điệu. Chũ bút Nguyễn Thị



BỘ SÁCH

TUẤN,

chàng trai Nước Việt

Mới phát hành :

Loại giấy blanc-fin : 1000đ.

trọn bộ 2 quyển 1100 trang.

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN HOA VIỆT NAM
PHO BIÊN VĂN HOA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đọc, Chủ-bút; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 2586

Năm thứ XII — số 250 — 18-1970

1 — Hội đồng văn-hóa giáo dục	Ng-Vũ	6 — 10
2 — Má hồng trong gió bụi	Phạm-văn-Sơn	11 — 16
3 — Hát dặm Nghệ-Tĩnh	Đông-Tùng	17 — 20
4 — Cù Sào-Nam khóc cò	Nguyễn-thị-Giang	Sở-thượng-Giang 21 — 24
5 — Ăn năn — Giấc ngủ nhớ nhung — Điệp khúc cho mình (thơ)	Tr-châu-Giang	25 —
6 — Chinh phụ từ	Ng-quang-Tô	26 — 33
7 — Mộng bần vấn đáp (thơ)	Ái-Lan sao-lục	34 — 37
8 — Toán và nghệ thuật	Trần-lệ-Tài	38 — 40
9 — Đinh chính vài sai lầm	Đông-Tùng	41 — 48
10 — Rừng cỏ quỉ (truyện dịch)	Giang Tân	49 — 55
11 — Yêu vụng (truyện-ngắn)	Đặng-Doanh	56 — 63
12 — Hai chính sách thương-vụ	Ng-tấn-Lộc	64 — 67
13 — Niềm vui đi qua (hồi ký)	Lan	68 — 76
14 — Bến phà Neak Leung — Vời ngày mưa (thơ)	Trần-tuấn-Kiệt	77 —
15 — Võ-Thuật	Trần-tuấn-Kiệt	78 — 88

16 — Gợi sâu (thơ)	Lệ-thiên-Thu	89 —
17 — Lục địa trời	Chu-minh-Thụy	90 — 93
18 — Truyện tích Dưa hấu	Lê-tràng-Kiều	94 — 101
19 — Thế nào là một bản dịch hay ?	Bàng-bá-Lân	102 — 116
20 — Thơ lên ruột	Diệu-Huyền	117 —
21 — Hồ-xuân-Hương	Nguyễn-Vỹ	118 — 121
22 — Dưới chân núi Chóp-chài	Lê-ngọc-Quang	122 — 124
23 — Sinh khí văn nghệ	Hoàng-Thắng	125 —
24 — Sách báo mới		126 — 127

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- * Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- * Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.

P.T.

Hội Đồng Văn - hóa Giáo-dục :

một xa-xỉ phẩm hoàn-toàn vô-ích

NGUỜI ta không hiểu những kẻ làm ra Hiến-Pháp đang áp-dụng hiện nay ở Việt-Nam Cộng-Hòa có dụng-ý như thế nào khi họ đặt ra «Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục» ?

Hội-đồng ấy vừa mới được chính-thức thành lập 3 năm sau khi Hiến-Pháp được ban-hành, và trực-thuộc dưới quyền Chủ-tịch của Phó-Tổng-Thống. Trong Hiến-Pháp không nói rõ nhiệm-vụ và quyền-hạn của Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục, nhưng các lời tuyên bố của thẩm-quyền đã chỉ định vai-trò gọi là «cố-vấn» của đương-sự. Do đó, người ta thấy

rõ-ràng tình-cách lố-bịch và hoàn-toàn vô-ích của cái hài-kịch do những kẻ làm Hiến-Pháp đã bày ra:

Nhiệm-kỳ của Hội-đồng Văn-Hóa Giáo-dục là 4 năm, cùng một nhiệm-kỳ của Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống. Nhưng nay chỉ còn 1 năm nữa là mãn nhiệm-kỳ của hai nhân vật kia, mà Hội-đồng thơ-ấu mới oe-oe ra đời. Theo Hiến-Pháp, cuối năm 1971 sẽ có tổng-tuyển cử mới, nếu thí-du một vị khác lên thay thế vị Phó Tổng-Thống đương kim, và vị mới đó sẽ không chấp nhận thành phần của Hội-đồng hiện-hữu, thì Hội-đồng ấy sẽ thành ra cái gì ?

Chính-phủ này có một Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục và một Phủ Quốc-vu Khanh đặc-trách Văn-hóa. Cố-nhiên hai cơ-quan này đều đã có đường lối riêng của họ, chương-trình riêng của họ. Dù tốt dù xấu chúng ta không cần nói nơi đây, nhưng chủ trương của mỗi cơ quan ấy đều đã được hoạch-định với sự chấp-thuận của Thủ-tướng của họ, và sự duyệt-

y của Tổng-Thống đương kim. Chắc chắn không bao giờ họ cho phép những kẻ khác bỗng dưng lên mặt «cố vấn» bày bảo họ khuyến-ngợi họ điều nọ điều kia.

Hội-đồng Văn-Hóa-giáo-duc chỉ có hư danh «cố vấn», lại càng vô-hiệu khi Phó Tổng-thống, Chủ-tịch Hội-đồng, và Tổng-thống còn có một lô «phụ-tá», cũng là cố vấn chính trị, văn-hóa, giáo-duc, v.v...

Không cần chi phải phê-phán về giá-trị hoặc tài-năng của những thành phần Hội-đồng V.H.G.D., chỉ một việc thấy họ quyết liệt giảnh dặt nhau chức nầy chức nọ trong một cái Hội-đồng hữu-danh vô-thực, cũng đã khiến cho khách bàng-quan nhếch nụ cười thương-hại.

Hội đồng VHGD là một vật thừa-thải, biến-thành một xa-xỉ-phẩm trong giai-đoạn «kiệm-ước» của chế-độ. Chắc chắn cái vật thừa-thải đó sẽ không nhúc-nhích gì được từ nay cho đến hết nhiệm kỳ Tổng thống và Phó Tổng-thống, cuối năm 1971. Họ sẽ «ngồi chơi xơi nước»

cho đến nhiệm kỳ sau, để tiếp-tục ăn hại vào Ngân sách Quốc-gia.



Trong lĩnh-vực Văn-hóa Dân-tộc và giáo-duc thanh thiếu niên có rất nhiều những việc cần-thiết phải làm, và phải làm gấp rút. Nhưng không phải một Hội-đồng Văn-hóa Giáo-duc như kiểu-đó tạo ra theo hình-thức đó, trong điều kiện đó, mà làm nổi.

Tôi không muốn làm phiền lòng một số bạn quen thân ở trong đó, nhưng tôi biết rằng dù những bạn ấy có thiện-chí đến đâu chăng nữa, họ cũng sẽ không làm sao thực-hiện được một sở-nguyện nào của họ. Dù vài vị có thực-tâm muốn xây-dựng «một cái gì» tốt đẹp cho Văn-Hóa Dân-tộc, dù họ có kinh-nghiệm, có tài, họ cũng chỉ đến đó để «ngồi chơi xơi nước» mà thôi. Bao nhiêu ủy-ban, bao nhiêu thảo luận, bao nhiêu sáng-kiến, sẽ chỉ là những trang-trí tốn kém không đem thực-dụng vào đâu được. Hội đồng đó sẽ không có một ảnh-hưởng gì tốt đẹp cho sự

phát triển Văn-Hóa, dù là Văn-hóa Tự-do,
Văn-hóa Tiến-bộ, hay là một thứ Văn-hóa
tổng-quát nào đó. Văn-hóa Giáo-dục Việt-
Nam không có tin-tưởng nào đặt nơi họ cả.
«Hội-đồng Văn-Hóa Giáo-dục» sẽ chìm
nghim trong lãnh-đạm của thời-gian.



Thời đăng từ số tới (251):

10 ngày viếng các trại tập trung Việt Kiều ở Cam-Bốt.

★ NGUYỄN-VỸ

Giám đốc Chủ bút Tạp chí **PHỒ-THÔNG**
đã qua Cam-Bốt viếng Kiều-bào trong các
trại tập trung của chính phủ Lon Nol, từ 18-7
đến 28-7-1970: Bắt đầu từ số tới, chúng tôi sẽ
đăng loạt bài tường thuật đầy đủ, rất sống
động, về cuộc viếng thăm ấy và đời sống của
Việt-Kiều trong khung cảnh chiến tranh ở
Nam-Vang và các tỉnh Cao Miên.

Tòa soạn Phồ-Thông

Má hồng trong gió bụi

(Thiên tình sử nào nùng giữa nàng Emma
và Nelson vị đại anh hùng của thủy
quân Anh)

★ PHẠM-VĂN-SƠN

(Tiếp theo và hết)

N NGÀY vui chóng tàn.

Trong khi Nelson đang hú
hí với mẹ con nàng Emma thì
ông lại được kêu gọi đi làm
bồn phạn của một thủy-quân
vị biển Baltique lại nổi sóng.
Chánh phủ Anh lại ra lệnh cho
ông đi đánh phá Copenhagen,
thủ-đô Đan-Mạch vì nước này
đã liên kết với Pháp.

Nelson đã hoàn thành công
tác một cách trọn vẹn.

Trở về ông lại làm một việc

khác là trình diễn sức mạnh
của Hải-quân Anh trước Bou-
logne. Ở nơi này Nã-phá-Luân
đã tập trung một hạm đội rất
là táo bạo để khiêu-khích Anh
nhưng may thay vụ lộn xộn
này sớm được chấm dứt do
một Hòa-ước ký kết giữa Anh,
Pháp, Tây-ban-Nha và Hòa-
Lan ít tháng sau.

Cũng trong khoảng thời gian
này ông được tin Emma đã tặn
xong cho ông, theo lời yêu cầu
của ông, một thôn trang gọi là
Merton tọa lạc Wimbledon.

Cái nhà này thật là đẹp, bên cạnh có con sông con đực mệnh danh cho nên thơ là sông Nil. Đối với Nelson, đây là cả một thiên đàng vì có vườn rộng, có nước bao quanh, có mây, có trời, có hoa lá, chim muông. Gia đình Hamilton dọn đến ở. Những ngày rỗi rãi, Nelson ham đi câu và quên cái thú khảo cổ ông có từ lâu. Sáng nào ông cũng vác cần câu và các thứ phụ tùng ra ngoài bến. Ông ở đó suốt ngày không chán. Luôn 18 tháng cặp tình nhân sống êm đềm dưới con mắt bao dung của người chồng già, Thỉnh thoảng người vú lại đem con nhỏ Horatia tới, bề ngoài nó là đứa mồ côi được bà cụ đại-sứ lấy làm con nuôi.

Emma đẹp thêm vì đời sống nơi thôn quê rất thích-hợp với nàng nên nàng bắt đầu mập. Nàng lại có tính hiếu khách, bà con bạn hữu xa gần tha hồ qua lại trong đó có ông già của Nelson, người em William Nelson một mục sư. Tiếp đãi nhiều thì tốn phí nhiều. Emma lại là con người không quen tính đếm. Rồi để trang trải công nợ, nàng phải hỏi

đến chồng hay tình nhân của nàng.

Huân tước Hamilton đòi khi đã làm vợ.

Ông già rồi, mệt mỏi lắm rồi, chỉ muốn sống yên tĩnh không muốn sự phiền nhiễu bất cứ từ đâu tới — Ông không ưa những thói ăn chơi Thị Thành và nếu ông nhận đến ở Merton là theo điều kiện đừng ai quấy rối ông.

Ngày 6-4-1803 ông mất trong tay vợ sau khi đã cầu nguyện ơn trên ban phúc cho bạn và vợ. Emma cũng rất đau xót về cái chết của người chồng đại lượng. Tuy vậy Hamilton trước khi chết chỉ có thể làm chúc-thư nhận người cháu tên là Greville làm kẻ thừa-kế và ủy người này mỗi năm cấp cho Emma 800 đồng Livre là lợi tức về tài sản của ông ngoài số tiền tử tuất cũng bằng đó.

Tám trăm đồng! nhu cầu của Emma thì gấp bội, số tiền này sao cho đủ tiêu đối với nàng. May Nelson có đồ để giúp đỡ nàng trong nhiều vấn đề. Ông chạy ngược chạy xuôi vận động chánh quyền cấp các khoản tiền cho góa phụ Hami-

ton; ông viết thư cho Hoàng-hậu Marie Caroline tả cái cảnh bi đát và túng thiếu của Emma lúc này, nhưng Hoàng-hậu xứ Naples chỉ gửi lời thăm viếng và chúc tụng nàng gặp nhiều may mắn về tương lai mà thôi.

Thì ra người ta đã quên hết những sự giúp đỡ tận tâm của Emma xưa kia khi kinh thành Naples lâm vào lửa loạn. Người ta lấy nước bọt đái nàng lúc này đáng lẽ giúp tiền giúp bạc mới phải. Lòng dạ người đời là thế!

Đã khó khăn về tài chánh, công nợ lại nhiều, còn thêm sự khó khăn nữa là sau khi chồng chết nàng lại sanh một đứa con gái nữa nhưng nó không sống được sau ít ngày. Nelson bấy giờ đang lênh đênh ngoài biển cả. Ông chính thức đem Horatia về Merton và tính một ngày gần đó sẽ trở về sống với mẹ con Emma để bồi dưỡng lại sức khỏe.

Một buổi sáng ngày mồng 2 tháng 9 - 1805, một sĩ-quan hải quân đến Merton kiểm Nelson báo tin hạm-đội Pháp-Tây (Tây ban-Nha) đang ăn núp tại Cadix (quân cảng trên Thái-bình-Dương, gần đảo Léon của Tây-ban-Nha), Nữ-hoàng trông ở

Đô-Đốc đề phá tan lực lượng này của địch.

Nelson liền sửa soạn đi ngay.

Emma cũng không nín áo người chiến sĩ, lại còn khích lệ chàng làm nhiệm-vụ. Vài ngày sau Nelson lên đường sau khi hôn con nhỏ Horatia ở trong nôi nhiều lần.

Đã từ nhiều tuần lễ qua Đô-Đốc hải-quân Pháp Villeneuve tìm cách tránh né hải quân Anh, vậy mà Nã-phá-Luân tính sao được suông sẻ mười hai tiếng đồng hồ trên biển Manche để đổ bộ lên đất Anh. Viên chỉ-huy hạm đội thì run như rě.

Nhưng sau đó y vẫn phải tuân lệnh ra khỏi chỗ ẩn nấp để quay sang Địa-trung-hải bởi đại quân lúc này đang tiến trên con đường trực chỉ Vienne. Chiến lược đổi thay theo Kế-hoạch dương Đông kích Tây. Nhưng người Anh quá khôn lanh không dễ bị gạt nên hạm-đội Pháp-Tây vừa đến mũi Trajalgar thì gặp ngay lực lượng của Nelson, chặn đánh,

Nelson tin tưởng vào khả-năng có thừa của mình, coi như nắm trong tay cuộc chiến thắng. Nhưng do linh tính lạ lùng, trước khi xung trận ông

đã đề nhiều giờ ngồi viết lách trong buồng tàu — Ông lấy chúc-thư ra xét lại, sửa đổi ít khoảng xin gửi lại Chánh-phủ Anh bà góa-phụ Hamilton và con nhỏ Horatia ông đã thừa nhận là con.

Rồi ông viết những dòng này cho Emma.

«Emma rất thân yêu của anh
«Emma vô cùng quý báu trong
«tim anh, địch quân vừa cho
«thấy dấu hiệu sắp đưa liên
«đội thủy quân của chúng ra
«khỏi quân cảng. Cầu xin thần
«chiến tranh cho anh thắng
«trận phen này. Ở biển cả nào
«anh cũng muốn tên tuổi anh
«gần gũi em và Horatia thêm.
«Anh thương yêu mẹ con em
«còn hơn thương anh và vì
«phải gửi thư này cho em là
«bức thư sau hết trước trận
«đánh này anh hy vọng
«Thượng-đế cho anh sống để
«viết xong bức thư sau khi ở
«chiến trường về — Xin chúa
«phù hộ cho Em, đây là lời cầu
nguyện của.

«Nelson và Công tước Bron-

te.
Trận thủy chiến Trafalgar
đã diễn ra lúc nào ?

Trên soái-hạm Victory Nel-

son điều khiển quân mình đánh vào hạm đội liên minh và sắp sửa ca khúc khải hoàn. Ông đang đi đi, lại lại trên sàn tàu thì viên sĩ quan phụ tá Hardy thấy ông té xuống, áo dài đầy máu.

Nelson nói một cách cứng cỏi :

— Chắc tôi chết mất, không còn lâu nữa đâu !

Người ta đưa ông vào bệnh xá cho giải-phẫu-sư coi. Viên y-sĩ này có ý trấn tĩnh tinh thần của ông. Nelson lắc đầu nói :

— Ông không thể làm gì được nữa. ông Beatty, đạn đã bay qua lưng tôi rồi, còn gì ?

Beatty cố cãi rằng không thấy dấu vết của đạn, nhưng Nelson thì đã hiểu số phận mình ra sao. Ông cho mời một mục-sư tới căn dặn :

— Xin đừng quên bà Hamilton và Horatia... tôi gửi họ cho đất nước... phải, bà Hamilton và Horatia. Rồi mỗi phút vết thương thêm trầm trọng, sức khỏe giảm sút dần, tuy vậy ông vẫn theo dõi mọi diễn tiến của trận đánh. Ông luôn luôn

gọi Hardy đến đầu giường để nghe thêm tin tức. Lúc được báo 10 chiến-hạm lớn của địch đã đầu hàng, ông vui mừng, nở một nụ cười yếu ớt rồi qua một hơi thở, ông nói :

— Hardy ơi, tôi đi đây. . . lại gần đây cho tôi bảo. . . nhớ cắt mớ tóc tôi gửi cho bà Hamilton và trao hết cho Bà tất cả những gì tôi có.

— Nhưng Đô-Đốc có thể về nước kia mà !

Hardy lúng túng nói. Nhưng Nelson lắc đầu :

— Về sao được, đạn đã chạm vào thận của tôi rồi, thế thì còn gì nữa. . .

Ông nói thêm :

— Thật ra tôi còn muốn sống thêm. Bà Hamilton sẽ ra sao khi thấy tôi thế này ?

Giờ phút cứ chảy trôi. Cuộc chiến thắng đã rõ rệt, nhưng người chiến sĩ bị thương cứ lịm dần. Người ta thấy ông đòi uống rồi nghe ông lầm bầm :

— Xin cảm ơn thượng-đế, con đã làm được phận sự của con vào buổi chiều thì người Anh đã hoàn thành xong cuộc chiến thắng về hải quân lớn nhất thế-kỷ. Cuộc chiến thắng này đã thay đổi hẳn cái đà diễn

tiến của lịch-sử, nhưng Horatia Nelson thì bước mãi mãi vào thiên cổ.

✱

Tin Nelson quá cố được mục sư tuyên úy của Nelson đưa đến cho Emma. Như sét đánh ngang tai, Emma đứt từng khúc ruột, nàng liệt giường đến nỗi không đi dự được đám quốc táng của Nelson ngày mùng 10 tháng 12 năm ấy.

Nelson tạ thế, hạnh phúc của Emma cũng không còn. Cuộc sống của nàng từ đó trở nên vô nghĩa, nàng không có ai là bè bạn, là kẻ che chở cho mình ở trên đời. Nghị viện Anh biểu-quyết cấp dưỡng cho bà Nelsson và cho Mục-sư William Nelson, thừa-kế của Đô-Đốc nhưng không thừa nhận bà Hamilton. Bà xin xét bản bi-chức để có một khoản phụ cấp cũng bị vị mục sư em Nelson từ chối. Rồi năm này qua năm khác, đơn khiếu nại của Emma chuyển qua đủ các tay thẩm phán chẳng mang lại một kết quả nào. Sét ra người ta chỉ coi nàng là một thứ vợ nhỏ của Đô-Đốc Nelson mà thôi. Tai hại hơn nữa, người ta còn cho rằng nàng đã làm hại đến cả

cái vinh quang của vị anh hùng đã cứu Anh quốc.

Ngày tháng qua dần, Emma càng thêm túng bần — Tính vốn rất thiếu ý-thức thực tế, nàng không biết dè xén sự chi-tiêu nên tình cảnh nhủ không có lối thoát. Bà Hoàng-Hậu Caroline được nàng kêu cứu đã làm ngơ như điếc. Nàng nhắc nhở, chánh-phủ về công lao của nàng trong bao nhiêu năm ở Ý bằng ảnh-hưởng cá-nhân đã vận động các vua chúa đi vào chủ-trương thân Anh cũng chẳng được một sự đền đáp nào hết, Cuối cùng nàng phải bán Ấp Merton nhưng vẫn chưa đủ trả các nợ nần. Sau đó nàng phải đến trú ngụ ở một căn nhà nhỏ hẹp ở ngoại thành Luân-Đôn mà vẫn bị con nợ theo đuổi, Đã hai phen nàng suýt bị họ bỏ tù.

Horatia có mang lại sự an ủi cho nàng chăng ?

Con nhỏ này tính nết khó khăn càng làm cho Emma chán nản. Nó coi như Emma không phải là mẹ đẻ ra nó. Trong năm 1814 vào tháng sáu, hòa bình đã trở lại trên lục-địa, người đàn bà mập mạp nhưng

già trước tuổi lần trốn khỏi Luân - Đôn với đứa con gái nhỏ 12 tuổi đáp tàu qua Pháp.

Đó là bà Hamilton và Horatia.

Hai mẹ con chạy nạn, mới đầu vào trọ ở một khách sạn tại Calais sau đến một cái quán tầm thường, cuối cùng đến một cái trại nghèo gần đấy. Cả hai mẹ con mỗi ngày sống một cực khổ thêm. Tuy vậy Emma vẫn gắng tranh đấu đến phút chót rồi đau nặng và chết ở Calais vào tháng giêng 1815 được một linh mục đến giải tội.

Ở đầu giường kẻ hấp hối có treo hình người thắng trận Trafalgar và hẳn rằng trước khi thở hơi tàn, người đàn bà bạc phận không khỏi ngước mắt nhìn vào hình ảnh kẻ đã chịu mền mình hết sức xưa kia, mừng rỡ tưởng lại những ngày vui tươi cũ trên đất Ý, nơi này Biết bao kẻ đón đưa và cũng ở đây nhan sắc của nàng đã nọg trị trong tâm hồn của Horatia Nelson, giờ thì mọi sự đã tàn như giấc mộng.

PHẠM VĂN SƠN

10-1-70

PHỒ-THÔNG — 097

HÁT DẶM NGHỆ - TỈNH trong văn chương bình dân (Cách mạng) Việt-Nam

Lê-Trọng-Đôn, Phan-Bội-Châu, Ngô-Đức-Kể, Lê-Văn-Huân, Cự Tín-Thầu

●●● ĐÔNG-TÙNG

(tiếp theo P.T. 249)

C-NHỮNG BÀI HÁT DẶM TRONG VĂN CHƯƠNG BÌNH DÂN (CÁCH MẠNG) VIỆT-NAM

1) Về cậu Ấm-Ninh của ông
Lê-Trọng-Đôn

NĂM 1885 Kinh-đô Huế thất thủ, Vua Hàm-nghi chạy ra vùng rừng Quảng-binh và Hà-tĩnh, hạ chiếu Cần Vương, Văn thân Nghệ-Tĩnh ứng chiến khởi nghĩa.

Đề tuyên truyền cổ động

cho đại cuộc, ngoài những đạo chiến Cần Vương của Vua Hàm-nghi, Hịch «Binh tây sát tả» của các cụ Văn Thân Nghệ-Tĩnh. Người ta cũng thấy trong đám bình dân xuất hiện nhiều bài, về, bài hát Dặm ở Vùng Nghệ-Tĩnh, cũng cùng chung một mục đích cao cả trên...

Đáng kể trước nhất là bài Về Cậu Ấm-Ninh.

Cậu Ấm-Ninh, chính tên là Lê-Ninh, người làng Trung-

PHỒ-THÔNG — 250

lệ, Phủ Đức-thọ (Hà-tĩnh),
con một Vị-Quan bố Chánh,
triều Tự-Đức. Khi hay tin
Kinh-Đô Huế thất thủ, chưa
kịp đề đến lúc Vua Hàm-nghi
hạ chiếu rồi Phan-đình-Phùng
phụng chiếu ứng nghĩa. Ấm-
Ninh đã tự động cử hợp thân
sĩ trong Vùng, phất cờ khởi
nghĩa, nghĩa quân do Ấm-Ninh
chỉ huy kéo tới Công hãm
tỉnh Hà-tĩnh đồng thời thanh
toán những tên Việt gian cố ý
thao Pháp.

Trong bối cảnh lịch đó một
bài Về được truyền ra ở Vùng
Nghệ-Tĩnh (1)

Bài Về như vậy :

«Anh hùng lập chí công danh
«Trọng vì việc nước, nên
khinh việc nhà

«Khi bốn bá gần xa

«Nào ai ai không hại (sợ hại)

«Cậu một lòng trung ái

«Xuống tỉnh Nghệ thăm tình
hình

Về xuất của mộ binh

Mộ Phù-long hai Vê (2)

Mộ Yên-trường ba Vê (3)

Kéo quân về Trung-Lễ (4)

Trống điểm mục âm vang

nào thưng hạ trong làng

Nhà ba đình lấy hai

Nhà hai đình lấy một

Khuyên mọi người đóng góp
Lúa đóng học đóng thúng
Bắt câu phú hay bản
Người người đều thỏa hiệp
Ai mà không thỏa thiệp.
Nhưng có người không biết
Đến trước câu kêu ca :
«Rắn đất nước đây ta»
Vó sơn xuyên chỉ hiểm
Vó sơn hà chỉ hiểm
Dân thì lo cần kiệm
Việc khuya sớm, cây bừa
Súng không biết lấy cò
Roi không ngay đường thảo
Chưa thuộc tường đường
thảo

Lương dân với tả đạo

Cùng nòi giống của mình

Vô hà sự tương tranh

Xin cậu đừng khởi nghĩa

Đừng bắt dân ứng mộ»

Câu rằng : — Tui còn nhỏ

Cũng giữ tiếng Văn Hán

Bên giáo với lương dân

Giai quốc gia Xích tử

Giai triều đình Xích tử (5)

Hà có điều hiểm tí

Mà «Vọng khởi tranh-đoan»

(6)

Dân chớ có la van

Ta viết tờ sang cổ

Sẽ viết tờ sang cổ (7)

Chỉ giận vì quan bố (8)

Vi thần đạo bắt trung

Chỉ Vua đã mặt phong

Về mộ binh mộ lính
Trước hạ thành Hà-tĩnh
Sau nghênh giá hồi triều
Cho rõ mặt anh hào
Người Hồng-sơn Lam-thủy
(9)

Một mai ta toại ý

Sai Tiền Đạo Tổng Ngụ (10)

Kéo đến huyện Thạch Hà (11)

Hạ tỉnh thành như nhỡ

(chơi)

Lấy tỉnh thành như nhỡ

Rời bốn bề phơi phơi

Đều hướng ứng ảnh tòng (12)

Bình năm đạo rờng rờng

Đều khăn thăm áo ngải (13)

Chạc (dây) lưng điều áo

ngải (14)

Nào bạc tiền khi giải (giới)

Nào lương thực ngựa voi

Lên hành tại (15) nộp rồi

Kéo về làng đồn thủ

Hai bên đội ngũ :

Có tác hậu tác tiền

Trống khởi nghĩa nổi lên

Cờ Mạnh Khang (16) rực rỡ

Cờ Cần Vương rực rỡ

Làm trai ra rứa (như thế)

Mời nên hiếu nên trung

Thời thế tạo anh hùng

Sách Vũ Khiêm (17) cũng

khá

Sách Thiên Trường (18) cũng

khá.

Lúc bấy giờ trên Hạ (19)

Bổng lại có quan Đình (20)
Ngài phụng mang xuất binh
Sang Thọ-Ninh thiêu phá (21)
Về Định-Tường thiêu phá
(22)

Vì thế có, lực quả

Lên hành tạt Viễn binh

Chi Vua triệu Bang-Ninh

(23)

Ra đồng tâm hiệp lực

Sức phu, ứng chức

Ra án ngự địa đầu

Nào tránh củi tre đầu

Biết từng mô (bao nhiêu) hao

tốn

Biết từng nào hao tổn

Ba bốn ngày lộn xộn

Chỉ rày đánh mai không

Đóng một mặt bên sông

Múa ngọn gươm xáo ráo

Phất ngọn cờ xáo ráo

Ai ngờ bên công giáo

Lại có kẻ mò rình

cũng vượt trận đề binh

cùng nghĩa quân chống lại

Rồi viết thư cầu cứu

Xuống tỉnh Nghệ cho Tây

súng nổ như pháo giầy

Trên quai Đình cũng rút

Dưới quang Bang cũng rút

Giặc thừa cơ phá đốt

Từ Thịnh-quả, Yên-Đông (24)

Đến Hạ-tứ, thôn Trung (25)

Khắp mọi nơi tàn hại

Hết các vùng tàn hại

Nào đàn bà, con gái
 Nào con trẻ ông già
 Chạy như hán như hà
 Ra ngoài đường coi khời
 Đứng giữa đườngngong khời.
 Kêu ra thi sợ tội
 Không kêu cực lòng dân
 Ai là kẻ trung thần
 Xin soi gương cho tỏ
 Gạt đèn trời cho tỏ
 Việc đời là rất khó
 Có chi sẽ thành công
 Vật tương thành bại luận
 anh hùng

(Còn nữa)

(1) Bài Vè này tác giả là Lê-trọng-Đôn tức Đầu - phủ - Cam, người Hà-tĩnh.

(2) Phủ long: tên một tổng thuộc phủ Hưng Nguyên (Nghệ-An) ở đây dân rất trù phú.

(3) Yên - Trường: tức thị xã Vinh — Bến Thủy bây giờ.

(4) Trung-lễ; làng Cựu Ấn - Ninh ở Đức thọ.

(5) Xích tử: con đỏ, tức là nhân dân.

(6) Vọng khởi trình đoan: Nghĩa là nổi dậy tranh nhau bira bãi.

(7) Cổ: tức là cổ đạo, (Linh mục người Pháp).

(8) Lê-Đại: Bộ Chánh tểnh Hà-tĩnh lúc bấy giờ đã ngã theo Pháp.

(9) Hồng sơn: Ngàn Hồng. Lam thủy: sông Lam, Hồng Lam là trọng trung do vùng Nghệ-

Tĩnh về mặt Văn hóa, tinh thần (10) Tổng Nga Khê, thuộc huyện Can-Lộc, tỉnh Hà tĩnh.

(11) Thạch Hà: tên một phủ ở Hà-tĩnh, Tỉnh lỵ Hà-Tĩnh đóng ở đó.

(12) Ảnh tông «Cây nêu thẳng thì bóng thẳng theo.

(13) Ngãi: là màu xanh hoa lý (Thờ âm Nghệ Tĩnh).

(14) Khăn điều áo Ngãi: là quân phục của nghĩa quân Cần Vương.

(15) Hành tại là Đại bản doanh. (16) Mạnh-Khang: biệt hiệu của Lê kinh lúc khởi nghĩa.

(17) Vũ Khiêm: tên một vị tướng Nhà Minh (Tàu) đánh giặc Kim cừu chúa.

(18) Thiên-Tường: Tức Văn-thiên-Tường, nhà thủ lệnh Cần-Vương đời Tống mặt, đánh giặc Mông-Cổ.

(19) Hạ: làng Hạ, có một cái chợ gọi là chợ Hạ, quê hương cụ Phan-Dinh-Phùng.

(20) Quan Đình, tức là Đình nguyên Phan-Dinh-Phùng.

(21) Thọ-Ninh: tên một giáo khu ở làng Đức-thọ, Hà-tĩnh.

(22) Đình-Tường: Nay đổi là Thọ-Tường, tên một giáo khu ở Đức thọ.

(23) Bang-Ninh: Bang là «Bang biện» nghĩa quân, chức Vua Hàm Nghi phong cho Bang-Ninh (Lê-Ninh).

(24) Thịnh quả, Yên Đông: 2 làng ở Đức Thọ, có nghĩa quân đóng.

(25) Hạ Tứ và Thôn-Trung, 2 làng ở Đức Thọ bị Tây Đen lính về đốt sạch.

CỤ SÀO - NAM

khóc có

NGUYỄN - THỊ - GIANG

vợ lý - tưởng của

NGUYỄN - THÁI - HỌC

●●● SƠ-THƯỢNG-GIANG sao lục

SÓNG nhân đạo ở hai mươi thế kỷ, bạn má hồng toan cướp giá làng trai;

Gương nữ hùng treo một khóc trời Nam, lữ da trắng phải ghé dòng nước Việt.

Trên quốc sử mực chàm giấy phấn, nam cả đoàn nhân nhân (nhân nhân) bày nó;

Dưới Long-thành máu biếc cỏ xanh, nữ đến thế rành

rành chữ liệt.

Trăng thu mờ mịt, trông những buồn tênh;

Người ngọc xa xuôi, nghĩ càng đau tuyệt.

Nhờ bạn ta xưa ! Đất nhả tinh-ba, trời trau băng tuyết;

Vóc quần thoa nhưng chỉ khi mây rầu;

Thân khuê-các mà can-trường khi-tiết.

Thuở bé nhờ ơn gia-giáo,
Hán-tự vừa thông;

Tuổi xanh vào học quốc-
trường, Pháp văn cũng biết.

Dâu bể gặp hồi xoay cuộc,
ngó giang - sơn riêng một
mình đau;

Trần ai tức nỗi không
ngươi, thấy nô-lệ dộc đời
trông nguýt.

Xót bốn nghìn năm tổ quốc,
chôn nhau, cắt rún nặng nề
trăm đoạn tình ty;

Thương hai mươi lăm
triệu đồng bào, nát thịt, tan
xương, chất chứa một bầu
tâm huyết.

Xem sách Pháp hằng châu
mày nghĩ : Ran-Đa (Jeanne
d' arc) Rô-lăng (Roland) thuở
nọ, chị em mình há nhường ai
hơn;

Dở sử nhà thoát võ tay
reo ; Bà Trưng Có Triệu sau
này, non nước ấy lẽ đâu
hồn chết.

Triều cách mệnh đương

cơn sùng sục, cát Tinh-vệ
ngậm đầy trước miệng, mong
thấy bể vùi;

Vai quốc dân nặng sấn
triu triu, đá oa-hoàng rền sấn
trong tay, nở xem trời
khuyết.

Gia chi ! gai mắt cường
quyền, nên phải thi gan quả
quyết.

Khi vào Đảng, tuổi vừa hai
tám, cờ nữ binh đội đảng tiên
phong.

Sức tuyên truyền phách
động ba quân, lưỡi biện sĩ
nhường tài du thuyết.

Thổi gió phun mây từng
mấy trận, nào Lâm thao, nào
Yên-báy, nữ tham-mưu đưa
đầy đội hùng binh;

Ra sanh vào tử biết bao
phen, kia thành huyện, kia
đồn binh, quân vương-tử
xông tan vùng rấn rít.

Thầy học vẫn tài hùng, nhờ
có cô mà lông cánh rập từ
bề,

Chi Bắc đành dạ sắt lòng
sơn, cây có em - mới trong
ngoài xưng lưỡng kiệt.

Tiếc thay ! vận nước đang
trườn, tai trời đất chưa hết !

Việc thù-y-thành mà một
phút tan tành;

Mưu trung bại bởi mấy
thằng gian quyết.

Trắc trở buồm xuôi gió
ngược, tài anh-thư gấp bước
giang nan, ngại ngừng nước
biển non xanh, tay chức-nữ
uồng công-thêu dệt.

Nhưng có còn ! Thiết thạch
nhứt tâm, chu toàn bách
chiết.

Thời như thế việc đã như
thế, dài cắt đầu mình được
thấy Anh lên;

Sống như không mà thác
cũng như không, đạn kẻ cõ
chẳng nhường cho giặc giết.

Súng lục liên chốc phát,
vang lừng một tiếng, núi đổ
sóng nhào,

Hồn cứu tử chưa tan, chắc
chấn ta trùng lai, thân reo
quỉ thét.

Em này ! Tinh cõ cảm sâu,
duyên xưa rũi thiết !

Từng mấy lúc hồng đi cá
lại, ước ao chung gánh ruỗi
trường đồ,

Giận nhiều phen yển Bắc
nhận Nam, đau đớn chia tay
thành vĩnh biệt.

Nợ hồ thỉ em chưa trắng
sờ, mài nanh nuôi vuốt, ước
ba sinh chắc có ngày đền,

Thù nước nhà chị hãy tìm
gan, nuốt muối ngậm sừng,
hồn chín suốt chờ xem trời
xét.

Than ôi ! Khóc chẳng hay
gì, nói không sao xiết,

Một nén tâm hương, mấy
lời thống thiết,

Chị em mình chi thiếu
bạn khôn ngoan,

Đoàn thể lớn xin từ nay
cố kiệt.

Xúm bạn gái sẽ theo gót
chị, thác dã linh, mà sống lại
càng linh.

Xoay cuộc đời sẽ xáo trộn
bàn cờ, quốc chưa diệt thì
chúng không thể diệt.

Tiếng hạc kêu chắc thấu
trời nghe,

Sức giấy máu xin ghi em
viết.

Ô Hồ thượng Hưởng

□□□

(Kỳ tới: văn tế các dân
làng bị thiêu phá vì liên
can tàng trữ các tay cách
mạng V.N.Q.D.Đ.)

Định chánh: Bài văn tế Cụ
Sào Nam khóc V.N.Q.D.Đ.
đăng trước đây có sắp lộn vài
lỗi, vậy xin sửa lại cho đúng.

Câu 12... dấu cũ rõ ràng thần
truyền thánh nổi chó không
phải nói.

Câu 13... cơ đồ này ai có
dám riêng tây, sắp lộn là cố.

Câu 16... Anh chị đã tư
trởng chữa lâu ngày, chó
không phải chữ.

Câu 32... trắng hai tay xô
trúc Hải phòng, chó không
phải trúc.

Câu 37... hơn nghìn vị chân
tay đều lọc lõi, chó không
phải lọt lõi.

Câu 38... rạch bầy san ọc
quyết đòi phen, sắp thiếu dấu
chữ bầy thành bay.

Câu 45... Tiếc sự cơ ai quá
lờ mờ, chó không phải qua.

Câu 54... bóng rờng thiêng
đánh ông Học xa xuôi, chó
không phải đang.

Câu 57,.. Nghĩa lớn khôn,
sắp trật là nghĩ.

Câu 58.. mở rộng đường
côn nháy bằng bay, thiếu chữ
rộng.

Câu 60... pha máu nóng sắp
lộn là phá.

Xin bạn đọc vui lòng chữa
sửa lại cho đúng nguyên văn
của một bức tiền bối.

Phồ-Thông

giác ngủ nhớ nhung

đang đêm trời trở mưa dầm
Vắt tay ngang trán em nằm nhớ anh
mưa rơi xuống chậu buồn tênh!
nằm nghe rồi chợt ngủ quên lúc nào !!

TRẦN-CHÂU-GIANG
26 - 6 - 1970

điệp khúc cho mình

từ thuở ta biết mắt ta buồn
bởi trăm lần nhớ chục lần thương
đã-tình nên đời ta cay-đắng
và thâm-sầu như những hoàng-hôn

TRẦN-CHÂU-GIANG
(CHÂU-GIANG)

ăn-năn

lung-linh dưới ngọn nến buồn
em run thân bởi môi hôn ban đầu
chao ôi ! em khóc vì yêu
trên môi em đã in nhiều xót-thương

.....
rồi trơ mắt đại hoạn-đường
nhìn thân-thể rũ sau cơn bạo tình
cúi đầu trong giấc ăn-năn
em giam môi mắt trong trăm nỗi sầu

TRẦN-CHÂU-GIANG
(CHÂU-GIANG)

CHINH PHỤ TỪ

Nguyên tác bằng Chữ Hán của
CỤ PHAN-KHÔI

□□□ NGUYỄN-QUANG-TÔ sưu dịch

LỜI NGƯỜI DỊCH

BÀI CHINH - PHỤ - TỪ này là của Cụ Phan-Khôi, hiệu Chương - dân, một học giả không xa lạ đối với hậu bối chúng ta, về văn tài cũng như khí tiết con người. Một nhân vật nổi tiếng về tính tình cương nghị, nhiều khi có vẻ phác trực :

«*Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao !*»

«*Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi !*»

Văn từ có vẻ liều mạng, nhưng lại dồi dào tinh thần cấp tiến, khai phóng. Một nhà cựu NHO đã từng lên án nhiều phương diện trong hệ thống học thuyết Tống-NHO, đã là người đầu tiên khai phá một đường hướng thi ca, thoát hẳn khuôn sáo Văn chương Bát-cô, khi đem «trình chính giữa làng thơ» một bài thơ mới «TÌNH GIÀ» làm rung chuyển cả vương quốc thi nhân lúc bấy giờ (1932) đánh thức giới văn nhân thi sĩ Việt-Nam đang mê mết

trong giấc ngủ êm đềm của Đường luật...»

Bài CHINH PHỤ TỪ này được cụ sáng tác trong cuộc đại chiến thứ nhất (1914-1918) bùng nổ, Cụ là nhân chứng của thảm nạn thanh niên Việt-Nam phải rời bỏ gia-đình, cha già vợ yếu để sang Tây làm bia đỡ đạn cho «Mẫu quốc» Pháp.

Bài này làm theo thể ngũ ngôn trường thiên gồm 4 đoạn với các tiêu mục là :

- 1) Lúc tiễn biệt : 30 câu
- 2) Nỗi nhớ thương âm thầm : 40 câu
- 3) Được tin chồng trở về sau những tin thắng trận : 28 câu
- 4) Vợ chồng tái hợp, 28 câu

Tất cả là 126 câu được đăng tải trong tạp chí NAM PHONG số 21 tháng 3 năm 1919.

Chúng tôi sao lục và phiên dịch 4 bài thơ này không ngoài mục đích giúp các bạn Thanh niên một tài liệu quý báu, khi cần tham khảo, đối chiếu những tài liệu văn học có chủ đề «CHINH PHỤ», bên cạnh cây đại thụ «Chinh phụ ngâm» của Đặng-Trần-Côn, bà Đoàn-Thị - Diễm phiên dịch như chúng ta đã biết.

Cũng vì vậy mà chúng tôi đã phiên dịch theo thể «Song thất lục bát».

Dịch-giả

NGUYỄN-QUANG-TÔ

NGUYỄN TÁC HÁN VĂN

Kỳ nhất ; viện biệt

CHINH PHỤ TỪ

Khí đồng minh ô ô : Thiết lăm hành khai dương
Quân tại thuyền thương trung : Thiếp lập thuyền kiều bàng
Trương vọng bất tương tức : Thù tại vi thâm thương
Truyền văn Đức-ý-Chí : Âu châu cường quốc cường
Văn minh tứ kỳ độc : Đồng chủng hoàn tương tàn

Pháp quốc hách tư nô : Nghĩa thanh liên tứ phương.
 Đại mộ thuộc quốc binh : Thệ tương trừ khuyển dương.
 Quân thị Nam quốc dân : Đương vị Pháp quốc thương.
 Nghị nhiên phần tỵ hành : Yêu đạn nhi kiên sang.
 Quân gia Lộ thả bản : Kim tiền phi sở vọng.
 Nộ lực lập công nghiệp : Dị vi tôn quốc quang.
 Quân hành tuy đặc ý : Thiếp cư khởi năng vương.
 Hàm lệ cưỡng hoan tiếu : Khủng quân tâm bi thương.
 Cồ biệt thượng tri trừ : Kim biệt hà thương hoàng.
 Khí cơ nhất dị động : Thiên địa đồ mang mang.

KỶ NHỊ

Ư TƯ

Tư quân chi xuất hỉ : Tiêu tiêu quả song sa,
 Liễu điều cửu bất thanh : Li cúc hàng srong hoa.
 Trưởng nhi Đương môn lập : Ấu nhi hồ ba ba.
 Đầu thoa trưởng nhiên khởi : Tây vọng không tư ta ?
 Ưc quân tại gia thì : Thoát túc phạm diệc giai.
 Triều triều thực mạch bao : Bất nại tương như hà.
 Ưc quân tại gia thì : Phụ huyền nhan như đà.
 Khiết lai khổ hàn địa : Nhãn đồng thủy như ha !
 Ưc quân tại gia thì : Phạm hậu nhất bôi trà.
 Tây phương tổ phạm thứ : Hà xứ năng sru la ?
 Tiêu khát hữu Cà-Fê : Giá trọng khủng nan xa.
 Ưc quân tại gia thì : Thần xuất phụ sử ba,
 Khẩu hàm diệp quyền yên : Quang huy như chúc hoa.
 Kim hoặc hữu dư tiền : An năng cấu tuyết già
 Niệm thứ mỗi cảnh cảnh : Bách ưu loạn như ma.
 Khởi tri thượng quốc ân : Y bị hà kỳ đa !
 Phạm ngộ sở như vật : Vạn lý lai minh đà.
 Phục dụng ký thích thể : Hội tu chấp can qua.
 Trọng phu thượng chí khí : Hứa quốc ninh cố gia.
 Duy thị thiếp tư quân : Miệt như sơn dữ hà.

KỶ TAM VĂN TIỆP

Sài môn tịch vô hoa : Nhật mộ văn thướt táo.
 Khách tông hà phương lai : Hoan ngôn hữu điền báo !
 Điện báo phù như hà ? Khách vị nhất nhất đạo :
 Cận giả hiệp ước quân : Đại cử tiêm cuồng khấu.
 Đức binh thuộc bại bắc : Vô luận Thồ dự Áo.
 Uy-Liêm toàn khát hòa : Ngã hồ vị tư trạo.
 Liệt cường trí phát văn : Bá-Lâm hội trực đảo.
 Thao thiên họa tương chỉ : Hòa bình phúc tái tạo.
 Thính thử tâm hân nhiên : Lạc hướng thân thích cáo.
 Đấu kiến các quan thụ : Nhất nhất thụ kỳ đạo.
 Văn thử hạ chiến thắng : Dạ lai canh nhiên pháo.
 Quy gia hỉ bất mị : U sàu nhất vị táo.
 Giao tri ngã lương nhân : Kim đương xuất địa diêu.
 Giải an tọa tương tư : Hận thiếp phi bất đáo.

KỶ TƯ CHÍ GIA

Cửu biệt hốt tương tự : Hoan lạc hữu đồng tình.
 Độc thị chinh phu thê : Bi hỉ nãi giao tình.
 Dịch diện nghi mộng trung : Tử địa quân năng sinh.
 Bả quyết ám quân tửu : Vấn quân đồ trung kinh.
 Quân viết trú Bốc-Đô (Bordeaux) : Hữu chuyên Ba-lê thành.
 Lão tụy cố hữu chi : Du khoái nan vi danh.
 Thủy thượng tiêm đỉnh bào : Không trung phi đỉnh thanh.
 Bách vạn ức triệu quân : Pháo hưởng oanh lôi đình.
 Văn kiến thiên địa hiệp : Vãng lai ba đào khinh.
 Tĩnh tọa thính quân ngôn : Hốt đồ hung gian minh.
 Vấn quân thử hà vật ? : Vấn thị chiến bội tình.
 Trì hiện bất nhãn thích : Duy ác sinh quang vinh.
 Quân hồ thả tức kiên : Ư kim vô viễn chinh.
 Đức tặc hoặc tái phát : Đương hiệp trưởng nam hành.

BÀI DỊCH
Số 1: LỨC TIÊN BIỆT

Còi tàu giục già rần vang
Nhỏ neo nhắm hướng trờng dươg cõi ngoài
Trong khoang tàu chàng thời đừg lặg
Đưa thành cầu thiếp lưỡg ngắn ngờ.
Nhìn nhau lòng rối tơ vò !
Vì ai nên nổi đỏi bờ Sám Thương !
Tin giặc Đức đồn vang trong nước
Cõi Âu-châu cường quốc lừg danh
Cuồg say nọc độc «Vấn-minh»
Cùng nói gáy họa đao binh tương tàn
Trông thấy thế Pháp liền căm giận
Chính nghĩa đồn dư luận bốn phương.
Mộ binh thuộc địa đem sang
Thề cùng quét sạch khuyền dươg một đòan.
Chàng sinh phận dân Nam thuộc quốc
Cũng nên vì Pháp quốc hy-sinh
Hiền ngang cất bước lâm hành
Vai mang súng đạn kết thành giáy lưng
Dầu gia cảnh ta từng nghèo khó
Cũng đừg lo mong có mong giàu
Khuyền chàng gắg lập công đầu
Sao cho đất nước thêm màu vinh quang
Phút tiên biệt lòng chàng đặc ý
Nổi riêng này thiếp dễ nguói sao
Gượg cời nuôi lệ đưa nhau
Những lo chàng quá u sầu bi thương
Xưa ly biệt vấn vương là thế
Nay biệt ly, nào dễ khác đâu !
Rung rinh máy chuyền mũi tàu
Tàu quay, trời đất một bầu cùng quay.
Số 2: NỘI NHỚ THƯƠNG ÂM THẨM
Chàng ra đi từ ngày hôm đó

Nhện giảnh song mấy độ giăng tơ
Liều gầy cảnh rủ bơ thờ
Dầm sương cúc héo bên bờ giậu thu
Con đũa lớn u sầu tựa cửa
Đũa trẻ thơ bập bẹ «ba ba»
Ngừng thoi, đừg lặg xót xa
Mỗi mòn con mắt mịt mờ trời Tây
Trưởg nhớ chàng những ngày sum họp
Việc gia đình góp sức làm chung
Ngày ngày rau cháo đờ lòng
Quản gì cam khổ vợ chồng vui thay
Trưởg nhớ chàng những ngày sum họp
Mặt đỏ hồng nắng đốt quản chi
Gặp con rết mướt thối thì
Bền gang khừg chịu quản gì heo may
Trưởg nhớ chàng những ngày sum họp
Sau bữa cơm nhấp nháp ly trà
Giờ đây tìm kiếm đâu ra
Trời Tây vốn chẳng có trà từ xưa
Café giải khát dẫu thừa
Vời mình giá đắt chẳng vừa tầm tay
Trưởg nhớ chàng những ngày sum họp
Buổi hừg đóng cây cuộc ra đờg
Cuốn tròn lá thuốc cháy hồng
Lập lòe nơi miệng trưởg chừg được hoa
Nay dầu có dư thừa tiền bạc
Dám đâu dùng thứ thuốc cao sang
Trưởg chàng thêm nổi nhớ chàng
Tình riêng một gối ngỏn ngang trắm chiều
Há chẳng biết chàng nhiều ơn nước
Biết bao là áo phát quần ban
Cùng là nhu dụng quản trang
Dù xa xôi mấy chu toàn thiếu chi
Ăn mặc với mọi bề trọn vẹn
Giốc một lòng tranh chiến ra tay

Chàng đã quyết chí hăng say
Đáp đền ơn nước nhà này lo chi **F**
Nhớ thương, thương nhớ thời thì...
Núi sông buộc thiệp xa vời cách ngăn

Số III ; ĐƯỢC TIN THẮNG TRẬN VÀ CHỒNG SẮP VỀ

Then cửa gai âm thầm vắng vẻ
Tiếng thước kêu quanh quẽ chiều hôm
Từ đầu khách bước chân chồn
Lại nhà hoan hỉ báo dồn tin xa.
Lòng hồi hộp thiết tha chờ đợi
Rõ ngọn ngành khách nói đầu đuôi :
Mới đây hiệp ước ra đời
Liên minh quân sự diệt loài cường xâm
Mặt phía bắc quân Đức bại tàn
Thổ, Áo kia đầu dảm lượn bản
Cầu hòa Đức đã xin khoan
Rõ ràng hồ đối một đoàn vây đuôi
Phe liệt cường thời thời cũng thuận
Hội Bá-Linh bàn thuận hựu binh
Giải trừ thảm họa Chiến-tranh
Tạo nên hạnh phúc hòa bình từ đây
Tai nghe nói lòng đầy hơn hở
Chạy cùng thân thích báo tin vui
Rõ ràng doanh thự nơi nơi
Phát phơ trước gió, rợp trời cờ bay
Mừng chiến thắng tiệc bày hội mở
Đêm về nghe súng nổ lừng vang
Về nhà nằm chẳng yên giờ giấc
U sầu chinh phục, rõ ràng từ đây
Tưởng chàng xa, tới ngày hết nợ
Đem mình ra khỏi chốn đao binh
Xuống yên ngồi tưởng gia-đình
Nếu như cánh nhận thiệp liền bay qua.

Số VI : CHỒNG VỀ

Trải cách biệt nay đoàn tụ lại
Niềm hân hoan càng nói càng vui
Xưa nay chinh phụ bao người
Ngần ngơ trăm mối buồn vui một mình
Mặt nhìn mặt tưởng mình trong mộng
Ngờ đâu chàng còn sống tới nay
Vì chàng chuốc chén rượu này
Ni nòn lần hỏi những ngày cách xa :
Chàng vui kể dần dà theo chén :
Qua Boóc-Đô, rồi chuyển Ba-lê
Gian lao dù có nhiều bề
Phút giây khoan khoái có khi khó lường
Khi tìm đỉnh sục sôi bọt nước
Khi phi cơ gió lướt mây trùng
Quán binh ngàn vạn oai hùng
Đạn reo súng nổ đùng đùng sấm vang
Đất trời rộng thấy chừng như hẹp
Đường biển khơi sóng lướt nhẹ nhàng
Ngồi nghe chàng kể rõ ràng
Trông lên ngực thấy rõ ràng uy nghi
Hỏi chàng đây cái gì đẹp thế ?
Rằng đây là «Chiến thắng bội tinh»
Tay nâng lòng thiệp tận ngàn
Phòng khuê nay cũng dự phần vinh quang.
Từ nay sẽ đàng hoàng nhân hạ
Chừ còn đâu vất vả binh đao
Mai kia giấc Đức thế nào !
Tông chinh đã có con đầu của ta

NG-QUANG-TÔ dịch



Mộng Bần vấp đáp

Đêm thu trời lác-đác mưa,
Nhà không bốn vách gió đưa ào-ào.
Vỗng nằm ngang, giọng hát-ngao.
Thuốc năm ba điều phi-pháo cầm hơi.
Kêu trời muốn hỏi một lời.
Thằng Bần nó đã kêu tôi sau này ;
Nó sao tệ ác lắm thay.
Ai bày sai nó để đây đọa nhau ?
Thế rồi mượn chén tiêu sầu.
Mắt dần dần nhắm, giấc hầu thành thoi.
Bỗng đâu trông thấy một người,

«Áo lòn lọt vải, vóc gầy guộc xương
Con người đau đến lạ đường ?
Như anh đồ lỗ độ đường phải không ?
— Thưa ông, tôi nước Hữu cùng,
Chữ Bần lên gọi, vốn giống Kiệt-nhi.
Thấy ông trần trọc canh khuya,
Lòng tôi thồn-thức, hơn vì sao đây ?
Quen ông kể đã lâu ngày ,
Làm nên danh có rầy gì đâu
Thương ông còn muốn ở lâu,
Giúp ông công nghiệp về sau còn nhiều.
Ông rằng : «tri cũ tái cao
Học hay thi đậu, công nào tại ai
Niên hoa đã nửa đời người,
Phong lưu ít lúc, trần ai nhiều lần.
Nào khi hưởng tự cung-tân
Bôi bàn đơm đặt ngổ ngàn khó coi.
Mẹ già tóc bạc da mồi,
Nhiều phen lân khờ, ít hồi trăn cam
Vợ con nhẩn nhục lo làm,
Hãy còn xe pháo bắc nam chạy rần
Tuy rằng được tiếng cử nhân,
Nhưng Bần còn cứ theo chân rề-rề.
Nào võng mượn, nào giá thuê,
Nào quần áo vải mùi què gọi là.
Nào khi vay mượn người ta,
Thì Bần tốt trước tới nhà chề bai.
Nào khi thiếu nợ nần ai,
Thì Bần giục-giã cho người mắng óng !
Mắng rằng : «ông chỉ tốt ông !
Khéo hay dày-dạn sao không thẹn thùng !»
Vì Bần nhiều nỗi đau lòng,

Mà Bần kể về những công trạng gì ?
Nhân nay người vắng, canh khuya,
Thôi Bần nói thiệt ông nghe thế nào ?
Bần rằng : « Ông vẫn tài cao,
Mà công đèn sáng càng nghèo càng chằm.
Gối Ôn, màn Dồng mấy năm,
Bạn nhường cao đệ, thầy cầm đại danh.
Chữ rằng : « Thiên ngọc vu thành, »
Bắc Hà mười mấy tỉnh thành biết tên.
Ba sanh đã phỉ mười nguyên,
Làm nên khoa bảng là nền giàu sang.
Đường mây gột bước nhẹ nhàng
Việc trong tân tế thường thường càng hay.
Cụ bà còn thọ còn chầy,
Ơn trời lộc nước kịp nay còn nhiều.
Còn như bà Cử cậu Nhiêu,
Sau này còn mãi phong lưu với đời.
Trần ai ông đã trải mùi,
Ông càng rèn đúc nên tài kinh luân.
Một mai lý chánh trị dân,
Hắn không phi-kỷ, sấu nhân những điều.
Hắn không liều sắc ca điều,
Hắn không hoang phí làm nghèo dân con.
Thanh liêm đầy đò tiếng đồn
Vì hân-vi lắm nên huân-nghiệp nhiều.
Dẫu mà công nợ bao nhiêu,
Có vay có trả, ai nào vỡ ai,
Trách cho mắt thịt những người,
Ở đời mấy kẻ biết đời, thừa ông »
Ông rằng : « Bần thiệt có công,
Nhưng Bần làm khách với ông gọi là.
Năm mươi là tuổi đã già,

Năm mươi tuổi nữa có là bao nhiêu ?
Bần đi cho thoát cảnh nghèo,
Phong lưu cho bỏ lúc nào trần ai »
Bần rằng : « Như hẳn thế thời,
Tấn-tài, Tấn-Lộc xin mời hai ông.
Bần đây về nước Hữu cùng,
Rượu thơ tiền tống xin ông một vài »
Ông nghe Bần nói mỉm cười,
Rượu vài chén rót thơ vài vận ngâm.
Chữ rằng : « Tâm các chiếu tâm »
Bần lên đường thẳng, ông nằm võng khinh.
Gió đầu chạnh bức mảnh mảnh,
Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao !
Đấy nhà hương khí ngạt ngào,
Trông ra trời đã trắng sao rạng ngời.

TỔNG BẦN

Một hàng tinh đầu rạng giòng Ngân,
Rót chén quan san gọi tống Bần.
Trăng gió chào mời vui vẻ mặt.
Cổ hoa đưa đón nhẹ nhàng chân,
Lên cầu, nhằm đọc lời Tư-mã,
Qua chợ đừng nghe tiếng mãi Thần.
Về nước Hữu-cùng ai có hỏi.
Rằng : Ông chữ cũ đã đại can.

VÔ-DANH

(A.L. sao lục)

TOÁN VÀ NGHỆ THUẬT

●●● TRẦN-LỆ-TÀI

THEO Henri Poincaré (1854-1912), nhà toán học và tư tưởng gia hữu danh, thì (... những môn đồ của toán học cũng tìm thấy sự vui sướng giống như bên nhạc và họa. Sự hòa hợp tế nhị của các con số và hình thể, các khám phá đưa tới những viễn tượng bất ngờ, khiến cho họ vui sướng. Mà cảm giác sung sướng ấy có những đặc tánh của một cảm giác thuộc phạm vi thẩm mỹ — dù giác quan không tham dự. Chỉ một số người thường thức được đầy đủ sự sung sướng đó, nhưng phải chăng đó là trường hợp của mọi nghệ thuật cao quý?...»

Bertrand Russel (1872-1970?) thì cho rằng, «Toán học mà hiểu cho rành rẽ, thì ngoài sự vững chãi, còn chứa đựng một vẻ đẹp tối thượng — một cái

đẹp lạnh lùng, nghiêm nghị, y như điều khác.»

Thomas Hill thì khẳng định hơn: «Toán học thường được xem như thái cực của thơ. Tuy nhiên, toán và thơ đều cùng một loại, ở chỗ cả hai đều là sản phẩm của trí tưởng tượng.»

Toán học, quả vậy, có nhiều điểm tương đồng với nghệ thuật. Ngược lại, nghệ thuật cũng nhờ vả tới toán học khá nhiều.

Một thi sĩ, khi làm thơ, phải đếm các «chữ» cho khỏi sai luật. Các tiếng phải được sắp đặt theo một trật tự — dù là thơ cổ điển hay thơ mới, thơ tự do — để thỏa mãn thi vận.

Trong quyển «*Matematica y Poesia*», kỹ sư kiêm thi sĩ Chí Lợi Arturo Aldunate Phillips còn đi xa hơn. Không

những ông thấy nhiều sự liên quan mật thiết trong phạm vi tinh thần lẫn nghệ thuật giữa toán và thơ, mà còn làm một cuộc so sánh hai sản phẩm của trí tưởng tượng của loài người, ở phương diện phát triển, trong lịch sử cũng như vai trò của chúng trong lịch sử văn hóa.

Vai trò của toán trong âm nhạc cũng vô cùng mật thiết. Hai mươi mấy thế kỷ trước đây, Pythagore đã nhận xét rằng, với các sợi dây đàn có bề dài như nhau, nhưng được căng thẳng bằng những sức nặng khác nhau (chẳng hạn theo tỷ lệ 1/2, 2/3, 3/4...) thì chúng tạo ra các âm độ khác nhau một quãng tám, một quãng năm, một quãng bốn... (1)

Toán học gia đã giúp khá nhiều vào việc tạo thành nền nhạc lý. Chẳng hạn như Euclide (350 trước Tây lịch) cha đẻ của toán học cổ điển, đã viết ra hai quyển nhạc lý. Khi loại nhạc đồng âm (*homophonique*) của thời thượng cổ nhường chỗ cho nhạc đa âm (*polyphonique*) của thời trung

cổ, các toán học gia đã góp công vào việc phát triển ở phương diện lý thuyết. Sau đó, với loại nhạc hòa âm (*harmonique*) phát sanh vào thời phục hưng, người ta thấy có Képler (1571-1630), Descartes (1596-1650) và Huygens (1629-1695).

Leibnitz cũng cho rằng: «Trong âm nhạc có tiềm ẩn một bộ óc sắp đặt mấy con số.»

Các toán học gia yêu nhạc là chuyện rất thường. Chẳng hạn Albert Einsein (1878-1955), kẻ đã lật đổ uy quyền của Euclide, lại là người chơi vĩ cầm rất giỏi.

Nhạc cụ, từ những cây kèn tới dương cầm, vĩ cầm... đều được vẽ kiểu và chế tạo theo những tiêu chuẩn vô cùng chính xác và khoa học — không khác sự tinh vi trong toán.

Điều khác, kiến trúc, hội họa... đại khái là những nghệ thuật kẻ nét (*arts graphiques*) họa hình (*arts picturax*) (2), nặn hình (*arts plastiques*) đều sử dụng triệt để các nguyên lý của hình học. Có khi chánh

những nghệ sĩ lại là kẻ tiên phong trong việc khám phá ra những định luật — chẳng hạn các định luật về phối cảnh, mà mãi tới thế kỷ 15 người ta mới nghiên cứu một cách có hệ thống.

Người ta đã nghiên cứu, phân tách khá nhiều các hình thù hình học mà họa sĩ, điêu khắc gia sử dụng (một cách ý thức hay không ý thức) để tạo nên tác phẩm. Chẳng hạn, một trong những phương tiện được tra chuộng nhất, mệnh danh «Section d'or» có liên quan tới phương trình bậc hai.

Rất nhiều đại nghệ sĩ như Léonard de Vinci, Raphael, Michel Ange, Albert Durer..



Je ne connais que trois manières d'exister dans la Société : il faut y être mendiant, voleur ou salarié.

(Tôi chỉ biết có 3 cách sống trong xã hội : là ăn mày, ăn cắp, hoặc làm mướn.)

MIRABEAU

rất lưu tâm nghiên cứu toán học, và không phải đó là những trường hợp ngẫu nhiên.

Gần đây hơn. Paul Cézanne (ông thầy của hội họa hiện đại cũng coi việc bố cục bức tranh phân chia màu sắc tùy xa gần, là phần chánh yếu. Cho nên ta có thể tin rằng, toán và nghệ thuật rất gần nhau.

★★★

(1) quảng : chênh lệch cao độ giữa 2 âm thanh.

2) Xin đừng lầm lẫn với danh từ «họa hình» thường dùng để gọi các họa viên chuyên chép lại hình chụp để thờ, hoặc bán ở chợ trời.

Đỉnh chính vài sai lầm trong lịch sử Nhật Bản về cuộc kháng Nguyên ở Việt-Nam

●●● ĐÔNG-TÙNG

GIỮA khoảng đầu thế kỷ 13, giống người Mông Cổ người ta thường gọi «Con Gấu Bắc Cực» vươn mình đứng dậy cắn vỡ dày xéo nhân loại, từ Á sang Âu.

Dưới vỏ ngựa Thành Cát Tư Hãn và Hốt Tất Liệt tới đâu như ở đó không người, thôn tính hết Âu rồi sang Á và Trung cận Đông.

Ngoại trừ chúng chỉ đại bác tại Nhật Bản và Việt Nam (quân dân nhà Trần)

Hai cuộc chống xâm lăng hai

dân tộc VIỆT NHẬT anh dũng vô song đó, không những lúc bấy giờ mà cho mãi tới nay thế giới còn phải kính phục.

Tiếc thay, khi chép lịch sử cuộc kháng Nguyên của dân tộc mình, các sử giả Nhật bản đã vô tình hay cố ý bỏ sót cuộc kháng Nguyên của dân Tộc Việt, hay nói khác hơn, không công nhận đại cuộc kháng Nguyên ở Á Đông ngoài Nhật Bản còn có Việt-Nam, mà chỉ nhận vai trò độc hất của họ.

Trước khi đi vào chi tiết lịch sử, chúng tôi thiết tưởng cần phải làm một bản kê khai sự việc sử theo niên biểu sau đây :

Một bên là Việt-Nam và sự việc đã xảy ra theo niên biểu.

Một bên là Nhật Bản và những sự việc đã xảy ra kê biên rõ như thế, để đối chiếu :

VIỆT NAM

1257.— Bất giam Sứ Mông Cổ, Tướng Nguyên Ngột Lương. Hợp Thái tử Vân Nam xuống chiếm Thăng Long. Việt Nam phản công. Hợp thái bị thua ở Đông Bộ Đầu ở Quy Hóa phải rút chạy về Vân Nam.

1257.— Sứ thần Nguyên là Nội loạt đản sang yêu sách triều cống và bắt vua Trần Thánh Tông sang châu Thiên triều, bị ta cự tuyệt.

1263.— Sau bao cuộc giao thiệp bằng công hàm qua lại, để tránh sự chiến tranh, Việt-Nam chấp nhận nạp cống vật. Nhưng không phải mỗi năm, mà là ba năm một lần.

1266.— Việt-Nam từ khước chịu cung cấp nhân tài như nho sĩ, y sĩ, thợ mộc, thợ nề, giới. Lúc đó Sứ thần Nguyên qua lại nhưng mắc cửu hoạch họ đủ điều. Nhưng Việt-Nam vẫn cứ làm thình.

1271.— Tháng 3 sứ Nguyên tới Việt-Nam với vua Trần-Thánh-Tông sang châu Thiên Triều.

Trần triều không chấp thuận.

1275.— Trần-Thánh-Tông chống lại sứ nhà Nguyên đòi đặt chức Giám sát Hành chính tại triều đình cũng như các chức vị cổ vẫn hiện đại.

1276.— Nguyên lại cho sứ sang một lần nữa, đòi vua Việt-Nam sang Triều cống. Nhưng lại một lần nữa bị kháng lệnh.

1282.— Nguyên lại cho sứ sang triệu vua phát Trần Nhân Tôn sang triều cống Nhà vua người đi thay. Sau đó nhà Nguyên phái Tuyên Phủ Ty sang giám sát các châu Huyện Việt-Nam, bị đuổi về nước. Sau đó nhà Trần phái quân lên Lạng Sơn đánh tan bọn bù nhìn do Nguyên-Thế-Tồ phong Vương Bọn Sài Thung bị thương mù mắt bỏ chạy về Tàu.

NHẬT BẢN

1268.— Nguyên Sứ khởi sự yêu sách, bắt phái sứ thần sang châu và cống hiến phẩm vật.

Trước sự yêu sách láo xược ấy, Mạc phủ từ chối.

1271.— Nguyên sứ tới Thái Tề Phủ, đòi Hoàng gia Nhật sang Thiên triều dâng cống vật. Mạc phủ không trả lời.

1274.— Mùa Thu tháng 9 quân Nguyên kéo từ Triều Tiên đánh sang, chiếm các đảo Đồi mã, Nhật Kỳ, rồi tới vịnh Bạc Đa, nã thần công và đổ bộ. Nhưng rồi bị bão to, chiến thuyền bị chìm hết.

1276.— Nguyên sứ tới Trường môn, đòi tới kinh đô để gặp Hoàng Gia ở Liêm Xương. Nhưng khi Trần Tây Thánh Đế ở Cửu Châu đưa đoàn Sứ Giả về tới Kinh đô, theo truyền thuyết ; Đoàn sứ giả này bị Mạc Phủ giết sạch.

1279.— Sứ Nguyên lại tới, Mạc phủ hạ lệnh giữ sứ giả ở Bạc Đa. Sau đó sứ Nguyên phải trở về không.

1281.— Quân Nguyên gồm 1000 chiến thuyền và 10 vạn quân, từ Triều Tiên, Phúc Kiến đánh sang Cửu Châu.— Mang theo nhiều nông cụ, với kế hoạch «chiến tranh tương hổ». Đầu tháng 7 đánh chiếm Đồi Mã, Nhật Kỳ, Hạc đả, Bạc đa và phi tiêu.

Nhưng rồi ngày mồng 1 tháng 7 nhuận, bị một trận bão khủng khiếp, bao nhiêu chiến thuyền và binh bị đắm hết.

Cuộc xâm lăng Nhật Bản của Mông Cổ, tới đây bị thiên tai kết thúc. Vì vậy mà người Nhật thường bảo rằng :

Nước Nhật là đất của Thái Dương Thần Nữ, dành cho giống người Phù Tang, không ai có thể đánh chiếm được.

So sánh niên biểu trên đây (tại Nhật năm 1281, tại Việt-Nam năm 1282) thì ta thấy rằng : Cuộc kháng Nguyên của nước Nhật tới đây là liễu. Trái lại ở Việt-Nam còn phải trải qua bao gian nan, ác liệt nữa mới đi tới toàn thắng.

Chúng ta hãy đọc tiếp sau đây :

1283.— Mông Cổ huy động 50 vạn quân thủy bộ do Hoàng tử Thoát Hoan chỉ huy tiến đánh Việt-Nam bằng hai đường thủy lục Lạng Sơn (lục) Thanh Hóa (thủy).

1284.— Trước họa Tổ quốc bị xâm lăng, Trần Nhân Tôn mở hội nghị Diên Hồng, toàn dân quyết chiến.

— Hưng Đạo Vương bị thua ở Lộc Châu và Chi-Lăng

— Thăng long thất thủ, toàn trấn Kinh Bắc tràn ngập quân Nguyên.

— Nghệ An thất thủ, Trần Nhân Tông bỏ chạy vào Thanh Hóa.

1285. — Trần Nhật Duật đại thắng quân Nguyên ở Hàm Tử Quan.

— Trần Quang Khải đại thắng ở Chương Dương.

Thoát Hoan bỏ Thăng Long chạy sang Bắc Ninh.

— Hưng Đạo Vương thắng quân Nguyên ở Tây Kết, Nguyên tướng Toa Đô tử trận, Nguyên quân định do đường thủy rút chạy về Tàu, ta chặn đánh đại thắng ở Vạn Kiếp. Toàn thủy, lục Nguyên bị tan vỡ. Thoát Hoan chui vào ống cống để thoát hiểm, sau đó do đường Lạng Sơn trốn về Tàu. Chỉ có sáu tháng, từ tháng chạp năm 1284 đến tháng sáu năm 1285, ta quét sạch 50 vạn quân Mông Cổ đã lan tràn khắp nước.

1286 Tuy đại bại nhưng vẫn chưa hết ngoan cố, Nguyên Thế Tổ còn cố gắng phục thù, bằng phương pháp tạm đình chỉ việc thôn tính Nhật Bản giốc hết thủy lục quân ở mặt trận Nhật đồn cả mặt trận Việt-Nam, mong phục thù vẫn hồi lại tình thế.

Nếu như bảo rằng : «Lịch sử là một sự lặp lại» thì trường hợp này nó những diềm dị đồng với thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa ở Đông Dương.

Diềm tương đồng : Chiu bỏ Đông Dương để giốc hết quân số và vũ khí sang tái chiếm Algérie.

Diềm vị liệt : Đem cái Đông Dương khi đã bại làm vật bảo đảm. Đề lấy viện trợ tiền và vũ khí dùng cho việc tái chiếm Algérie. Nhưng rồi cả đôi «Sôi hồng bồng không» thì lại là một chuyện ngoài ý muốn của họ.

1287 Mùa xuân tháng hai, Thoát Hoan lĩnh 30 quân do hai mặt thủy lục đánh vào Việt-Nam lần thứ hai. Thoát Hoan chiếm lại Vạn Kiếp, lại vây Thăng Long, nhưng không chiếm nổi, Trần Nhân Tông lánh vào Thanh Hóa. Nhưng rồi bao nhiêu lương thảo của Quân Nguyên bị Trần-Khánh Dư phục kích phá sạch ở Vân-Đồn.

1288. — Quân ta đại thắng quân Nguyên ở Bạch - Đằng thượng tướng Ô Mã Nhi bị bắt, năm mươi vạn quân Nguyên lại một lần nữa bị đánh tan, Thoát Hoan cũng một lần nữa bỏ trốn về Tàu.

1289. — Sau khi đại thắng quân Nguyên hai lần, ta trao trả hết tù binh, rồi lại đặt liên lạc ngoại giao trên nguyên tắc bình đẳng.

Sau khi đọc hết bản so sánh sự việc trong đại cuộc kháng Nguyên của hai dân tộc Nhật Việt, đã được Ông Châm Vũ kê biên trong tác phẩm «Nhật Bản sử lược Tập II trang 174», ta có thể nói mà không sợ sai lầm rằng :

Đại cuộc kháng Nguyên của dân tộc Việt Nam quả là trường kỳ và vĩ đại hơn cả dân tộc Nhật Bản.

Ấy thế mà các sử gia Nhật khi chép lịch sử kháng Nguyên của họ, họ đã cố ý bỏ quên đi. Đành rằng khi chép lịch sử của mình, họ có quyền không nói tới. Nhưng họ không có quyền nhận xét sai lầm với những tương quan lịch sử. Ví dụ những câu :

«An-nam cũng bị nhà Nguyên thôn tính» và «Nhật Bản là nước

duy nhất ở Á-Đông còn sót lại ở ngoài vòng Đế quốc Mông Cổ».

Đề nhận xét thêm, ta hãy đọc lại lịch sử Nhật Bản.

Theo bộ sách «Mông Cổ chi lai tập» tiếng Nhật gọi là Mōkō no Raishū» có đoạn chép như vậy :

Tới đầu thế kỷ 13, khi nhà Tống bắt đầu suy nhược để bị người nước Kim ở phương Bắc đánh thua phải chạy xuống miền nam lập lại Nam Tống ở hạ lưu Dương Tử Giang thì đồng thời các bộ lạc du mục tại Nội, Ngoại Mông cổ kết hợp nhau lại và trở nên cường bạo dưới quyền chỉ huy của Thành Cát Tư Hãn (Zingisukan).

Tướng này trước hết, đem quân lực đánh chiếm các nước phương tây rồi quay lại đánh chiếm nước Kim, thu phục Cáo Ly, diệt Nam Tống cai trị từ Vân Nam, Tây Tạng, An-Nam ở phương nam A Châu đến Nga Lá Tư, Ba - Lan, các nước phương tây, tạo nên một vùng trời Đế Quốc bao la rộng lớn.

Lại ở một đoạn khác viết :

«Vào khoảng sơ kỳ của Liên Xương, Mạc Phủ tiêu thời đại,

nhất là trong những năm cuối thế kỷ mười hai nói chung về phía trời đông như Triều Tiên, Mãn-Châu và Hoa Bắc thuộc về nhà Kim, Hoa Trung và Hoa-Nam thuộc về nhà Tống, còn về mạng Bắc thuộc về các bộ lạc du mục tại Cao Nguyên Mông Cổ. Đến đời Thế Tổ Hốt-Tất-Liệt (Fubirai) Mông Cổ trở nên toàn thịnh, thống nhất được Trung-quốc, dựng nên nhà Đại-Nguyên, rồi đánh chiếm luôn các nước chung quanh, ngoại trừ Nhật Bản là quốc gia duy nhất còn sót lại...!

Đọc lại đoạn văn trên đây, ta thấy có những ngộ nhận đáng tiếc của các Sử gia Nhật, đúng như lời nhận xét của ông Châm Vũ trong bộ « Nhật Bản sử lược » của ông.

Ông Vũ viết :

« Như vậy, về ghi chép chung của Sử liệu Nhật Bản, chỗ thì ghi rõ « An-Nam bị nhà Nguyên cai trị » chỗ thì ghi đánh chiếm luôn các nước xung quanh Trung Quốc ; tức trong đó có cả Việt-Nam, chứng tỏ từ xưa tới nay, người Nhật Bản văn học và văn tin rằng, trong phạm vi Đế-Quốc Mông Cổ có cả Việt-Nam. Vì vậy, theo đây đoạn văn trích

dân trên : « Cả Á-Châu chỉ Nhật Bản là quốc gia duy nhất không bị Mông Cổ đánh chiếm, cai trị ».

Không bị người Mông Cổ hung hãn chiếm hầu hết Á và Âu cùng Trung Cận đông cai trị là ở trong hai tiếng « không bị » ấy có chứa đựng sự kiêu hãnh riêng của nước Nhật mà dân tộc khác không có được ».

« Trước mình chứng lịch sử, Việt-Nam không bị nhà Nguyên cai trị, ngược lại, Đại cuộc kháng Nguyên của Dân Tộc Việt, còn cứu được Đông-Nam-Á châu trước họa xâm lăng của Đế quốc Mông Cổ, và còn giúp cho Nhật-Bản được dễ hơn trong cuộc chiến thắng Mông Cổ. Vì khi Mông Cổ đại bại ở Việt-Nam, Mông Cổ phải dành bỏ mặt trận Nhật-Bản để giốc toàn lực sang Việt-Nam tái chiếm trả thù.

Ngoài những điều trên, chúng ta cũng cần nêu một điều sau này nữa.

Chương trình Mông Cổ thôn tính Á-Châu, được chia ra làm ba :

— Trước nhất là đánh Tàu (tiền chiến Trung nguyên).

— Thứ hai là đánh Việt-Nam và Nhật-Bản (thứ chiếm Việt-Nam).

Sau hết là Đông-Nam-Á (Hậu chiếm Đông-Nam-Á).

Vì vậy, sau khi thôn tính được Trung Hoa rồi, Mông Cổ bắt đầu đánh Việt-Nam lẫn Nhật-Bản trong cùng một thời gian, như ta đã thấy ở bản kê niên biểu sự việc trên.

Lại theo lá thư của vua Mông Cổ gửi cho Vua Trần Nhân Tôn trong năm 1182, xin mượn đường Việt-Nam sang đánh Chiêm Thành càng rõ ràng hơn nữa, Mông Cổ chỉ lấy Việt-Nam làm bàn đạp để xuống Đông-Nam-Á.

Bởi vậy, đã vì lý do nào mà buộc nhà Nguyên phải bỏ dở chương trình đánh Nhật và không thực hiện mộng xâm lăng toàn cõi Á-Châu ! Nếu không phải là chúng đã bị Việt-Nam bẻ gãy trong bước đầu.

Kết luận

Qua những giòng lịch sử được trình bày trên đây, chúng ta có thể tạm kết luận rằng :

Công cuộc kháng Nguyên của

Việt-Nam đã làm tan vỡ chương trình thôn tính toàn cõi Đông-Nam-Á của Nguyên Thế Tổ và cũng có lợi cho Nhật Bản rất nhiều. Bởi lẽ rất giản dị là nếu Việt-Nam bị thua để đến nỗi bị nhà Nguyên thống trị thực sự như sử liệu Nhật-Bản đã ghi chép, thì tất nhiên nhân đà thắng ấy, quân Nguyên đã tràn thẳng xuống Đông-Nam-Á để thực hiện mộng xâm lăng vùng này và cũng sẽ dốc toàn lực sang đánh Nhật Bản lần thứ ba nữa (vì hai lần trước bị tổ bão chiến thuyền bị đắm hết) để rửa cái nhục hai lần trước chưa đánh mà đã bị thua.

Lúc bấy giờ Nhật-Bản có bị Mông Cổ chiếm hay không, do chỉ là một sự ước đoán. Nhưng có điều chắc chắn rằng, rành núi xương sống máu không sao thoát khỏi

Cho nên việc đại thắng quân Nguyên luôn ba trận trong những năm 1257 và 1258 và 1288 của Việt Nam, không những tự cứu được mình mà còn tránh cho Nhật-Bản và Đông-Nam-Á cảnh chiến tranh tang tóc nữa.

Một chính trị kiêm quân sự gia Đông-Phương cổ, — ông Vương

An Thạch — có nói «Lấy chiến tranh để chấm dứt chiến tranh, thì chiến tranh ấy cũng là một sự hợp lý» (Di nhiên chỉ chiến, tuy chiến khả giá.)

Quả là đúng với cuộc kháng Nguyên của Dân tộc Việt - Nam vậy.

Sau cuộc chiến tranh Đông Dương (1946 — 1954) nhiều tài liệu được xuất bản ở Pháp, viết lại sự việc trong 9 năm kể cả trận Điện Biên Phủ một cách tương đối khách quan và tôn

trọng sự thật. Vậy ta thử so sánh :

— Một dượng người Pháp, công nhận điều thất bại của mình cùng những sự thắng lợi của đối phương, đề bảo tồn sự thật.

— Một dượng người Nhật, không chịu nói sự thắng của bạn, đề độc chiến địa vị ưu việt của mình.

Đứng trên quan điểm Sử học ta thấy hơn thua nhau chỗ đó.



Strike the iron while it is hot. (Tục ngữ Anh)

(Đập sắt khi nó còn nóng) : đừng để tới ngày mai những gì phải làm hôm nay.

Tục ngữ Pháp cũng nói : *Battre le fer quand il est chaud*

Quái-Đàn Tây-Phương

RỪNG CỎ QUI

của JOSEPH PAYNE BRENNAN (1)

GIANG TÂN dịch

(Tiếp theo P.T 249)

— «Frank ạ ! Tôi không bắt buộc anh phải tin lời nói của tôi, nhưng câu chuyện thật sự đã xảy ra như vậy. Thật là một sự tình cờ mà tôi đã bước được chân ra khỏi khu rừng cỏ đó. Tôi cũng không biết là tôi đã làm gì để ra khỏi được nơi đó. Và còn một điều kỳ lạ nữa, là lúc tôi không còn thấy đám cỏ mênh mông đó chung quanh tôi, tự nhiên tôi cảm thấy lo sợ vô cùng. Lúc đó bỗng dưng tôi lại có ý muốn thiết tha lao mình trở lại trong khu rừng cỏ mặc dù trong thâm tâm tôi vẫn còn cảm thấy một sự sợ hãi không bờ bến.

— Frank ạ : Có lẽ, tôi phải trở lại khu rừng cỏ đó. Dường như ở nơi đó có những cái gì bí hiểm lắm, những cái đang thách đố mọi luật lệ có sẵn của thiên-nhiên. Tôi có ý định phải khám phá những điều đó. Muốn vậy tôi phải thực hiện một dự định mà tôi đã nuôi sẵn trong đầu óc.»

Những lời thao thao bất tận của Canavan làm đảo lộn tâm trí tôi. Nhớ lại cái cảm giác kỳ lạ do chính tôi chứng kiến lúc đứng ở cửa sổ phía sau căn tiệm của Canavan nhìn ra khu rừng cỏ làm cho tôi tin

tưởng thêm câu chuyện do Canavan thuật lại. Tuy vậy, tôi vẫn tìm cách khuyên bảo Cannvan là đừng bao giờ nghĩ đến việc mạo hiểm đi vào khu rừng cỏ nữa. Nhưng những lời khuyên bảo của tôi cũng giống như những gáo nước đổ xuống đầu vịt.

Tôi từ giả Canavan với đầu óc tràn ngập đầy những ý nghĩ mông lung.

Sau đó một thời gian nhiều ngày, tôi trở lại thăm Canavan. Rõ ràng những lo ngại của tôi đã trở thành sự thật!

Như thường nhật, cửa chính vẫn không khóa. Tôi rào đi khắp các phòng mà chẳng thấy bóng dáng của Canavan đâu cả! Cuối cùng, vì quá lo lắng cho số phận của người bạn, tôi đẩy cánh cửa phía sau và nhìn ra sân. Quang cảnh vẫn buồn chán, hoang vu, không có một sự sống. Khu rừng cỏ vẫn chạy dài, đó đây nổi lên giữa khoảng không những cành cây khô màu đen cháy.

Tôi cảm thấy như có một vật gì ở dưới chân. Tôi cúi xuống nhìn thì té ra đó là một sợi giây được cột từ phía trong cửa nhà chạy ra khu rừng cỏ.

Tôi nhớ lại dự định của Canavan và chợt hiểu công dụng của sợi giây. Bạn tôi lại mạo hiểm vào khu rừng cỏ và lần này, bạn tôi lại kéo theo sợi giây và cũng chính nhờ sợi giây này, bạn tôi sẽ tìm đường trở về một cách dễ dàng, không sợ bị thất lạc trong khu rừng cỏ nữa.

Chỉ mới có ý nghĩ đó mà lòng tôi cảm thấy nhẹ nhàng đôi chút. Chắc chắn là Canavan hiện ở trong khu rừng cỏ. Tôi có ý đợi anh ta trở về. Nếu anh ta có dịp đặt chân khắp hết khu rừng cỏ thì đó cũng là một dịp để anh ta phá tan mọi ám ảnh trong đầu óc của anh.

Tôi trở ra phòng ngoài, lật đi lật lại mấy cuốn sách cho qua thì giờ. Nhưng sau gần một tiếng đồng hồ chờ đợi, bỗng một phút lo lắng xâm chiếm đầu óc tôi. Tôi tự hỏi là Canavan đã tổn mất bao nhiêu thì giờ đi lại trong khu rừng cỏ đó, nghĩ đến tình trạng sức khỏe suy kém của anh, tự nhiên tôi cảm thấy chính tôi phải chịu trách nhiệm về những gì không hay sẽ xảy đến cho anh.

Quá sốt ruột, tôi chạy ra phía cửa sau, vẫn không thấy bóng dáng Canavan đâu, tôi bắt đầu gọi to tên anh. Tôi có ngay cảm tưởng là tiếng nói của tôi không vang ra được khỏi khu rừng, âm ba như bị bóp nghẹt không thoát khỏi căn nhà nhỏ bé của Canavan.

Gọi tên Canavan nhiều lần mà không nghe trả lời, tôi quyết định lao vào rừng cỏ đi tìm anh. Muốn tìm Canavan một cách chắc chắn nhất, tôi phải lần theo sợi dây đã được buộc chặt vào chân một cái bàn vững chắc đặt trong nhà. Tôi cầm lấy sợi dây «Driane» này và lao mình một cách hăng hái vào rừng cỏ.

Mới đầu, tôi tiến bước một cách rất dễ dàng. Nhưng càng bước sâu vào rừng cỏ như cứ mỗi lúc mỗi dày thêm, tôi phải vất vả lắm mới chen chân ra phía trước để tìm ra lối đi. Bước lên vài bước, tự nhiên, tôi cảm thấy cô đơn lạ lùng. Phải rồi! Nơi đây tạo ra một cảm giác bí hiểm cho tất cả những ai đặt chân đến đây. Tôi có cảm giác như đang sống ở một thế giới khác — một thế giới của cỏ hoang dại, gai góc và đó đây lại nổi

lên những tiếng thì thào ma quái.

Bỗng chốc, tôi lần bước đến đầu sợi giây. Cúi xuống nhìn tôi thấy sợi giây bị cuốn vào một bụi gai, nơi cỏ xát đã quá mòn làm cho sợi giây gần muốn đứt. Tôi khum mình, mất nhiều phút mà vẫn không tìm ra đầu giây.

Canavan hiện ở đâu?

Tôi thẳng người đứng dậy, đưa hai bàn tay làm loa và gọi lớn tên Canavan. Lạ lùng thay, tiếng gọi của tôi như bị bóp nghẹt trong cỏ họng, tiếng gọi đó như từ dưới đáy giếng vọng lên.

Nỗi lo lắng càng lớn dần. Tôi lại lần bước đi. Cỏ vừa cao, vừa dày, tôi phải đưa hai tay ra trước để tìm lối đi cho mình. Lúc này, tôi bắt đầu thở hồng hộc, đầu cảm thấy nhức nhối khó chịu. Tôi không còn kiểm soát được cái nhìn của tôi nữa. Cái cảm giác đó giống cái cảm giác mà chúng ta phải chịu đựng dưới một buổi trời nóng như thiêu như đốt giữa khi khởi sự một cơn giông với bầu không khí chứa đầy những luồng điện. Đến lúc

này, chính tôi cũng không biết là mình đang ở nơi nào. Tôi cố giữ lấy bình tĩnh. Tôi bỗng phì cười khi nghĩ rằng mình đã bị thất lạc trong một cái sân cái!

Khu rừng vẫn hoang vu, lạnh lẽo. Tôi vẫn cố lê bước.

Bỗng chốc tôi cảm thấy tôi không còn cô độc nữa. Tóc tôi dựng ngược lên lúc tôi yên trí rằng dường như có một người nào hoặc một con vật nào đang lê mình trong đám cỏ ở một khoảng cách rất ngắn phía sau tôi. Tôi không dám đoán quyết rằng tôi đã nghe tiếng động đó nhưng tôi đinh ninh là có một con vật quái nào đang quan sát tất cả những cử động của tôi.

Trong một khoảnh khắc, vì quá kinh hoàng, tôi toan tính bỏ chạy. Nhưng rồi một sự tức giận khó diễn tả xâm chiếm lòng tôi, đồng thời xóa tan mọi sự sợ hãi. Sự tức giận đó đối với Canavan, đối với cái sân sau nhà của anh ta, đối với ngay tôi, nên tôi thề sẽ cố tìm cho ra tất cả bí mật từ lâu đã ám ảnh tôi.

Tôi quay mình trở lại và lao thẳng vào đám cỏ mà tôi nghĩ

có tiếng động.

Bỗng nhiên tôi đứng sững lại, vì bị ám ảnh bởi một cảnh tượng kỳ lạ đang diễn ra trước mắt.

Trong ánh sáng yếu ớt lọt qua đám cỏ cao, tôi nhìn thấy Canavan đang bò dưới đất, giống hệt như một con thú rừng ở trong tư thế muốn lao mình về phía trước. Đôi kiếng trên mắt của anh không còn thấy nữa. Quần áo của anh rách tươm Canavan nhăn mặt để lộ hàm răng trắng giữa đôi môi khô cứng vì điên loạn. Anh ta nhìn tôi với cặp mắt đầy hận thù. Trên tóc và khắp mình mẩy của Canavan đều bám đầy những sợi cỏ, trông chừng như anh ta đã lăn mình trên cỏ.

Sau phút kinh hoàng đó, tôi lấy lại bình tĩnh cất tiếng hỏi Canavan :

— Canavan ! anh còn nhận ra tôi không ?

Canavan trả lời tôi bằng một tiếng gầm gừ giống như một con thú dữ. Anh ta co mình lại trong tư thế sẵn sàng lao thẳng vào tôi. Quá sợ, tôi lùi lại một bước, và ngã mình ra phía sau.

Dường như sự sợ hãi đã làm tăng thêm sức mạnh, vì sau đó tôi liền đứng dậy và cầm đầu chạy. Ở phía sau, dường như có chân người đuổi theo ?

Tôi vẫn tiếp tục chạy. Những sợi cỏ quất mạnh vào mặt tôi. Những cái gai nhọn đâm mạnh vào da thịt tôi. Nhưng tôi không cảm thấy đau đớn gì cả. Tất cả ý chí về tinh thần và thể chất của tôi lúc này tập trung vào quyết định dứt khoát là tìm cách ra khỏi khu rừng cỏ hoang vu này.

Tôi không kịp thở. Đôi chân run lên. Những đốm sáng xoay vòng tròn trước mắt tôi. Nhưng tôi vẫn tiếp tục chạy

Tiếng chân chạy theo tôi nghe gần hơn. Lúc này tôi nghe cả tiếng gầm gừ ở phía sau tôi không quá đầy một thước. Lạ lùng thay là trong lúc này, tôi có cảm giác mình đang chạy vòng tròn.

Vừa lúc kiệt hơi, đôi chân muốn quỵ xuống, tôi thả mình nằm dài xuống đám cỏ. Không ngờ trước mắt tôi là phía sau cửa tiệm của Canavan.

Quá đuối sức, tôi cố trườn mình đến cánh cửa sau, mà

không dám quay đầu trở lại vì lo sợ bắt gặp con người đang theo đuổi mình.

Vào đến nhà, tôi ngồi vào chiếc ghế bành. Dần dần hơi thở của tôi trở lại bình thường, nhưng tâm trí của tôi vẫn còn bị đảo lộn vì nỗi kinh hoàng vừa phải trải qua.

Lúc này tôi nghĩ rằng Canavan đã hoàn toàn mất hết lý trí. Anh ta đã trở thành một người điên loạn muốn giết chết tất cả mọi vật sống mà anh ta bắt gặp ở dọc đường. Đôi mắt căm hận mà anh ta đã nhìn tôi lúc này là đôi mắt của con thú dữ. Ở Canavan không có chút gì nhân tính nữa. Chỉ có cái chết mới giải thoát cho anh ta được.

Tuy nhiên Canavan vẫn còn giữ cái xác của con người. Tôi cũng không có thể quên rằng anh ta là bạn của tôi. Nhưng tôi cũng không có thể tự ý hành động theo riêng tôi.

Không ngập ngừng, tôi gọi điện thoại cho sở cảnh sát báo các nội vụ, yêu cầu họ đưa đến vài nhân viên và một chiếc xe cứu thương. Nhưng lời kêu

gọi của tôi chỉ đưa lại kết quả
thảm khốc !

Sau khi trải qua một cuộc
thăm vấn hết sức chặt chẽ, sáu
nhân viên cảnh sát bắt đầu mở
cuộc ruồng xét trong khu rừng
cỏ nhưng chẳng thấy dấu vết
của Canavan đâu cả. Họ bước
ra khỏi khu rừng vừa chửi thề
ôm tôi, vừa dụi đôi mắt. Tức
giận và tỏ vẻ khó chịu, họ
tuyên bố là không thấy gì cả.
Trái lại họ xác nhận có nghe
tiếng chó gầm gừ nhưng thật
ra họ không thấy bóng dáng
con vật ấy đâu cả.

Lúc họ đưa ra những chi tiết
đó, tôi định mở miệng nói
nhưng rồi lại im lặng, vì tôi
nghĩ rằng trong lúc này tất cả
mọi người cho tôi đã mất trí.

Tôi lặp đi lặp lại câu chuyện
của tôi đến 20 lần, nhưng chẳng
ai thèm nghe tôi nữa. Sáu nhân
viên cảnh sát tiếp tục lục soát
căn nhà hết sức kỹ lưỡng.

Cuối cùng họ tuyên bố là
Canavan có thể bị bắt tỉnh vì
bị xúc động quá mạnh và đã
bỏ nhà ra đi đâu đó. Họ không
tin những lời của tôi nói về
sức khỏe của Canavan. Họ
bảo tôi đã diễn tả một cách

quá đáng. Họ còn cảnh cáo
là tôi còn phải trải qua một
cuộc thăm vấn khác, sau khi
họ đã ghi rõ địa chỉ riêng của
tôi.

Về sau những cuộc tìm kiếm
khác cũng không được lại kết
quả gì mới. Họ ghi tên Cana-
van trong sổ những người
bị ghi là mất tích, và người
ta bỏ qua nội vụ.

Nhưng riêng tôi thì không.

Sau 6 tháng kiên nhẫn đọc
nhiều sách ở thư viện đại học,
tôi tìm ra được một giải
tảích của sự bí mật, nhưng
đây cũng chỉ là một giả
thuyết rất ly kỳ.

Vào một buổi chiều kia,
nhân viên thư viện tỏ vẻ vui
mừng khi mang lại cho tôi
một cuốn sách xuất bản vào
năm 1695. Sách không đề tên
tác giả, nhưng nhan đề mang
dòng chữ như sau «*Cái chết
của mụ phù thủy Goodie
Larkins.*»

Câu chuyện kể lại rằng :

Cách nhiều năm trước đây,
một mụ đàn bà tên gọi là

Goodie Larkins bị láng giềng
buộc tội đã biến hình một em
bé mất tích thành một con
chó. Vào thời đó, phong
trào tàn sát Salem được
phát động cực kỳ mạnh mẽ,
do đó Goodie Larkins sau một
cuộc xét xử sơ sài liền bị kết
án tử hình. Thay vì bị thiêu
sống, người ta dẫn mụ phù
thủy này tới một vùng đầm lầy
ở giữa rừng, rồi người ta thả
nhiều con chó đói nhay vào
căn mụ.

Giữa lúc những con vật hung
dữ nhay vào ăn thịt mụ, thì mụ
la lớn một câu thần chú như
sau : «Ta nằm xuống nơi nào
là đất nơi đó sẽ chạy dài tới
địa ngục. Tất cả những ai đi lạc
vào khu đất này sẽ trở thành
giống như những con vật đang
ăn thịt ta !»

Sau khi nghiên cứu kỹ về
những biến cố xảy ra trong
thời gian đó, tôi mới biết rằng
khu rừng cỏ này nằm đúng vào
địa điểm mà mụ phù thủy đã
chết.

Tôi trở lại khu rừng vào một
ngày lạnh lẽo cuối thu. Tôi cũng
không hiểu vì sao tôi lại có ý
định trở lại chốn này. Có lẽ vì
nghĩ tới một người bạn xưa,

hay vì tôi còn hy vọng tìm ra
một sự kiện nào mới mẻ
chăng.

Khi đến đây, nhìn lại
rừng cỏ hoang dại, những
cành cây chết khô màu
đen, những bụi gai góc,
tôi thấy cảnh vật thê lương
lạ thường, tuy nhiên, tôi vẫn
có ý muốn nào nức muốn
bước vào khu rừng cỏ dại
Lại một lần nữa, tôi có cảm
giác như khu rừng cỏ dài rộng
thêm ra. Có một cái gì cứ
thúc giục tôi lao mình vào
rừng cỏ và bắt ta vừa chạy
vừa la.

Nhưng đến phút cuối cùng,
tôi quay mình lại và bắt đầu
bỏ chạy. Dưới bầu trời lạnh
lẽo của mùa thu, tôi cảm đầu
chạy như điên qua nhiều ngã
đường, về đến nhà, tôi đóng
sầm cửa lại.

Và cũng từ ngày đó, tôi
không bao giờ nghĩ đến việc
trở lại thăm khu rừng cỏ quái
đó nữa !

JOSEPH PAYNE BRENNAN
GIANG TÂN dịch

(1) Trích trong cuốn «*wine
Hrorors and a Dream*»

□□□



... ĐANG-DOANH

YÊU VỤNG

TOÌ dừng xe đạp bên lề đường, hai cẳng chân soải rộng để giữ lại thăng bằng. Vừa ngược nhìn lên tấm bảng quảng cáo, hàng chữ NUDE viết bằng sơn đỏ đập mạnh vào mắt tôi khiến tôi không thể đạp xe đi ngay được. Với trình độ học vấn bậc trung học, tôi chỉ nhớ mang máng rằng nude có nghĩa là khoả thân. Nhưng hình ảnh người con gái ăn mặc hở hang kèm theo hàng chữ giúp tôi tin chắc

tôi không thể dịch sai nghĩa chữ đó, tất nhiên những phim thuộc loại này thích hợp nhất đối với tôi.

Tôi vội đẩy xe vào chỗ gửi xe, lấy thẻ rồi bước nhanh lại quầy mua vé, chỉ sợ có người mua vé trước hoặc rạp hết chỗ bất ngờ thì ưỡng một dịp may.

Như vậy là tôi đã «cúp cua» hai giờ toán lý hóa. Hai môn học thật buồn tẻ đối với tôi.

Tôi thấy chẳng ích lợi gì khi cứ phải ngồi yên hàng giờ để nghe ông giáo sư trẻ nói huyền thuyên về những định luật chẳng ăn nhập gì với cuộc sống hiện tại của tôi. Và bao giờ cũng vậy, kết thúc giờ học là một bài toán do ông đọc thuộc lòng. Cứ theo lối đó, cuối năm chúng tôi đi thi, kể đậu thì phần khởi học tiếp, người rớt lại chúm mũi vào chông sách cũ, mà nghiên ngẫm, mà suy luận về thân phận và cuộc đời mình.

Trong rạp tối thui, nhờ ánh sáng rất rõ của phim thời sự nên chỉ năm phút sau tôi đã nhận ra một ghế trống để ngồi. Tuy vậy tôi cũng chưa yên tâm, trong lúc chờ đợi phim chính, phim nude tôi đảo mắt nhìn xung quanh chỗ mình xem có con mồi nào không. Con mồi ở đây là một ả cô độc, một ả đẹp lại càng tốt nhưng khó kiếm một ả đẹp ở hàng ghế bình dân này. Sản mãi tôi mới gặp một nàng ngồi sát tường với một cậu nhỏ, không biết con hay em nàng. Con nàng đối với tôi cũng không thành vấn đề, bởi vì nàng đã mạo hiểm đi vào thế

giới của đàn ông, của tình yêu vụng trộm này thì nhất định nàng phải là loại gái thích được những bàn tay xa lạ vuốt ve, triu mến. Còn nghệ thuật ư? Nghệ thuật đối với nàng chỉ là lý do phụ.

Riêng đối với tôi, đi xem phim khiêu gợi mà không có người đàn bà bên cạnh để cùng thưởng thức thì chẳng khác nào ăn một tô phở thiếu đồ gia vị. Nên sau vài phút suy tính, khi biết chắc chiếc ghế trống bên nàng không phải để dành cho một người đàn ông vừa bỏ đi, tôi vội đứng dậy, đi vòng xuống phía dưới rồi thảm nhiên đến ngồi bên nàng như một người vừa tới. Nghe tiếng động, nàng quay lại nhìn tôi xong lại nhìn lên màn ảnh. Chỉ trong một giây, đôi mắt chuyên nhìn tôi đã cho tôi biết nàng vào khoảng 18, 19 tuổi, hơi mập, khuôn mặt tròn, nước da ngăm ngăm. Tôi mỉm cười nhủ thầm: «Như vậy cũng được đi.»

Lúc này tôi rất dễ tính, gặp ai cũng yêu, mặc dù tôi vẫn là một thanh niên kén vợ kinh khủng. Người vợ tương lai của

tôi là một nữ sinh 16 tuổi, đẹp dịu hiền. Chúng tôi rất hợp ý nhau và yêu nhau chân thành. Sở dĩ hôm nay tôi không mời nàng cùng đi là do bản tính kín đáo thẳng thắn của nàng, nàng rất sợ cử chỉ âu yếm một cách trắng trợn như hôn hít, xoa nắn thân hình nàng. Vì vậy tôi sợ nếu trong phút bốc đồng mà có thái độ thiếu nhã nhặn sẽ khiến nàng ngoay ngoáy tháo lui và không mong giữ nàng ở lại.

Phim chính đã bắt đầu chiếu. Trên màn ảnh góc trái là một khung cửa tròn, lò mờ in hình một vũ nữ đang thoát bỏ dần những vuông vải trên thân thể nàng. Những vuông vải cứ mỗi lúc một nhỏ tôi không nhận ra đó là cái gì nữa.

Cặp mắt tôi mở rộng, đắm đắm theo dõi những biến chuyển trên màn ảnh. Một người đàn ông trạc ngoại tứ tuần gầy và cao, khuôn mặt nhỏ khắc khổ như một nhà mô phạm kiểu-mẫu, dẫn tay một cô gái phục sức rất trang nhã kiểu nữ sinh, cả hai cùng tiến ra sân khấu. Tôi nghĩ chắc hẳn đây là một màn ảo thuật hay một

màn trình diễn song ca. Sau lời giới thiệu, người đàn ông mà tôi tưởng là một người cha nhân từ hỏi cô gái câu gì đó. Cô gái trả lời một tiếng ngắn rồi người cha lui vào hậu trường, để lại đứa con gái thơ ngây bắt đầu cời dần từng chiếc áo, từng chiếc váy trên người nàng. Thân hình nàng tuyệt đẹp với đôi chân dài trắng nuột.

Tôi liếc nhìn người thiếu nữ ngồi bên, không hiểu nàng nghĩ gì về những cảnh diễn ra trên màn bạc. Tất nhiên nàng không thấy ham mê như bọn đàn ông chúng tôi chỉ muốn tìm hiểu đến tận cùng ngõ ngách cuộc sống bí mật của một loài khác phái. Và chỉ có thể nàng ngồi đây để tìm hiểu thái độ của những người đàn ông khi xem phim này. Nếu đúng vậy thì tôi sẽ tình nguyện là người đầu tiên để nàng tìm hiểu.

Công việc thực khó khăn và tế nhị. Trước hết tôi phải làm sao va chạm vào một chỗ nào đó trên thân thể nàng, sự va chạm này đối với nàng chỉ là một cử động vô tình. Và từ chỗ vô tình sẽ tiến tới cuộc thăm dò thực sự, nếu nàng không có phản ứng chống đối

quyết liệt. Thấy cánh tay nàng tựa lên thành ghế, tôi làm bộ mỗi một cựa mình rồi đặt nguyên cánh tay lên cánh tay nàng. Nàng vội rút cánh tay vào lòng để nhường chỗ.

Một đoàn vũ nữ đang nhịp nhàng chuyển động trên màn bạc. Những cặp móng lớn chắc nịch, những vòng ngực no tròn, những đôi chân trắng ngần thoăn thoắt bước chen nhau trên mặt sàn bóng loáng. Nhạc điệu dồn dập thúc, lời cuốn người xem chìm đắm vào thế giới say mê cuồng loạn.

Tôi di chuyển gót giầy lại gần bàn chân cô gái, cử động thật nhẹ và kiên nhẫn. Lúc này tôi có cảm giác bén nhạy đến nỗi mặc dù không nhìn xuống nhưng tôi vẫn biết được hai bàn chân cách xa nhau mấy phân. Tôi cứ âm thầm tiến tới bằng nữa gót giầy cho tới khi cảm thấy nặng nặng ở bắp chân. Tuy bắp chân tôi để tựa vào bắp chân nàng nhưng nàng vẫn không rút chân về. Nàng không để ý hay nàng biết nhưng muốn dò xem hành động của tôi như thế nào. Tôi dần thêm sức nặng xuống bắp chân để lời cuốn sự chú ý của nàng.

Nàng vẫn để chân ở vị thế cũ. Tôi nghĩ : «tốt lắm».

Hai người đàn ông lực lưỡng đang cời trói cho một tội nhân vừa ngất lịm sau một cuộc tra tấn. Họ đẩy tội nhân vào cũi sắt, khóa cửa lại rồi bỏ đi. Một tiên nữ chợt hiện với thân hình này lữa. Trong khung cảnh mờ ảo, chập chờn một thứ ánh sáng màu hồng, nàng biểu diễn một vũ khúc tuyệt diệu đến nỗi làm cho tù nhân, mặc dù sống dở chết dở cũng phải gượng ngồi dậy để chiêm ngưỡng.

Tuy mắt tôi không bỏ sót một cử động nhỏ trên người cô vũ nữ nhưng trí tôi vẫn luôn luôn đề phòng mọi phản ứng bất chợt có thể xảy ra giữa hai bắp chân đang âu yếm kề sát nhau. Tôi tự hỏi có nên tiến tới nữa hay không ? Và tiến tới bằng cách nào ? Không lẽ đương nhiên lại gác chân lên đùi nàng, nguy hiểm lắm. Biết đâu nàng chỉ đợi tôi làm như vậy để la ãm lên cho cảnh sát bắt tôi. Tôi chợt nghĩ ra một kế. Bàn tay tôi rời tay ghế và di chuyển xuống phía dưới. Ừ phải đó, cao nguyên rừng núi hiểm trợ, địa thế khó khăn thì ta tiến

kuống miền đồng bằng ruộng lúa phi nhiều, âu cũng là một trong những kế hoạch tấn công của ta vậy.

Tôi giả vờ làm như bị muỗi cắn, miệng thì suýt xoa, tay thì gãi lia trên đùi mình. Trong lúc làm như vậy, tôi cố ý cọ mu bàn tay lên đùi cô gái ngồi bên. Cô gái chỉ hơi giạt mình bằng cách nhích bàn chân lại gần tôi hơn chút nữa. Tôi mỉm cười nhủ thầm : «Em chịu rồi»,

Trên màn ảnh, hai thiếu nữ Nhật vừa hăng hái làm một cuộc cách mạng thật «vĩ đại» là cởi phăng vương vãi che ngực vút xuống sàn. Tôi đột nhiên cảm thấy buồn nản đến như tuyệt vọng trước sự thực mà nếu đừng phò trương lộ liễu, chắc hẳn tôi phải cho là đẹp, là đáng mơ ước lắm. Đứng trên phương diện thẩm mỹ mà xét thì hai nàng vũ nữ Nhật chẳng có cái gì hấp dẫn cả. Ngực thì lép, lưng thì to, cử động thì gượng gạo như đàn ông.

Đứng ra thì cái sự nửa kín nửa hở dễ khiến kích tính tò mò của người ta hơn hết

Thêm vào trí tưởng tượng phong phú, chỉ một chiếc lưng thon, chỉ một cặp mông tròn lẳn cũng khiến người ta đoán trước tất cả những gì tốt lành nhất, còn ẩn hình sau lớp vải căng mịn kia. Và người ta thấy say mê sông trong trạng thái mơ ước đó. Điều này cũng giản dị như khi nhìn một người con gái từ phía sau. Dáng dấp mảnh mai của nàng khiến tôi nghĩ ngay nàng rất đẹp. Buồn thay, khi nhìn bộ mặt xấu xa đen đui của nàng, tôi ngỡ ngàng như vừa rớt từ một chiếc phi cơ xuống. Có lần tôi nhờ một anh bạn giải thích dùm tâm lý phản phúc của tôi, anh chỉ cười đáp : «Đồ ngu, ai bảo mày nhìn mặt người ta».

Một chú cao bồi miền Texas vừa xuất hiện trên màn ảnh, hai bên hông đeo nặng hai khẩu ru-lô trông thật oai vệ. Nhìn kỹ người ta mới biết không phải một chú cao bồi nhưng một nàng cao bồi. Nàng bước đi những bước chân nhún nhẩy thật quyến rũ. Rồi bỗng nàng rút súng bắn lung tung. Bắn xong, như còn say máu giang hồ, nàng giận dữ cởi phăng dây khóa ở bên hông, để lộ

suốt một chiếc giò trắng ngần đến làm tôi sững sờ. Mầu vải xanh với mầu trắng nuột của da thịt làm nổi bật vẻ đẹp man rợ của cô gái. Và cứ thế, cô gái bắt đầu cởi nốt những dây khóa còn lại.

Bàn tay tôi lúc này đã nằm gọn trên đùi cô gái ngồi bên. Tim tôi đập rộn lên vì hồi hộp, vì sung sướng, khi biết rằng đã toàn thắng trong việc chinh phục nàng. Chiến công thật hiển hách hơn tất cả những lần chinh phục người yêu. Tôi tự nhủ còn đợi gì nữa mà không trở tài «bốc hốt». Đã tới nước này để gì nàng còn đủ lương tri để chống cự. Tôi chợt nhớ đến bí quyết tán gái được coi như định luật của giới ăn chơi mà thằng bạn tôi dạy cho tôi biết. «Nó nói :» Một khi mày đã đánh trúng yếu điểm của em rồi, em sẽ mất hết nghị lực, người em chờ đấy, mắt em lim dim, đầu có bom nổ bên tai em cũng mơ màng không còn biết gì nữa». Tôi nghĩ nó nói cũng phải nhưng cái khó là làm sao đánh trúng yếu điểm của em mà không bị em la làng câu cứu.

Trên chiếc giường nệm trong phòng ngủ, một thiếu

nữ đang say sưa tâm sự với người yêu quá máy điện thoại. Có lẽ vì mãi tiếp chuyện với nhiều người quá đến nỗi nàng không có giờ cời đồ. Và để tiết kiệm thời gian, nàng vừa nói chuyện, vừa loay hoay cời đồ trong chăn. Cứ sau một lúc xoay xở, nàng lại vứt ra ngoài một món đồ. Sau khi món đồ chót được trình làng, nàng mới khoan khoái vươn mình nằm xuống.

Như một sự co rút bất ngờ của bắp thịt, tôi bỗng ảm mạnh những ngón tay xuống chiếc đùi đầy thịt của cô gái ngồi bên, nàng giạt mình đánh thót một cái, nhăn mặt nhìn tôi xong lại nhìn lên màn ảnh như thăm hỏi tôi : «Làm gì mà cấu mạnh thế ? » Tôi mỉm cười, xoa xoa bàn tay trên lớp vải mỏng như muốn bảo : «Thôi, anh xin lỗi..

Người con gái hiểu ý, nàng âu yếm tựa đầu vào vai tôi, khẽ hỏi :

— Anh tên chi ?

Tôi nghĩ không nên em biết tên thật là Dũng, lỡ có sự phiền phức sau này, tôi đáp :

— Anh tên Minh, còn em ?

— Em tên Thu, Bích thu.

Tôi buột miệng khen :

— Tên Thu đẹp lắm. Thu ở đâu, còn đi học không ?

Thu gật đầu :

— Vẫn đi học đó anh. Còn anh, anh đang đi học hay đã đi làm rồi ?

Tôi lại nói dối một lần nữa :

— Anh đã đỗ học từ hơn năm nay, hiện anh là một quân nhân.

— Anh bị động viên khóa sĩ quan phải không ?

— Phải.

— Anh ra trường lâu chưa ?

— Cũng hơn một năm.

— Chắc anh dự nhiều trận lắm nhỉ ?

Tôi đáp nhanh :

— Nhiều lắm.

Rồi không đề cho Thu hỏi tiếp, bởi vì nếu Thu hỏi vài câu nữa là tôi sẽ lộ tẩy, tôi chỉ tay lên màn ảnh :

— Thu trông kia, hấp dẫn quá.

Một thiếu nữ da thịt trắng ngần kêu gọi đang làm những cử động ngái ngủ thật mềm mại. Trông thân hình nàng uốn khúc uyển chuyển từng bắp thịt một cách nhịp nhàng tôi chợt liên tưởng tới một con bạch xà đang ngoắt ngoỏi với miếng mồi mắc kẹt trong cổ họng.

Những lo sợ vẫn vơ trước kia chợt biến mất. Tuy nhiên tôi vẫn còn do dự. Tôi nghĩ đến câu chuyện khá ngộ nghĩnh mà thằng bạn tôi kể cho tôi nghe. Nó bảo một hôm nó đi ciné gặp một cô dễ tính với nó quá, nó nghịch ngợm thế nào cô cũng để mặc. Chính vì sự dễ dãi của cô khiến nó phân vân, nó sợ cô muốn nhử nó vào hang hùm rồi bắt chợt nắm lấy tay nó và kêu lên : «A, thằng mất dạy». Nghĩ vậy, nó sợ quá, vội rút tay ra chuồn nhanh sang hàng ghế khác. Đây là kỷ niệm đầu tiên trong đời học sinh của nó. Nó nói bây giờ mà gặp cảnh đó thì chết nó cũng không tha. Không hiểu nó đã gặp một trường hợp tương tự chưa.

Riêng tôi, tôi cũng là thằng nhát gan nổi tiếng. Có một lần trong rạp hát, một người con gái nắm lấy cổ tay tôi và nói : «Mấy giờ rồi anh ? ». Tôi ngượng đỏ bừng mặt, áp úng mới nói được một câu mà lại nói sai giờ khiến cô phải bật cười.

Chiến thuật, chiến lược của tôi dùng để tấn công Thu cũng giống như chiến thuật đánh Việt cộng của quân lực VNCH. Tôi nhớ đến mục «Phóng sự chiến trường» mà tôi thường nghe trên đài phát thanh.

«Sau những trận mưa bom và rốc két, quân đội ta ò ạt tấn công tiến chiếm mục tiêu Hỏa lực địch chống trả mãnh liệt nhằm trì hoãn bước tiến của ta và đợi đêm xuống. Ta cũng biết rõ chú ý của địch nên quyết sống mái với địch một phen. Ta tranh dành với địch từng mô đất, từng hố cá nhân. Đạn nổ rầm trời, khói lửa bốc cao nghi ngút. Sau 30 phút cầm cự, thế địch yếu dần. Ta xung phong tiêu diệt.»

Lúc này Thu như một con mèo ngoan để mặc tôi vuốt ve.

Nàng vẫn nhìn thẳng lên màn ảnh, hai tay buông thõng bên tay ghế. Nhưng tôi biết nàng chẳng nhìn thấy gì nữa, cũng như tôi vậy. Tâm hồn chúng tôi đang rạo rục ngáy ngất trong tình yêu thăm vung.

Khi bóng dáng người vũ nữ trên màn ảnh lại xuất hiện và bắt đầu mặc lại những gì nàng đã trút bỏ sau một đêm hành nghề thì tôi cũng chợt như tỉnh mộng. Tôi biết chỉ vài phút nữa là điện trong rạp sẽ bật sáng và không hiểu tôi sẽ nhìn Thu với tâm trạng nào : người yêu hay một thú tiêu khiển. Nhất định tôi không thể yêu nàng được. Nhanh và quả quyết, tôi rút vội bàn tay khỏi bàn tay níu kéo của Thu và đứng phất dậy, bước ra lối đi. Không quay nhìn nhưng tôi biết Thu vô cùng sửng sốt và oán giận tôi vô cùng. Tôi mỉm cười nghĩ thầm : «Thôi mình biết nhau vậy đủ rồi, tiến xa hơn nữa mình sẽ chán ghét nhau đấy em ạ.

Hai chính-sách THƯỢNG-VỤ

●●● NGUYỄN-TẤN-LỘC
KBC : 4744

NHÂN-vật đã được ghi vào Lịch-sử có một sự phê-phán khá nặng :

- Tay sai thực dân Pháp.
- Một hung thần khát máu.
- Một con người phản đảng.

Nhân-vật đó không ai khác hơn là ông Nguyễn-Thân. Xét qua về thành-tích cũng như chủ trương của Nguyễn-Thân mà lịch-sử đã ghi lại quả ông là một kẻ có tội. Nhưng người sinh ra «Kẻ có tội» ấy lại là người có công. Đó là cụ Nguyễn-Tấn, tác giả «Phủ Man Táp Lục» mà hầu hết về chính-sách Thượng-Vụ của ông đều rút tỉa trong bộ sách ấy.

Ông người tỉnh Quảng-Ngãi,

thuở nhỏ rất thông minh, học giỏi; có trí nhớ rất dai, tướng mạo khôi ngô, đậu Cử Nhân năm Quý-Mão (1843) vào thời Thiệu-Trị và được bổ làm chức Hành-Tấu Cơ Viện rồi Tri-Phủ An Khánh sau làm Án-Sát Thái Nguyên (Bắc-Việt). Đến thời Vua Tự-Đức năm 1863 ông lại được Vua cử làm chức Tiều Phu-Sứ để cai trị các miền Thượng-Du vì lúc bấy giờ cả miền Thượng-du ở Quảng-Nam, Quảng-Nghĩa, Bình-Định thường hay làm giặc xuống làng tàn sát người Kinh và cướp phá của cải. Cũng từ đó ông ta đã soạn ra «PHỦ MAN TÁP LỤC»,

Xét qua cuốn PHỦ MAN TÁP LỤC trong đó ông đã ghi chú thật tỉ-mỉ về tính tình, tâm

lý, phong tục tập quán từng giống người Vi vùng Thượng-Du Quảng-Nghĩa gồm nhiều giống như giống người Cà-Dong, Hré, Chăm... các giống người này về phong tục tập quán cũng như ngôn ngữ đều khác biệt. Kỹ-luỡng hơn nữa ông đã phiên âm tiếng Thượng-tùng miền ra chữ Nôm. Về địa hình địa vật ông cũng đã nghiên cứu kỹ càng và vẽ thành bản đồ từng vùng ghi chú những nơi hẻo lánh, nguy-hiểm hầu giúp cán-bộ của ông dễ dàng trong công tác hoạt động.

Sau khi hoàn thành cuốn PHỦ MAN TÁP LỤC mà ông đã có công soạn thảo bằng chữ Hán, lúc bấy giờ ông mới đem ra áp dụng.

Dưới thời Vua Tự-Đức, lợi dụng những sự rối ren trong nước nên các miền Thượng ở Quảng-Nghĩa thuộc huyện Sơn-Hà, Trà-Bồng Minh-Long, Ba-Tơ đã nổi lên cướp phá giết chóc người Kinh gây ra nhiều cảnh tang thương. Các Quan Nhà Nguyễn nhiều lần đem quân đi tiêu trừ nhưng chẳng gặt hái được thành quả nào mà chỉ gánh

lấy nhiều thất bại chua cay vì toàn miền rừng núi hiểm trở lau sậy chi chít lại bị những toán phục binh của địch trang bị bằng tên nổ tẩm thuốc độc tiêu diệt hao mòn. Có khi dẹp yên được vài tháng hay vài năm rồi cũng lại nổi lên cướp phá như trước.

Thế mà đối với Nguyễn-Tấn chẳng hao một quân sĩ, chẳng nhỏ một giọt máu mà ông đã thuyết phục được cả vùng-

Tương truyền rằng một hôm ông cho vời tất cả đại diện miền Thượng để họp bàn về việc giải hòa và chia đất. Trong cuộc họp hôm đó ông ta phục sức rất là rực rỡ trông như một vị Thần, sai quân sĩ mua đường phèn và nhật sạn giống như đường phèn sắp trên đĩa, các đĩa dọn cho phái đoàn Thượng-Du toàn là sạn, riêng đĩa để trước mặt ông là đường phèn. Phái đoàn Thượng-Du ngồi cả vào bàn họp, trước khi khai-mạc cuộc họp ông Tấn đồng dục tuyên bố «Hôm nay Ta vâng mệnh Trời để mở cuộc họp này, trước khi đi vào bàn luận ta mời các Ngài cùng ta tạm chút đường do Trời ban xuống». Nói xong ông ta bốc

đường nhai nuốt, phía phải đoàn Thượng-Du ăn trúng toàn là sạn nhai không bẻ.

Thế là họ cho ông Tấn là Thiên Tướng (Tướng của Trời) nên nghĩ đầu có chổng cựa cũng hoại công nên sau cuộc họp phái đoàn lục-tục kéo nhau về và từ đó phía Thượng-Du chẳng quấy phá nữa mà lại hoàn trả những vùng đất đã chiếm cứ được từ trước cho người Kinh, ông lại luôn luôn chú trọng đến vấn đề phong tục tập quán của họ đúng mức.

Đó là chính-sách Thượng-Vụ của Nguyễn-Tấn đã áp dụng trên căn bản tâm-lý, phong tục mà khuất phục được. Trái lại đối với Võ-Trứ quê ở Bình-Định, một Tướng tài và là một người bạn tri âm của Trần-Cao-Vân thì lại khác. Ông ta vận dụng tất cả những bùa phép sẵn có mà thuyết phục.

Khoảng năm Đinh-Hợi (1887) dân Thượng-Du ở các huyện cân sơn An-Lão, An-Khê (Bình-Định) thường võ trang từng toán bằng cung nỏ giáo mác xuống làng

bắt trâu bò, tịch-thu lúa thóc và tàn sát người Kinh rất là dã man. Nhận thấy thế nên Võ-Trứ đã dùng bùa phép để thuyết phục, đến kẻ dù ghét ông đến đâu cũng tỏ ý kính trọng nghe theo và tôn ông như một vị thánh sống. Nhờ uy danh mà dân Thượng chẳng bao giờ dám giở trò cướp phá nữa, và cũng nhờ uy danh đó mà ông đã kết nạp được rất nhiều đồng chí trung kiên mưu toan cho đại sự. Dân Mán, Mường. Mọi đều tỏ ý qui thuận theo ông rất nhiều.

Sau khi kết nạp một lực lượng khá hùng hậu bấy giờ ông thảo ra kế hoạch và ấn định công tác mà hành động, về vũ khí thì có cung nỏ, gươm giáo và một số súng của nghĩa quân Phan-Đình-Phùng còn lại. Công việc sắp đặt đâu đó xong xuôi vào nửa đêm tháng 6 năm Kỷ-Hợi (1899) dưới Nghĩa kỳ để bốn chữ «MINH TRAI CHỦ TẾ» ông kéo đại quân hỗn hợp từ chiến khu Đông-Xuân hướng về Tinh-lý Phú-Yên trực chỉ. Cuộc bạo động này làm cho quân Pháp và quân Bảo-Hộ một phen khiếp vía.

Cuộc ác-chiến xảy ra một cách

chớp nhoán rồi kéo về chiến khu. Đề trả đũa nên quân Pháp cùng quân Bảo-Hộ buy động hết hỏa lực tấn công lại Chiến khu Đông-Xuân. Vì vũ khí quá thô sơ, nghĩa quân chống sự yếu ớt được vài giờ rồi tan rã. Quân Pháp dùng hỏa công đốt sạch Chiến-Khu và bao vây cả bốn phía. Vòng vây siết chặt dần, biết không thể trốn thoát được nên Võ-Trứ tự trói đến nạp mình trước quân Pháp. Quân Pháp đem ông ra tra tấn tàn nhẫn nhưng ông chẳng cung khai một lời còn quát lại

«Tôi ta làm ta chịu, các ông đừng hạch ta mà vô ích». Rồi ông cam chịu xử-tử tại pháp trường.

NGUYỄN-TẤN-LỘC
KBC : 4744

□□□



Da Đen Làm Sao Trắng

Thí dụ : những dân tộc ở Bắc Phi, họ là những dân tộc da màu (đen) thì không làm sao cho trắng được.

Riêng dân tộc Việt Nam, vốn là dân tộc da vàng. Tuy nhiên, có những người vì phải xê dịch nhiều hoặc vì quá lam lũ làm ăn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt nên màu da đen sạm. Trường hợp này làm cho hết đen được, bằng cách : tuyệt đối ở trong mát 1 tháng, năng tắm và kỳ rửa mặt bằng khăn nhám.

Ở các nước văn minh có bào chế thứ kem và phấn đặc biệt, dùng nó không bị nắng ăn chỉ hiềm giá rất đắt. Ở Việt Nam vừa sống chế được thứ kem và phấn vừa để trang điểm vừa có công dụng chống nắng như vậy, nhưng giá trị thì rất bình dân. Đó là CRÈME THORAKAO.

Hồi ký

Niềm vui đi qua

LAN

NGHĨ 2 giờ đầu tụi bây ơi !

Tựa như lệnh «giải thoát» được ban ra, không cần biết mình vui hay buồn. Tôi quay lại hỏi Dung :

- Đi xe hay bộ ?
- Xe.
- Cho ké đi.



- O.k.

Thu rủ lẹ với Tím :

- Đi biển chơi.
- Chịu liền, đi ngay bây giờ
- Khoan, đề tao rủ thêm.

Quay xuống bàn tôi, Thu tiếp :

- Đi biển với tụi tao
- Dung chỉ tôi ;

- Hứa đưa nó về nhà rồi.
- Đừng về, đi với tao xuống biển nha Loan.
- Bữa nay thứ sáu biển có gì vui đâu ?
- Đi mua dừa, dừa hấu ở dưới nhiều lắm



Lẹ làm bộ tha thiết :

- Thôi mà Loan, mầy về nhà làm gì, đi với tụi tao nha. Tao nói mầy nghe, về nhà mầy nhớ tụi tao đi chơi mầy, còn tức thêm.

- Chừng nào mới tức ?
- Ngay bây giờ
- Dung đưa 1 ngón tay :
- Tao có ý kiến
- Thu mỉm cười :
- Gì ?
- Đề tao về lấy tiền



- Hồng cần, ông già mới «chu tại»

- Qua khỏi cầu Đúc những cây sơn xinh xắn chào đón chúng tôi. Bao nhiêu phiên muộn đã ở lại thành phố. Tâm hồn thật nhẹ nhàng. Số phần, gia đình, lớp học ở tận nơi đâu.

Một đoàn quân xa ngược chiều bốc bụi cát vào chúng tôi. Những người lính được dịp reo hò.

— Minh đi như vậy thành ngũ qui

— Ở người ta thì 5 đứa con gái là ngũ long. Còn tui mình là ngũ qui chết xuống địa ngục cho nó «dfui».

Đến quận Hòa Lạc ngừng xe lại đồ xăng cạnh tấm vải tuyền mộ quân nhân. Dung nói đùa.

— Đứa nào đi lính không ?



Người lính ngồi sau bàn sốt sáng :

— Về xin má nghỉ học rồi đi lính.

Tim hỏi gặng :

— Sao phải xin má ?

— Dưới 21 tuổi phải có giấy phép của cha mẹ.

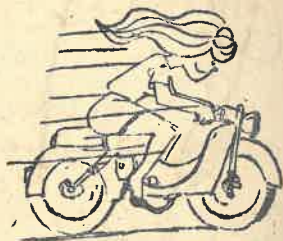
— Thôi được, để tui tui đi biển về ghé.

Ai cũng nhìn chúng tôi, ngạc nhiên không ít 5 đứa con gái đi honda, mặc áo dài trắng xuống biển ngày Thứ sáu không ngạc nhiên sao được. Tim nói với chúng tôi.

— Có lẽ họ nói tui mình bị «mats thần kinh».

— Có «mats» thật cũng được

— Họ tưởng tui mình ở Biên Hòa sút chuông.



Vượt qua dốc cầu Tân Thành cao vút. Thu chạy, chậm lại :

— Đứa nào đói bụng vô chợ ăn hủ tiếu.

PHỔ-THÔNG — 250

Cả bọn cùng cười, từ sáng đến giờ chưa có đứa nào ăn gì cả. Nhìn 1 ngôi nhà đầy dấu đạn :

— Đố tui bây đây là hậu phương hay tiền tuyến.

— Cách đây hai năm là tiền tuyến, bây giờ là hậu phương.



Lẹ chạy song song với tôi

— Đứng ở đây mình cũng cảm thấy có gió biển rồi

— Cũng gần tới rồi.

Cạnh bên đường có tấm bảng lớn vẽ hình tử thần đang đưa lưới hái đón «anh hùng» với hàng chữ,

*Tân thành bãi biển vui chơi
Thi đua biểu diễn ta mời
mì đi*

Mặt trời vẫn tránh sau làn mây trắng, để vơi một thứ ánh sáng màu nhạt. Xe rẻ lên một đường dốc. Sau rừng lao kia là mặt biển mênh mông. Đường chân trời sẽ hiện ra trong tầm mắt. Sáng nay nước lớn đầy. Cả một vùng toàn là sóng nước. Những ngọn sóng vẫn đuổi nhau vào bờ như từ ngàn xưa. Núi Bà Rịa ở chân trời màu xanh nhạt. Ngoài kia vài chiếc thuyền đánh cá bành bồng. Những mảnh lưới trắng chụp xuống vùng nước phù sa. Trên bờ biển chỉ có vài người, họ bị chìm mất trong cái bao la của biển cả.

Một người cán bộ nhận còi xe, lập tức Thu trả lời lại. Tim dần dần :

— Đề tao đi trước hiểm đưa

Chạy dọc theo bờ biển một lúc Tim ngừng xe trước một khung cửa. Thật ra chỉ là một khoảng trống vuông cắt trong hàng rào kết bằng những nhánh cây chết và vạng lao. Một người con gái ngồi trong

PHỔ-THÔNG — 250

71

lều ngạc nhiên nhìn chúng tôi.
Tím đành nói trước :

Dưa này bán không chị ?

Cô gái thật thà gật đầu. 5
dưa ngồi xuống chiếc đệm trải
trên mặt cát. Lệ kéo vạt áo
dài vừa ngồi vừa nói :



— Ở đây gió lạnh lạnh, có
mùi dầu con sóc tao nhớ tới
bài vụn vặt.

Tôi gật đầu :

— Tao biết trung khu liên
hợp của mày đang hoạt động

Thu cười :

— Đề tao mua dưa ăn. Dưa
này bao nhiêu một trái ?

— Thứ này 60

— Mắc quá. 80 bán không ?

Cả chủ lẫn khách đều phì
cười :

— Dưa này chị đem qua
chợ Gò bán ?

— Còn chờ xe

— Tụi tui ở bên chợ Gò.
Chị bán mắc, mai một chò
dưa qua tụi này chặn đường
à nha !

Hãy sống trong niềm vui
của mọi người dù đó chỉ là
niềm vui monh manh.

Tím đưa lược cho Dung

— Dưới kia là sóng vỗ, gió
thổi trên ngọn lao. Cảnh ở
đây đẹp quá.

Dung cười :

— Nó bắt đầu mơ mộng đề
thành thi sĩ.

— Tím à, 1 chút về ghé
xóm Gò ăn cơm đồng nha

—Ừa, mà có mía nữa.

— Vậy thì càng nên ghé.

Nhìn những cuốn tập của
Tím. Tôi chợt nhớ đã đề tập
ở ngoài xe. Chui ra khỏi hàng
rào gió thổi lồng vào tóc tôi.
Nước biển thấp và xa ngoài
kia. Tôi đi dọc xuống bãi cát.

Một đứa bé gái mặc áo
trắng, quần cụt xanh đang
nắm tay bạn nó, chờ ngọn sóng
đến gần, co chân nhảy qua.
Tôi đứng đây, nó đang ngâm
chân xuống nước. Mỗi lần
tôi trở lại đây, đứa bé vẫn
bé vẫn đứng ngay chỗ cũ
không bao giờ quay lại nhìn
tôi. Bao nhiêu năm qua, bao
nhiều chuyện thay đổi thế mà
hình ảnh ngày thơ vẫn tồn
tại mãi. Một ngọn sóng lớn
đập vào người, đứa bé chợt
cười như nắc nẻ. Gió mang
hơi biển mặn đập vào ngọn
lao. Gió thì thảo với cây :
«Cô bé ngày xưa đã trở lại».
Phải tôi đã trở lại đây nhiều
lần. Dù biết rằng tôi không
tìm được những gì của ngày
xa xưa ấy. Tôi vẫn trở lại
chỉ vì cuộc sống quá nhiều ưu
phiên. Nhưng một hình bóng
thì bao giờ cũng ngoài vòng
tay.

Ôm tập trở vô lều gặp cô
gái đang xẻ dưa.

Thu đưa mời :

— «Cửa chùa» xin cứ tự
nhiên

«Ngũ quí» vừa ăn vừa gọi
chuyện với người bán

— Có mình chị ở đây ?



— Có mình tui.

— Rồi tối ngủ ở đây luôn ?

— Ờ,

— Sợ ma không chị ?

Cô gái mỉm cười.

— Lạnh quá trời sao chị
đám ở ?

Tôi ném cái vỏ ra ngoài
ruộng dưa sắp trở về với cát
bụi nguyên thủy.

Lượm chiếc chìa khóa thuận tay hốt 1 nắm cát 1 cơn gió lùa đến, chợt nhận thức rằng mình còn trắng tay. Những cuộn mây trắng cứ trôi mãi về nơi vô định.

Bản vẫn buồn như tư thuở nào.

Thu nói với tôi :

— Bài biên bây giờ hoàn toàn khác hồi tụi mình còn nhỏ

— Không còn dấu vết gì của ngày trước

Lệ, Tím, Dung, đều hỏi :

— Hồi trước đẹp lắm hả ?

— Hơn bây giờ nhiều, có nhà mát thật lớn cát theo lối nhà sàn. Nhà hàng, quán ăn, phòng ngủ đều có.

— Hồi đó tụi bây đi với ai

— Cô giáo dốt đi, hùn 2 đồng tiền xe, 3 đồng tiền bánh mì thịt.

— Cô giáo ta hồng tồ chức làm tao biết bài biên hồi xưa. Tức nghê.

— Cô ta cũng vậy.

Tím quay lại hỏi Lệ :

Máy hours rồi ?

Lệ cười :

— Chín o'clock et demi

— Còn sớm chán, bây giờ đi qua Đền Đồ chơi.

— Đi thì đi



— Có ngán ai

— Đường dài miệt mài tôi đi...

Tiếng xe nổ loảng đi trong gió biển. Mặt cát phẳng bệ

bánh xe cày lên. Tôi không nhớ ai đã ví như vết thương, chiến tranh trên đất nước này.

Ở đây bãi vắng quá tụi bây ơi

— Thôi trở lại

Nhìn mũi tên chỉ đường Tím nói :

— Bạn này đi qua Đền Đồ thiệt

— Gì đó Dung

— Đề coi còn xăng không đã.

— Có hết thì kéo réseave

Tao sợ

— Sợ gì tao có đi rồi, cán bộ đóng nhiều lắm

Giọng nói của Tím làm cho Dung yên lành.

Cán bộ đóng nhiều thật. Ở đây đông người hơn những chỗ khác. Bất chợt Tím thắng xe lại.

— Sao vậy Tím ?

— Cát

— Tụi bây thấy gì không ?

— Gì ?

— Người ta nhìn tụi mình hoài

— Thì họ cho mình thuộc hạng demi toc demi fou

Vòng xe lại Thu nói

— Đố tụi bây biết bữa nay sao trời không nắng

— Sao

— Tại con Loan đi chơi

— Con Dung mang tôi dụ dỗ

Tôi cười nhẹ :

— Tụi cho « cái vong linh » của tao quá, tụi bây

— Tụi thiệt chứ, tao biết nó đi tới 2 lần 32-13 với 30-2

Không nhịn cười được, tôi gắt lên ;

— Đồ quỷ !

— Hồng được đâu, qui là « yêu » tao với mầy một « lại » mà « yêu » nổi gì

— Theo lẽ mầy phải cảm ơn tụi tao mới được

— Nói cái gì bây giờ

— Mấy thấy không, đi bắt
ngờ mới vui

Dung lau lớp bụi vàng bám
trên kính xe.

— Xe tao đã đi khắp 4 vùng
chiến thuật.

— Luôn cả 8 nẻo đường
thành

Trở về thành phố tròn con
đường củ. Mặt trời đã hiện
diện. Nắng đỏ trên đầu. Ánh
nắng buổi trưa ở miền biển
gay gắt, Gió đưa chúng tôi trở
về. Không một lời từ giả vùng
biển hoang vu cũng như những
niềm vui không bao giờ trở
lại

Tôi nhìn lại khuôn mặt của
mỗi đứa.

Đứa nào cũng có nét uể oải
xen lẫn với niềm vui nho nhỏ

— Đi đông như vậy mới
vui há bà Loan ;

Tôi nói với Nhung :

— Vui thì vui mà ngàn
đường đi.

— Tại bây nên nhớ rằng đây
là 1 trong những con đường
Việt-Nam.

— Ôi những con đường
Việt-Nam.

Trạng thái mỗi một len khắp
cơ thể. Tôi nghe tiếng con bé
Tím phàn nàn về vụ tôi ăn ít
và cái bao tử «con tôm muốn
nằm phải co chân lại».

Một con đường duy nhất
dẫn về thành phố. Đoạn đường
ngắn dần. Thành phố ở trước
mắt. Dầu muốn hay không tôi
cũng phải trở về. Tôi đã chấp
nhận cuộc sống ở đó cho đến
bao giờ.

Nhận thức được gì ? Một
cuộc sống riêng tư vừa tan lại
hợp. Sống cuộc đời «bất cần»
tôi đã được học thêm sự chuá
chát. Những thất bại cứ liên
tiếp nhau trong chuỗi ngày qua.
Tôi tìm thấy những gì ? Cuộc
sống tâm linh gần như đồ vỡ.
Tôi xây dựng được những gì
trên sự đồ vỡ ấy ?

Một chiều buồn

LAN

□□□



Bến phà Neak Leung

giòng sông nào chảy về Tây,
ân vàng trăng sáng soi ngoài bến xa,
cây chiều nhớ nước trôi qua
sầu trông máu động bến phà Neak Leung
những người chinh chiến tha hương,
gối đầu giáp trận súng gươm đêm nào
ngọn triều khởi gió lao xao,
ngàn năm hồ dễ thương đau vơi dần

Với ngày mưa

Ng. Đ. Sơn

tôi quên ngày tháng trên trời,
lang thang gót nhỏ dưới đời phiếm du
chiều sông ngóng bóng mưa mù,
bỗng đứng hồn phách bay và theo mưa
bên bờ còn lách-lau thừa,
vội trăng tôi đứng tìm mưa gọi hồn

TRẦN TUẤN KIẾT



VÕ THUẬT

TRẦN-TUẤN-KIỆT biên soạn

(Tiếp theo P.T 249)

Ghi chú : đây là những hình vẽ về các thế võ đã có ghi và giải sẵn từ số báo trước.



1 — HIỆN LONG TÀNG HỒ

PHỒ-THÔNG — 250



2 — PHIẾN LÔI CÒN THIÊN

PHỒ-THÔNG — 250



3 — LONG QUI TUYỀN ĐỘNG



4 — HỒ NHẬM SÀI MÔN



5 — SONG LONG XUẤT HẢI



6 --- MÃNH HỒ THỜI SƠN



7 — Song Long Bảo Nguyệt : Thế này như 2 con rồng vẫn lấy mặt trăng.

Tác động : Đứng dinh tấn. Chân trái duỗi ở sau chân phải đặt bàn chân khóa địch.

Tay mặt lòn ra sau lưng địch (ôm chặt)

Tay trái chặn nơi phía cổ trước địch.

Thế này như một thế của đồ vật.

Tác dụng : Địch tiến đánh ta Hay đá tới đang đứng ở bộ thủ nội quyền. (Chân trước chân sau tự nhiên).

Ta bước chân Mặt về một bên (phải) khóa chân sau của địch và tránh đòn. Rồi vươn 2 tay tréo ôm địch vật ngã ra.



8) — Nga hổ Nhâm Lan : Thế này có nghĩa là con hổ đói (nga) tiến đến (hành lan, lan can) ở trước nhà.

Tác động : Chân mặt đứng rùn xuống (trụ) thật chắc để vững vàng cho thân mình. Chân trái vươn ra.

Tay mặt co lại ngang ngực Tay trái vươn dài có các ngón tay lại như nanh vuốt loài cạp dữ.

Tác dụng : Đang đứng bộ

nội quyền. Xin nhắc bộ nội quyền là bộ thủ của Thiếu Lâm Tự nội quyền. Bộ thủ này đứng chân trước chân sau, 2 vai bỏ trống. Tay xuôi xuống như phần nhiều thế thủ bỏ vai tự nhiên của Thái cực quyền.

Tấn công địch

Tay trái đánh tạt mu bàn tay vào mặt địch. Hoặc vươn 5 ngón tay quặp vào cổ địch.

Đánh nắm tay vào ngực địch. Chân trái đá tạt mu bàn chân vào hông địch.



9 — Kim Long Hi Thủy :
Thế này gọi như là rồng vàng
đưa giỡn trên nước vậy.

Tác động : Chân đỉnh tấn.

Chân mặt trước, chân trái sau.
Tay mặt xòe ra «v» vào mặt địch
như con rồng vặc nước.

Tay trái vươn ra (xem như

hình bên) nắm lấy tay địch.

Tác dụng : Địch đánh tới.
Ta có thể dùng thế *Lão Tiêu*
Quá Sơn, thế *Song Long*
Xuất Hải mà phản công. (Xem
Thiếu Lâm Tự Học)

Hoặc đang ở thế *Tọa Bàn*
(ngồi thủ) tung mình dậy phóng
tay đánh vào ngực và mặt địch.



10 — Manh Hồ Phi Địa :
Thế này như Cọp núp sát đất chờ
đợi con mồi.

Tác động : Ngồi thủ dưới
đất. Đầu gối mặt chạm đất. Lấy
đầu ngón chân mặt giữ thẳng
bằng. Chân trái che hạ bộ. Tay
mặt vươn 5 ngón ra che trước
bụng.

Tay trái đặt (chò) trên đầu gối

trái. Bàn tay mở ra.

Tác dụng : Thế này có thể
bất thần đánh *Song Long xuất*
Hải vào ngực địch. Nếu địch đá
vào.

Ta chụp 2 tay ra sau. Chân
trái bước qua bên chân mặt. Gót
chân mặt đá tung vào hạ bộ địch
với miếng *Ma Vương Trà Tàu*.



11 — Song Long Báo Châu : Thế này là thế dùng 2 tay vươn ra như 2 con rồng ôm lấy trái châu.

Tác động : Thân pháp ở bộ Đỉnh Tấn. Chân mặt bỏ ra đằng trước. Chân trái sau. Minh hướng ra trước.

Hai chỗ chìa thẳng ra. Hai bàn tay xòe ra kẹp vào 2 mang tay.

Tác dụng : Dịch đánh ta bằng Song Long xuất Hải. Ta chập 2 bàn tay đỡ vệt 2 bàn tay dịch ra 2 bên.

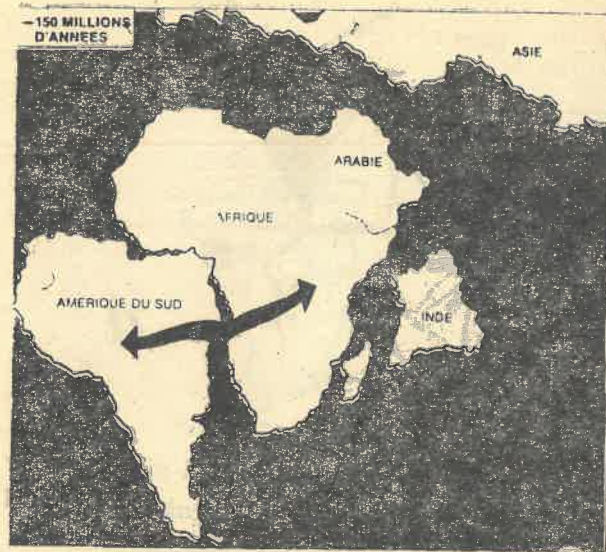
Tiến chân trước tới. Kẹp đánh 2 cánh chỏ vào 2 bên cổ địch.



Người khơi chi lại niềm đau ấy
Trông chết từ lâu nắm mộ lòng !

Chuyện cũ phai dần theo tháng năm,
Cố còn chăng nữa chỉ, dư âm !
Tình đầu thơ mộng mà nhưng nhớ ?
Vì đã một lần tim buốt cảm !
Mộng đầu đẹp lắm nhưng dang dở....
Họ đã đi về tận cõi xa:
Nên cố quên đi giòng kỹ-niệm
Nghìn năm mờ-mịt giải NGÂN-HẠ.
Bây giờ đọc lại trang sầu cũ,
Người đã vô tình gọi nhớ nhưng
Hòa với đau thương và nước mắt
Nên hồn nức-nở lạnh vô cùng !
Phong kín lâu rồi trang kỹ-niệm
Những ngày hoa-mộng đã xa xôi
Bây giờ tất cả đều tan vỡ....
(Ấu cũng là do ý của TRỜI !!)

LÊ-THIÊN-THU
(Cam Ranh)



LỤC ĐỊA TRÔI

★ CHU-MINH-THỤY

CÓ lẽ đoạn đầu của các sách địa dư hiện nay phải được viết lại, vì những khám phá mới, liên quan tới sự thành hình của lớp

trên mặt trái đất. Ngoài lợi ích đương nhiên đối với lịch sử trái đất, sự khám phá còn có một giá trị thực tiễn: một ngày nào đó người ta sẽ ước đoán được một

cách khoa học, các cuộc động đất xảy ra trên thế giới.

Giống như một kỹ sư, hiểu rành mức chịu đựng của vật liệu, các điểm yếu của cơ cấu, các sức đẩy ảnh hưởng tới vật liệu, có thể cho biết ở điểm nào và lúc nào kiến trúc sẽ gầy bẽ, nhà địa vật lý học sẽ ấn định chỗ và lúc có thiên tai.

Quả vậy, vỏ trái đất là một hệ thống tổng quát gồm các yếu tố liên hệ chặt chẽ nhau. Các sự chuyển động — tất nhiên là ở tầm mức rộng lớn — đều vâng theo những định luật tương đối giản dị.

Một ví dụ cụ thể dễ hiểu nhất là sự xô dịch của phần đất Phi châu và Trung Đông — trước kia được xem như một ý kiến táo bạo mơ hồ, ngày nay đã được hầu hết các nhà khoa học chấp nhận. Có nhiều chứng cứ, trong số đó ta có thể kể: sự tương đồng giữa địa chất, sinh vật, hoặc vết tích còn sót lại khi đào sâu xuống đất.

Động cơ gây ra sự xô dịch của lục địa là sự bành trướng của các đáy đại dương. Ở đáy biển, có những dãy núi chạy liên tục, và là nơi mà từ lòng trái đất, các khoáng chất (chẳng hạn *basalte*) trời lên, đẩy ra hai bên, dài theo các dãy núi ấy, các lục địa tiếp giáp với

chúng. Chặng hạn Đại Tây Dương càng ngày càng rộng ra, từ 150 triệu năm nay, cứ mỗi năm thêm độ 2—3 phân. Ngược lại ở vài nơi, lớp vỏ trái đất nằm dưới mặt biển lại chúi đầu xuống lòn vào trong một lục địa (chẳng hạn lớp vỏ nằm dưới Thái Bình dương chui lặn lặn dưới dãy núi Andes ở Nam Mỹ).

Nhưng chỉ gần đây thôi, người ta mới xây dựng được một lý thuyết tổng quát để giải thích mọi hiện tượng nói trên, mệnh danh « *tectonique des plaques* ».

Trước kia, người ta có khuynh hướng xem các lục địa như những chiếc bè trôi không có hướng nhất định, và những bè ấy nằm trên những lớp «đặc» của vỏ trái đất — và có ít nhiều khác biệt hoặc độc lập so với lớp vỏ dưới bên.

Ngược lại, trong lý thuyết mới, người ta chỉ chia vỏ trái đất làm 6 «tấm», cộng với mấy tấm phụ (nhỏ), bao gồm vừa lục địa vừa đại dương. Các tấm này, cứng rắn, trượt lên các lớp vỏ mềm hơn — nằm bên dưới — nhưng chỉ thay đổi hình dạng ở đẳng đầu thời. Sự thay đổi ấy sờ dĩ mà có, là do một trong các lý do sau đây:

— Hoặc do sự sáng tạo ra lớp vỏ trái đất, từ các dãy núi dưới biển (*basalte* trời lên).

hoặc do sự phá hủy của lớp vỏ đó, trong các «hố đại dương» (lớn dưới một lục địa).

— Hoặc do sự va chạm của 2 «tấm», khiến có chỗ bị nứt rạn (trường hợp thành hình của Biển Đỏ, trước kia không có).

— Hoặc do sự đụng chạm mạnh giữa 2 «tấm», ở trên mặt biển (tức lục địa) tạo ra một vài dãy núi (trường hợp thành hình của các dãy núi từ Hi mã Lạp Sơn qua Pyrénées. Do đó người ta suy ra 2 định luật sau đây :

1 — Thể tích của Trái đất luôn luôn không thay đổi, chỉ có sự xe dịch chỗ này qua chỗ kia của một phần nào đó mà thôi. Một mảnh vỏ mới được tạo ra, thì một mảnh vỏ cũ tương đương lại thụt xuống dưới một cái hố.

2 — Sự chuyển động của các «tấm» ấy tuân theo những định luật hình học chính xác. Nơi phát xuất ra sức đẩy làm trôi các lục địa luôn luôn nằm dài theo một đoạn của kinh tuyến (hoặc song song với kinh tuyến).

Người ta đã so sánh sự chuyển động của vỏ trái đất giống như một tấm thảm lăn. Một vài bằng chứng nữa đã xác nhận phần nào lý thuyết nói trên :

— Lớp vỏ nằm dưới đại dương, vì chui tuột lẫn lộn xuống dưới các lục địa, nên chứa những tảng đá «trẻ» hơn là thứ đá tìm thấy nơi lục địa. Đá ở lục địa «già» tới 3,5 tỷ năm, trong khi đá dưới biển chỉ vào khoảng 200 tới 250 triệu năm.

— Khi hai lục địa chạm nhau hố bên dưới cũng đóng lại. Nhưng sau đó, một hố khác bắt đầu mở ra để «nuốt» phần còn dư của vỏ trái đất. Và cũng từ đó bắt đầu một sự chuyển động mới, khác hướng với sự xe dịch trước. Một ví dụ dễ hiểu cho trường hợp này là biển nay, Biển Đỏ Hồng Hải ngày càng rộng ra, vì nằm trên dãy núi ngầm mệnh danh «Dorale de Carlsberg» chạy dài từ kinh Suez xuống phía Nam Cực.

Năm 1967, nhờ chiến tranh Do thái — Ả rập trong sáu ngày, mà kinh đào Suez đóng cửa, khiến tàu bè trên biển Đỏ lần lượt rút đi nơi khác, các nhà khoa học mới có thể nghiên cứu dễ dàng khúc biển ấy.

Ngày nay, người ta xem như vững chắc nhất, lý thuyết về lục địa Phi châu như nhau.

● Cách nay khoảng 250 triệu năm, Nam Mỹ, Phi châu, Ấn độ, Úc châu và Nam Băng Dương hợp thành một siêu lục địa duy nhất ở nam bán cầu, mệnh danh «Terre de Gondwana». Trong những điều kiện nào đó, siêu lục địa bị nứt và tách thành nhiều mảnh. Một trong các mảnh ấy còn gồm Nam Mỹ, Phi châu và Ấn độ.

● Cách nay 150 triệu năm, sự thành hình của dãy núi dưới lòng Đại Tây dương đã làm nứt mảnh vừa nói (gồm Nam Mỹ, Phi châu, Ấn) ra làm đôi, từ Bắc xuống Nam. Phi châu và Nam Mỹ bắt đầu dang xa nhau lần lần, mở rộng Đại Tây dương. Lúc đó, Đại Tây dương và Ấn độ dương được nối liền nhau bằng một biển rộng, tên Téthys. Phần Phi châu và Ả rập (lúc đó còn dính liền, vì Biển Đỏ chưa có) bị đẩy trôi về Đông Bắc Ấn độ và Madagascar cũng trôi theo.

● Cách nay 70 triệu năm, một dãy núi ngầm dưới biển thành hình nằm giữa Phi châu và Ấn độ. Đó là dãy Carlsberg. Vì vậy, Ấn độ càng ngày càng dang xa ra khỏi Phi châu trong khi đó có sự rạn nứt ngay ranh giới Phi Châu — Ả rập, lần hồi biến thành Biển Đỏ. Một phần vỏ trái đất nằm ven phía Bắc Á

rập chui tuột xuống lớp vỏ ở Trung và Cận đông. Phần vỏ trái đất nằm ven phía Bắc Ấn độ cũng chui xuống lớp vỏ ở Á đông.

● Cách nay 40 triệu năm, phía Đông của Biển Téthys bị phần trên của lục địa trôi khép kín. Do sự va chạm mạnh của phần ấy, và của Ấn độ, vào hai lục địa Âu Á, nên các dãy núi Hy mã Lạp Sơn, Zagros, Alpes, Pyrénées xuất hiện, với những núi lửa hoạt động mạnh trong thời gian đầu.

● Cách nay 20 triệu năm, hình thể của vùng đó xem ra ná như ngày nay.

Tuy nhiên, càng ngày sự rạn nứt giữa Ả rập và Phi châu càng rộng ra. Từ năm triệu năm nay, mỗi năm Biển Đỏ rộng ra thêm 50 cây số. Hơn nữa, ngay tại dãy núi ngầm Carlsberg, phần nằm dưới Biển Đỏ, nước nóng nhất thế giới: 80 phần triệu ca-lo-ri, thay vì 1,2 phần triệu ca-lo-ri trong mỗi phân vuông ở chỗ đáy biển khác. Vùng Somalie cũng có thể bị nứt và tách rời khỏi Phi châu.

Nhưng có lẽ phải đợi khoảng 10 tới 15 triệu năm nữa, chúng ta mới biết rõ Trung Đông và Phi Châu có hình thù gì khác hơn hiện nay.

□□□

Truyện tích

DỪA HẦU

(cũng gọi là Dừa Đỏ)

●●● LÊ-TRÀNG-KIỀU

TRONG những truyện tích về đời Hùng Vương có truyện Dừa Hấu là một truyện đặc biệt, hơn hết cho nhi đồng. Ta có thể nói là một truyện tích giáo dục, phiêu-lưu so với các truyện quốc tế như «Télémaque», «Robinson Crusoe» thì truyện Dừa Hấu của Việt Nam mình còn ly kỳ và ý-nghĩa hơn nhiều. Đó là truyện một gia đình hai vợ chồng với hai con thơ bị vớt lên một hoang đảo, phải tự lực «đào đụn bới đất»

làm ra mà sống, thế mà sau nhờ có đức tin, cố gắng vượt hết mọi khó khăn, sau trở nên giàu có đường hoàng, sung sướng hạnh-phúc... thật là một gương nghị-lực cho tuổi trẻ.

Nguyên về đời Hùng Vương, nhà Vua cũng đang hiểm con cái nối dõi, một bữa kia đi thăm dân tình, đến một vùng biển gặp một đứa bé ngộ nghĩnh khỏe mạnh, con của một gia đình nông dân, tính nết hiền-hậu phúc đức, tên là Mai

Tiêm. Vua thấy đứa bé khẩu khỉnh thì yêu quý lắm, bèn nhận làm con nuôi, mang về đế-kinh, cho tên là Mai Yên, hiệu là An-Tiêm, lại chọn gả cho một người vợ vừa xinh đẹp, vừa nết na. Đó là nàng Ba, con một ông văn quan trong triều. Được vài năm, gia đình đang ấm cúng vui vẻ, vợ chồng đã được hai người con, gái là Quế Nương, trai là Mai Lâm, đều khôi ngô, ngoan ngoãn.

An Tiêm bấy giờ đã được bổ đi làm quan, gia đình sang giàu, nhưng vẫn coi những sự giàu sang này là bề ngoài và không vì thế mà sinh ra kiêu ngạo. An Tiêm vẫn cần cù làm ăn, và thường nói rằng : «Những sự giàu sang kiếp này chẳng qua là của mình đã tu nhân tích đức mà ta đã có từ kiếp trước» Triều đình có nhiều người ganh ghét, nghe vậy, bèn mang câu chuyện nói lại với nhà Vua. Vua nghe thấy, cho là phụ ơn, giận nói rằng :

— An-Tiêm nó tin ở thuyết tiền thân, cho là mọi giàu sang là do tự kiếp trước của mình. Đã vậy, thì nay ta cho ra ở

ngoài một hoang đảo, chỗ không ai đi lại, thử xem còn có của kiếp trước nữa chăng ?»

Đoạn, Vua đày ra một hoang đảo xa xôi ngoài xa cửa biển Nga Sơn, Nam Hải, và chỉ cho lương khô đủ bốn tháng mà thôi. Ngoài bốn tháng, hết lương là chết.

Người vợ An-Tiêm là nàng Ba thấy vậy thì khóc lóc thảm thiết. Nhưng An-Tiêm thì vẫn bình tĩnh, tin ở sức mình. Chàng vẫn thu dọn đồ đạc áo quần cho vợ và hai con. Khi vị thuyền trưởng và quân lính giục chàng xuống thuyền «đánh cánh» ra khơi, ngoài Nam Hải, chàng còn cười nói rằng : «Trời sinh thì trời dưỡng, sợ gì ?».

Đảo Nga Sơn ngoài Nam Hải là một vùng Hoang đảo, một nơi từ xưa không từng có dấu vết nhân loại bao giờ. Thuyền đi lênh-đênh hai ba tháng ròng, vượt bao nhiêu khó khăn sóng gió mới tới. Đến khi cập bến, người ta đưa gia đình chàng gồm bốn người, hai vợ chồng Nàng Ba, An Tiêm và hai đứa con, Mai Lâm và Quế Nương đưa lên đảo rồi

rút về... Cảnh huống thật là khủng khiếp. Đây ta hãy theo dõi An Tiêm để biết cái cảnh huống lúc gia-đình chàng trong đêm đầu tiên trên hoang đảo. Chàng vẫn bình thản sắp đặt mọi thứ cần thiết cho vợ con. Chàng bảo Nàng Ba :

— «Nay đêm đã khuya, ở ngoài giữa trời, sương sa gió lạnh, ta hãy dọn chỗ cho con nó ngủ và vợ chồng ta nghỉ lưng đã, rồi mai hăng hay, hai hôm nay, vợ chồng con cái cùng phải mề say sóng quá, đi chơi một cuộc cũng thú mà cũng mệt, vì mình không ra bề quen.

An-Tiêm nói rồi đưa bó đuốc cháy dở còn độ nửa gang mà đã tắt ngọn lửa cho vợ cầm vung lên để có ánh sáng. An Tiêm thì vẫn những cái bao xếp vào một chiều cho gọn gàng bằng nhau một lượt, rồi vừa cởi mũ chầu (áo mũ lúc chàng còn tại chức ở Triều đình) ra, vừa nói :

— Không biết tôn phu-nhân giấu cho vàng bạc gì vào trong mũ áo này mà nặng lắm,

mấy hôm nay phải cố chịu, (lúc này chàng bị coi là tù nhân đưa đi đây nên không giám lộ liễu ra) không giám nói chớ hiền thế biết...

Cởi xong, bảo vợ con trèo lên đóng bao, đặt hai con nằm giữa. vợ nằm một bên, kéo áo hồng giập đắp lên cho vợ con, còn cái mũ thị úp lên cái bao ở trên đầu, cứ thản nhiên như mọi tối ở nhà đi ngủ, không có ngần ngại nghĩ ngợi chút nào cả, hai vợ chồng bấy giờ còn đang choáng váng mà trong bụng cùng không lấy cái cảnh huống tối hôm ấy làm lạ lung gì, nên nằm yên một chốc thì đều chợp đi cả.

Thật là : *Bên trời góc bể
lênh đênh,
Bên thân hồ điệp; bốn mình
Trang Công.*

Được một lát, An Tiêm với nàng Ba đều tỉnh giấc thức dậy, thấy tinh thần đều được thanh sáng. Nàng Ba bảo chồng rằng :

— Coi như trời nổi cơn giông tố to lắm, nghe tiếng ào

ào sầm sập tới nơi, làm thế nào cho con khỏi ướt khỏi lạnh bây giờ ?

An Tiêm nói :

— Phải, mưa bão tới nơi rồi ! Vừa nói vừa ngồi nhồm dậy. Lại nói :

— Sao trời quang sao sáng, không có cơn mây nào, gió chỉ hiu hiu, đêm lại rành rạng, dễ trông hơn lúc mới ở thuyền lên, mà tiếng gió tấp mưa dào kia vẫn âm âm như gần như xa, có điều có độ làm vậy ?

Hai vợ chồng cùng trông quanh trông quẩn, thấy chỗ ánh nước lóng lánh, biết là mặt bể, mà tiếng gió mưa ào ào chính ở chỗ ấy, vợ chồng cùng nhìn xem thì thấy muôn nghìn gợn sóng trắng xóa từ ngoài xa chạy ồ ồ vào đến bên chân cái dốc mình nằm. rồi lại ồ ồ chạy ra, cứ như thế luôn luôn. An Tiêm nói :

— Chắc là đêm thanh bề rộng, gió cả sóng to, mỗi một lần sóng nhỏ mặt nước lên hết lần lại lui ra mà thành

tiếng dào dạt như thế, chứ không phải là tiếng cơn bão tấp, thế mà nghe cái tiếng sóng dào dạt có tiết tấu hay lắm, tưởng cũng là khúc hải nhạc của các hải thần, cứ đêm thanh cõ vũ đề ca tụng cái công đức của đấng tạo hóa chăng...

Đoạn văn tả cảnh trên đây trích trong cuốn «Quả Dưa Đỏ» của Nguyễn Trọng Thuật (giải thưởng văn học Hội Khai Trí Tiến Đức Hà Nội, mà tác-giả đã lấy truyện tích Dưa Hấu viết thành một tác phẩm kịch tác, có thể so sánh với những tác-phẩm quốc tế như Téliéma. que phiêu lưu ký hay Robinson Grusoé, đã không kém mà còn hay hơn nữa.

Lại đoạn An Tiêm đi tìm thức ăn cho vợ con bị sa lầy, đem so sách với đoạn tả cảnh Sa lầy (Enlissement) trong bộ «Những kẻ khốn nạn» (Les misérables) của Victor Hugo mà cụ Nguyễn Văn-Vinh đã diễn dịch ra quốc âm :

Đây chúng ta trở lại đoạn An-Tiêm trong truyện Quả Dưa Đỏ trên hoang đảo đêm đầu, đi «lùng» xuống chân đồi.

tới những chỗ giáp núi đá bên kia để tìm lấy nước uống, các em đọc đến tưởng tượng như thấy thực tận mắt và có những cảm giác lý thú lắm.

«An-Tiêm bước vào ngồi bên chỗ vợ con, bỏ cái râu mấy con cua bẻ với cái áo ướt xuống đồng cỏ, bẻ lấy Quế Nương mà hôn, rồi kéo Mai Lâm ngồi lên một bên đầu gối, cầm lấy tay Nàng Ba mà rằng :

— Ba mẹ con phải một mẹ lo sợ vừa rét mướt khổ sở từ tối hôm qua đến nay, tôi cũng thương lắm mà không thể lên được. Nàng Bà nói :

— Gặp giống yêu quái gì thế ? Cái lúc có nhiều tiếng hú râm-ran ở trong núi đá, rồi lại những tiếng quát-tháo rầm-rĩ lên, tôi hú gọi thì không thấy trả-lời nữa, lúc đó tôi tưởng là loài sơn-tinh hải-quái nó kéo nhau ra mà bắt mất phu-quân đi rồi, tôi toan mang gươm chạy xuống thì hai con nó túm lấy, trời ập mưa đến, tối mù-mịt lại, không thể xuống được... (Rồi nàng đem những nõi hứng nước cứu khát, cắt cỏ che mưa cho con,

cùng những sự nàng lo quanh lo quần thâu đêm suốt sáng nói cho chồng nghe)

An Tiêm túm túm mà rằng : — Trong thiên hạ thường có những cảnh vốn là tự nhiên, người chưa trải thì ngỡ là kỳ quái đáng kinh sợ, chứ *Thượng Đế* dựng nên vũ trụ cũng chỉ theo cái luật phép tự nhiên mà thôi có cái gì quái gở đâu. Sở là lúc tôi ở đây đi xuống khỏi chân đồi, rồi đi theo dãy núi đá về mé tây bắc, vào cả các khe núi đá cũng không tìm thấy nước, nghĩ trở lại chịu khát với nhau thì cũng nguy, tôi mới lên một ngọn núi thâm thấp trông sang ngọn núi bên kia thì thấp nhấp nhóang có bóng nước, tôi vội xuống để đi sang đến nơi mà trèo lên xem sao, đi được một quãng, hú lên một tiếng, thì núi đá ở đó có nhiều những hốc sâu hang rỗng, tiếng người vọng vào hưởng ứng lên, thành nhiều tiếng vang lừng như thế, chứ có ai đâu. Bấy giờ có ba bốn con dơi to lắm, mỗi con bằng một cái quạt lúa, mình cánh vện ngũ sắc,

sắc, ở trong núi bên bay ra, tôi trông vào thì thấy một cái hang cửa kè với mặt đất, tôi mừng lắm, chắc có hang ấy là mình có nhà ở rồi, mới bước vào cửa động dòm xem, thì giới ở trong hang thấy người, vội tỏ bay ra, không biết bao nhiêu mà kè, hoảng hốt và đập cả vào đá vào hốc, thành tiếng huyền não như bọn đồng người la lối quát tháo vậy. Tôi chờ bọn giới bay ra hết, mới bước vào, thấy đồng rộng lắm, loài giới ở tận trong cùng hang đã lâu năm, phân giới xuống từng đồng lớn, hôi hám khó chịu, lắm nhưng nếu chưa tìm được đâu cũng phải ở tạm ngoài cửa. Tôi trông mắt trước mắt sau, lại vội vàng chạy ra đi tìm nước, bấy giờ sợ hú thì nó lại vọng vang lừng lên, u con người này thêm sợ, nên không dám hú nữa. Lốp ngóp men lên chỗ có nước mà ở núi bên kia đã trông thấy. Nước ở đấy là nước mưa đọng lại một cái vũng trên mỏm núi đá bằng miệng cái giếng thoi sâu độ một thước mà trong vắt không có một tí rêu bụi gì, tôi uống nếm thử một tí thì ngọt lắm, tuy mình cứu

khát phùng cam mà thương vợ con, nên không nở uống thích lấy một mình trước. Bấy giờ lại khốn không biết lấy gì mà xách nước về, thế mà cũng sòng-sọc đi tìm nước về cho người khát ở một nơi xa, thì có xuẩn không ! Trông quanh trông quần, giá có bụi tre hay bụi nứa nào thì chặt lấy cái ống tre hay cái ống nứa mà múc nước mang xuống, nhưng mà những thứ cây ấy ở đảo này cũng tuyệt nhiên không. Vô khả nại hà, tôi đã nghĩ trở lại đào lấy mằm lau mằm bông mà nhai lấy cho đỡ khát rồi mai sẽ hay, nhưng thấy nước trong cũng lại tiếc, trời thì tối, cơn-có quần lấy người, tôi bèn xé vạt áo ra mà thấm lấy nước, vội vã mang xuống dưới sườn núi, mưa xuống rêu trơn, trượt chân một cái, lăn người xuống một cái bãi về bên kia núi, bãi độ đến đầu gối mà dưới thì bùn lầy; càng nhúc nhích thì nó lại càng sụt xuống, không tài nào nhấc chân lên được, mà kè từ chỗ đứng vào đến bờ, trời tối trông lơ mơ chỉ độ năm thước, nhưng thấy bùn càng sâu, sợ mình mà cựa cựa thì nó sụt người

xuống đến ngập đầu. Tôi phải đứng yên đề nghĩ một lát, rồi cởi mũ áo ra, ném vào bờ cho nhẹ người đi và đỡ vương nữa, mỗi bận ném động đến người lại thấy sọt xuống một tí, khi ném hết cái mũ và mấy cái áo, thì nước đến ngực, bèn đến thất lưng rồi, tôi mới cố sức vượt mạnh một cái, người nằm soãi lên trên mặt nước, chân còn vương bùn. tôi đạp theo cái nữa, thì đầu vào đến bờ, vịn cổ men lên. Lúc ấy dễ đến quá nửa đêm rồi, trời vẫn mưa, cái núi đá mà mình ở đó lẫn xuống thì cao, mặt ấy nhiều đá vách khó trèo, quên cả phương hướng không biết đâu mà lẫn lên nữa. Tuy vậy mà nghĩ vẫn thương u con trên này, nhưng chắc trời mưa thì không khát nữa, mà đảo này quang-đăng ở giữa bề thì cũng ành nên không lo lắm. Bèn trút quần lấy dây lưng đóng khố, đành ngồi chờ đến sáng rõ, mới ôm cả áo mũ trèo lên núi mà bỏ sang mé bên này, lại để lại áo mũ lấm ở chân núi, cầm một cái vạt áo mỏng thấm nước tối hôm qua, thấm thêm nước đọng ở chân núi mà trông cái đỉnh đồi này đi ra, đi qua cái

eo bề, thấy động ở gốc bụi sú bên bờ, dòm xuống thì thấy có mấy con cua bề, cúi xuống bắt thì thành ra ba con cua rē sấp lộn, tôi mới lấy cổ buộc đem lên đề nướng cho con ăn đây...



Ở trên hoang đảo này ít lâu, nhờ An-Tiêm có một đức tin lạ lùng nên vợ, con sống được đầy đủ không đến nỗi bị đói rét hành hạ. Gia-đình cũng tạm gọi là ấm cúng.

Bỗng một bữa kia có một con nhạn trắng từ phía tây bay lại, kêu lên mấy tiếng, và nhả xuống mặt đất mấy hạt dưa. Hạt dưa này sau này lên xanh tốt, khai hoa kết quả. An-Tiêm mừng nói rằng :

— Cái này chính là của trời đem đến nuôi ta đây, Bờ ra ăn, vị ngọt mà mát, bèn đề hạt là tròng ; không biết tên dưa là gì, thấy chim mang từ phương tây lại, nên gọi là «tây qua» (dưa phương Tây). Sau trông nhiều mãi ra, có được nhiều, ăn không hết, đem đổi thóc gạo với mấy thuyền buôn nuôi vợ con ; lại nhân những thuyền buôn và thuyền đánh cá qua

lại đó, An-Tiêm đều mời lên ném thử, ai cũng khen ngon, và tìm buôn cất thật nhiều đem bán truyền đi khắp nơi.

Vì giống dưa tự An-Tiêm truyền ra, nên ai cũng gọi vợ chồng An-Tiêm là «Tây qua phụ mẫu», hay «Ông dưa, bà dưa».

Vài năm sau, Vua nghĩ đến vợ chồng An-Tiêm bỗng động lòng thương nhớ, cho người đến nơi hải đảo xem có còn

sống hay không. Khi người thuyền trưởng đi về trình lại, Hùng Vương thực khen ngợi và bảo cùng bách thần rằng : An-Tiêm nói sự giàu có là của kiếp trước, thực là không sai ! Vua bèn triệu về lại cho phục chức cũ và ban thưởng cho rất nhiều, nhân đặt tên bãi cát trông dưa ngoài đảo là bãi An-Tiêm, thôn ấy là Mai Thôn (bây giờ thuộc huyện Nga Sơn, Thanh hóa.)



Danh ngôn

▼ Facit indignatio versum.

Sự phẫn uất làm lời thơ tuôn trào.

Ý NGHĨA : sự phẫn uất khiến người ta hăng hái, hùng biện.

JUVÉNAL
(Satires)

Thế nào là một bản dịch hay ?

L.T.S.— Chúng tôi vừa nhận được bài sau đây do nhà Thơ Bàng-Bá-Lân có hảo-ý gởi đăng. Chúng tôi xin đăng nguyên văn, mặc dầu không hoàn-toàn đồng-ý với tác-giả trên nhiều điểm

PHỒ-THÔNG

□□□ Thuyết trình của BÀNG-BÁ-LÂN

(Do Ủy-Ban Dịch-Thuật Phủ Quốc-Vụ-Khanh đặc trách Văn-Hóa tổ-chức tại trường Quốc-Gia Âm-Nhạc Sài-gòn ngày 4-7-70).

Kính thưa Quý Vị,

Thưa Quý Bạn,

Đề-tài câu chuyện mà tôi được hân-hạnh trình bày trước Quý Vị và Quý Bạn hôm nay không phải do tôi đặt ra, mà

do Ban Dịch-thuật thuộc Phủ Quốc-vụ-Khanh Đặc-trách Văn-hóa nêu lên đề chúng ta cùng thảo-luận.

Tôi chỉ là người được cử ra đặt vấn-đề, nên xin biết sao nói vậy, chắc chắn còn nhiều

PHỒ-THÔNG — 250

thiếu sót, chứ thiệt tình không dám làm cái việc múa riu qua cửa Lỗ-Ban. Rất mong Quý Vị và Quý Bạn thông cảm và bỏ khuyết cho.

Bây giờ tôi xin phép vào đề :

Thế nào là một bản dịch hay ? Câu hỏi thoát nghe tưởng giản-dị, nhưng nghĩ lại mới thấy là phức-tạp.

Người ta thường nói : «*Dịch là phần*» (Traduttore, traditore) (1) Tại sao vậy ? Vì ngôn-ngữ mỗi nước có những cái lắt-léo riêng mà chỉ người nước đó mới thấu triệt. Người ngoại-quốc không thể nào hiểu rõ. Đã không hiểu rõ thì dịch đúng sao được ?

Tôi nói «*đúng*» chứ chưa nói «*hay*». Riêng ngôn-ngữ Việt-Nam ta lại còn lối nói lái mà có lẽ hoàn-cầu ít nước nào có.

Ti như thơ Hồ-xuân-Hương với những câu :

*Hỏi thăm sự cụ đảo nơi
neo ?*

hoặc :

Kìa cái điều ai nó lộn lèo.

PHỒ-THÔNG — 250

Hay một chữ mà hai, ba nghĩa. Hiểu thanh thì thật thanh mà nghĩ tục thì lại tục. Hỏi dịch làm sao ?

Lại còn trường-hợp những chữ «*đắc ý*» của tác-giả cũng là một cái khổ cho người dịch. Như ai nấy đều biết, không bao giờ có bài thơ nào có thể gọi là toàn bích. Thường một bài thơ được gọi là hay chỉ nhờ ở một vài câu, và một câu thơ hay là nhờ ở một chữ.

Thí-dụ câu thơ đắc ý sau đây của Tản-Đà :

*Vèo trông lá rụng đầy sân,
Công danh phù-thế có ngần
ấy thời !*

Tất cả cái hay của câu thơ là ở chữ «*Vèo*» : vừa tả được gió thu hiu-hắt, vừa gợi được sự phù-du của công danh phú-quý ở đời. Nhưng chữ «*vèo*» tự nó cũng không thể làm cho câu thơ đạt được mức giá-trị ấy, nếu không được tác-giả khéo dùng đảo-ngữ đem đặt lên đầu câu. Cũng từng ấy chữ mà đổi vị-trí chữ «*vèo*» đi, nghĩa là đặt xuôi như lối nói thường (*trông lá rụng vèo đầy sân*). thì chữ «*vèo*» sẽ mất

hết ma lực gợi cảm và câu thơ cũng mất hết nhạc-điệu, thi-vị, trở thành câu nói rất tầm-thường,

Như thế thì ngoại-ngữ nào dịch được cho sát nghĩa mà không phản nguyên-tắc ?

Chính vì thế mà thi-hào Nguyễn-Du của chúng ta đã bị «phản» rất nhiều, vì tác-phẩm «Đoạn-Trường Tân-Thanh» của ông được nhiều người dịch ra ngoại-ngữ. Xin đan cử một thí-dụ : Trong các bản dịch Truyện Kiều ra Pháp-văn, bản của René Crayssac được coi là công-phu hơn cả (vì dịch ra thơ). Thế mà có một câu tả cảnh cô đơn rầu-rĩ của Kiều khi ở lầu Ngưng-Bích :

Vẻ non xa, tấm trắng gần ở chung.

Chỉ vồn-ven có 8 chữ mà René Crayssac đã dịch ra 5 câu thơ Alexandrin như sau :

*Elle y vit désormais recluse.
en comptant
D'autres amis que les silhou-
ettes lointaines
Des montagnes là-bas à
l'horizon des plaines,*

*Et plus proche la lune au
beau disque argenté
Dont les rayons blafards vien-
nent la visiter.*

Dịch như thế, tưởng chẳng cần nói Quý Vị cũng thừa rõ là chỉ giúp người ngoại-quốc hiểu được ý mà thôi, chứ thi-vị của nguyên-văn thì không còn gì nữa !

Nhưng đây còn là dịch đúng ý tuy lời rườm-rà ; còn có những trường-hợp dịch sai cả nghĩa của nguyên-văn, mà người hiểu sai văn Nguyễn-Du lại là người Việt-Nam mới thật là đáng buồn.

Tôi đã thấy có người dịch «bụi hồng» trong câu :

*Cát vàng cầu nọ, bụi hồng
dặm kia.*

là «buissons de roses».

Và trong bản dịch ra Pháp-ngữ của Xuân-Việt và Xuân-Phúc, chữ «kéo lên» trong câu :

*Ngõn ngang gò đồng kéo
lên.*

được dịch bằng động từ «onduler», vì dịch giả đã hiểu

một cách giản-dị là : gò đồng kéo lên (chủ từ của động từ kéo lên là gò đồng), mà không thấy rằng ở đây tác-giả đã dùng cách đảo trang (inversion), nên chủ từ của «kéo lên» là «tài tử giai nhân» (ở câu trên) đã dập diu kéo những gò đồng ngọn ngang đề-tào mộ (vì cũng như ở nước ta, tại miền đồng bằng mỡ mà phải chôn trên những gò đồng để tránh bị ngập khi mùa mưa nước lớn.) Chữ «gò đồng» làm sao mà «kéo lên» được ! Tiếng Việt không nói thế, vả chữ «onduler» cũng không dịch được sát và đủ chữ «kéo lên» (dù cho thật «gò đồng kéo lên» chẳng nữa) !

Ta chỉ cần đọc lại mấy câu Kiều này với một chút suy nghĩ là thấy ngay sự sai lầm của hai dịch giả nói trên :

*Dập diu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần
như nêm
Ngõn ngang gò đồng kéo
lên.*

Trên đây là những cái khó khi dịch tiếng mình ra tiếng người, giờ xin nói về cái khó của tiếng người dịch ra tiếng

mình. Cũng chỉ xin nêu một thí-dụ trong muôn vàn, vì thì giờ có hạn.

Tân-Đà dịch Đường thi, được nhiều người phục lắm. Kẻ ngu này cũng không nghĩ trái lại. Và có một bài tôi rất thích là bài «Hoàng hạc lâu» của Thôi Hiệu, vì bản dịch sát nghĩa và giữ trọn được thi vị của Nguyên văn, nhất là hai câu cuối :

NGUYỄN VĂN

*Nhật mộ hương quan hà xứ
thị,
Yên ba giọng thướt sướt
nhân sầu.*

DỊCH

*Quê hương khuất bóng hoàng
hôn,
Trên sông khói sóng cho
buồn lòng ai.*

so với câu dịch của Ngô-tất-Tố :

*Trời tôi, quê-hương đâu tá
nhỉ ?
Đầy sóng khói sóng gợi niềm
tây.*

thì thật là một đên.

Nhưng sao tôi vẫn không hoàn-toàn thỏa mãn và và cảm thấy một cái gì không ổn. Ấy là gì Tản-Đà sở trường về thơ lục-bát, nên ông thường dùng thể này để dịch Thơ Đường. Nhưng hình-thức niêm-luật đối chọi của Đường-thi như một chiếc khung chạm trổ tỉ-mỉ lộng-lẫy vàng son hợp với nội-dung hạn-chế khắt-khe, tạo nên một vẻ đẹp trang-trọng cổ-kính. Còn lục-bát là thể thơ thuần-túy Việt-Nam có vẻ đẹp mộc-mạc giản-dị, ví như một chiếc khung bằng trúc đơn-sơ trang-nhã.

Dịch Đường-thi bằng thể lục-bát chẳng khác nào đem bức tranh trang-trọng cổ-kính của chiếc khung chạm sơn son thếp vàng mà lồng vào chiếc khung tre. Thanh-nhã có thừa, nhưng vẻ trang trọng cổ-kính không còn nữa !



Dịch khó như thế, vậy muốn có một bản dịch không phản nguyên-văn, phải cần những điều-kiện gì ?

Xin thưa : Ít nhất phải có hai điều-kiện tất-yếu :

1) — Dịch sát nghĩa.

2) — Lột được tinh-thần nguyên-văn.

Muốn dịch được sát và đúng nghĩa, người dịch trước hết phải *thấu triệt ngôn ngữ, văn tự* mà mình dịch.

Bởi vì ngôn-ngữ của mỗi nước đều có những nét tể-nhị riêng nếu không thấu-triệt thì dễ trở nên ngộ-ngần, buồn cười.

Thí-dụ như ngôn-ngữ nước ta, những tiếng dùng để xưng hô thật là phong-phú đến nỗi làm cho người ngoại-quốc học tiếng Việt phải vô cùng bối-rối. Cũng như tiếng Pháp, để chỉ người vợ, có những chữ : *ma femme, mon épouse, ma moilié, ma bourgeoise...* Nhưng mỗi chữ có trường-hợp riêng thích đáng để dùng để dùng, chứ không thể dùng bừa bãi. Và những nhà quý-phái Pháp như những vị công-tước, hầu-tước, bá-tước..., khi nói về phu-nhân của họ, không dùng những danh-từ trên đây, lại nói : *Madame la duchesse, Madame la marquise, Madame*

la comtesse... mà được coi là tự-nhiên, không bị chê là kiêu-cách.

Như chữ *idéal* dịch là «Lý-tưởng», đúng lắm. Nhưng *idéaliste* mà dịch là «người lý-tưởng» thì thật sai. Và *idéalisme* không hẳn là chủ-nghĩa lý-tưởng mà trong nhiều trường-hợp phải dịch là «thuyết duy-tâm».

Còn người Anh, Mỹ-khi viết thư cho người lạ thương bắt đầu bằng : *Dear Sir*. Nếu cứ chữ nào nghĩa nấy mà dịch «*dear*» là «thân mến» thì thật là ngộ-ngần, khôi-hài.

Muốn dịch đúng nghĩa, ta còn cần phải đề-phòng những «*người bạn phản trắc*» (tiếng Pháp là «*les faux amis*»). Đó là những chữ mới đọc tưởng như đồng nghĩa, nhưng thật ra mười phần chỉ có ba bốn phần ý nghĩa tương đồng, còn sáu bảy phần dị biệt ; phải tùy trường-hợp cân nhắc kỹ-càng mà lựa dịch mới đúng được. Thí-dụ như những chữ : *respect, concern...* của Pháp và *respect, to concern...* của Anh v.v...

Về trường-hợp cùng một ngôn-ngữ thì thí-dụ như hai chữ Pháp *martyr* và *martyre*, nếu không cân-thận, cũng rất dễ bị lầm lẫn.

Martyr là người phải chịu những cực hình hoặc tử hình vì lòng tin, vì tín-ngưỡng (tử-đạo). Nghĩa bóng chỉ người chịu nhiều đau khổ. (*Un martyr est celui qui a souffert du tourment ou la mort pour sa foi ou sa croyance. Pour extensi on, le mot s' applique aussi à celui qui souffre beaucoup*).

Còn *martyre* là cực hình hoặc tử hình mà một kẻ nặng lòng tin, một tín-đồ phải chịu. Nghĩa rộng chỉ sự đau khổ lớn lao (*Un martyre est un supplice ou la mort enduré pour une foi on une croyance. Pour extension, le mot s' applique à une grande douleur, une grande souffrance*)...

Sau hết, người dịch phải thuộc nhiều thành-ngữ, tục-ngữ nước mình để dịch những thành ngữ, tục ngữ có ý nghĩa tương tự trong nguyên văn. Vì thành ngữ, tục ngữ thường thường không thể dịch thật

sát nghĩa được ; vì dịch như thế chẳng những ngó ngàng mà đa số người đọc sẽ không hiểu là gì ?

Chẳng hạn «*muet comme une carpe*» mà dịch là «cám như một con cá chép», «*la montagne en travail accouche d'une souris*» dịch là «trái núi đẻ ra con chuột» thì chỉ những người có tây học mới hiểu, còn đa số người Việt Nam sẽ bỏ ngõ lạ lùng : Nhưng nếu dịch là «cám như hến», «*người voi không được bát nước sáo*» cũng như câu «*Petit à petit, l'oiseau fait son nid*» dịch bằng tục ngữ «kiến tha lâu cũng đầy tổ» thì mọi người sẽ hiểu ngay.

Lại có thành-ngữ như «*de fil en aiguille*», nếu dịch đúng nguyên văn là «từ chỉ đến kim» thì ngay đến người có tây học cũng không hiểu gì ! Nhưng trong kho thành ngữ phong phú của ta đã có sẵn một câu ý nghĩa tương tự, chỉ việc đem ra mà dịch rất «ngon lành». Đó là thành ngữ «*dây cà ra dây muống*».

Thằng-hoặc gặp trường hợp ta không có tuanh ngữ, tục-

ngữ tương-đương (trường hợp này rất hiếm), thì đã có khá nhiều những thành-ngữ, tục-ngữ của Tàu đã được Việt-hóa, không sợ thiếu. Thí dụ : Phải dịch câu tục-ngữ Pháp «*La poule ne doit pas chanter devant le coq*» ta đã có sẵn câu «*phu xướng phụ tùy*» mà người Việt-Nam nào cũng hiểu.

Tuy nhiên cũng có trường-hợp dịch đúng chữ nào nghĩa nấy lại hay. Đề thí-dụ, trong lúc vội vàng chưa nhớ ra được những tài-liệu đã học, xin phép được nói đến «*cái tôi đáng ghét*», mong Quý Vị rộng thứ cho.

Trong trường-hợp này, có hai câu thơ (một dịch tiếng Pháp ra tiếng Việt, một dịch tiếng Việt ra tiếng Pháp) mà tôi ưng ý. Đó là câu thơ Victor Hugo tả một mục-đồng đang đề hết tâm-thần thổi sáo, mắt nhắm lại. Nhắm chứ không lim dim, vì không phải là một mục-đồng bằng xương bằng thịt, mà là một bức chạm nổi (*bas-relief*).

Un pâtre, sur sa flûte, abais-
sant ses paupières.

Câu dịch là :

Mục-đồng, trên sáo, hạ đôi
mi.

Còn câu thơ tiếng Việt là câu Xuân-Sanh trong nhóm Xuân-Thu Nhã-Tập thời tiền-chiến, chủ-trương lối thơ tối nghĩa, bị chê là thơ hủ (poésie hermétique). Nhưng câu thơ dưới đây, theo thiên ý, có thể gọi là hay vì tứ mới, lời hàm súc và có nhạc :

Đĩa đĩa, mùa đi nhíp hải
hả.

Đĩa đây là đĩa đựng trái cây. Tác-giả muốn nói rằng : Mùa nào thức nấy, chỉ việc nhìn vào đáy đĩa đựng trái cây là đủ thấy được bốn mùa lần lượt nối tiếp nhau qua đi bằng một nhíp bao la rộng lớn.

Tôi dịch là ;

Au fond des compotiers, les
saisons succèdent aux saisons
d'un rythme immense.

hoặc ;

Au fond des compotiers, les
saisons se succèdent d'un ry-
thme immense.

Đây chỉ là vài thí-dụ về dịch thuật sát nghĩa. Theo thiên ý là được. Nhưng có thể tôi chủ quan. Rất mong Quý Vị chỉ vẽ cho, nếu có gì sai sót.

Bây giờ xin đề cập đến điều kiện thứ hai : *lột được tinh thần nguyên văn*.

Muốn lột tinh thần nguyên-văn, người dịch trước hết phải nắm vững được nét độc đáo của tác giả ; vì mỗi nhà văn nhà thơ hữu danh đều có vẻ độc đáo riêng.

Chẳng hạn văn Chateaubriand là thứ văn nhíp nhàng cân đối có nhiều chất thơ ; văn Voltaire thì sáng sủa, sắc bén ; thơ Lý-Bạch bay bướm tài hoa ; thơ Đỗ-Phủ đánh thép, kêu gọi nặng tính chất xã hội ; thơ Nguyễn-thị-Hình (tức bà huyện Thanh Quan) đoan-trang chững-chạc ; thơ Hồ-xuân-Hương tinh nghịch, dí-dỏm, giễu cợt tài tình ; thơ Nguyễn-công-Trứ phần nhiều có giọng hào hùng ; thơ Trần-tế-Xương mỉa mai cay độc v.v...

Có nắm vững được nét độc

đáo của tác giả mới làm nổi bật được văn tác giả lên và bản dịch mới trung thực.

Muốn lột được tinh thần nguyên tác, dịch giả còn phải biết *quên mình*. Nghĩa là quên cái tôi, cái bản sắc, cái lối của mình để hòa đồng với tác giả, với nguyên văn. Nếu tác giả là khuôn, dịch giả phải là bột. Nếu tác giả là bình, dịch giả phải là nước. Bột đổ vào khuôn nào cũng được; nước rót vào bình nào cũng êm.

Không phải cứ có học, cứ hiểu tác phẩm là dịch được. Muốn không phản tác-giả thì dịch văn phải là một nhà văn, dịch thơ nếu không là thi-sĩ — ít nhất cũng phải biết làm thơ, phải có hồn thơ.

Dịch có khi cũng là sáng tác nữa (création). Vì trong trường-hợp này, ngoài việc dịch cho đúng nghĩa, dịch-giả, còn phải đảo lộn, xếp đặt lại cả câu văn cho hay cho gọn mà vẫn sát nghĩa và giữ được tinh-thần nguyên-văn, nghĩa là công việc chẳng khác gì công việc sáng tác.

Thí dụ như mấy câu này trong Chinh-phụ-ngâm của Đặng-trần-Côn tả cảnh biệt-ly của chinh-phu và chinh-phụ :

*Liệp-liệp tinh kỳ xuất tái sầu,
Huyền-huyền tiêu cổ từ gia
oán,*

*Hữu oán hề phân huê,
Hữu sầu hề khê khoát.*

được bà Đoàn-thị-Điềm (1) dịch gọn trong hai câu thiệt hay và đầy đủ nghĩa :

*Bóng cờ tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa
phòng.*

Cách kiến-trúc những câu nguyên-tác khác hẳn câu dịch. Trong nguyên-tác, câu thơ chứa đựng nửa cảnh nửa tình. Trong bản dịch, bà Điềm đưa hết cả cảnh lên câu lục và dồn hết cả tình xuống câu bát. Nghĩa là chỉ giữ trọn ý, còn lời tùy nghi đặt lại cốt sao cho hay.

Ngoài những điều-kiện nêu trên đây, một bản dịch hay có khi còn nhờ ở một trường hợp hãn-hữu ! trường hợp dịch-giả có một tâm sự hay một sự cảm-thông đặc-biệt với tác-giả. Tỉ

như giai-thoại về Đặng-trần-Côn và Đoàn-thị-Điềm hay Edgar Poe và Charles Baudelaire.

Theo truyền-thuyết thì bà Đoàn-thị-Điềm rất hay chữ nên kén chồng kỹ lắm. Mãi đến năm ngoài 30 tuổi mới đành làm kế-thất ông Nguyễn-Kiều, hiệu Hạo-Hiền, đậu tiến-sĩ, làm đến Thượng-thư. Trong thời-gian kén chồng, bà đã từ chối nhiều thư-sinh vì không họa được thơ hoặc đối được câu đối bà ra : trong số đó có Đặng-trần-Côn không đối được câu «*Đình tiền thiếu nữ khuyến tân-lang*» nên đành ôm hận ra về. Thẹn và tức lại vốn là người hiếu học, họ Đặng quyết chí gia công, đào hầm trong nhà để học tập (vì thời đó thành Thăng-Long còn nhiều nhà lỵ, mùa hanh thường bị hỏa-hoạn, nên có lệnh cấm đốt đèn khuya), sau thi đỗ, làm quan, trở thành danh-sĩ, nhận gặp cảm-hứng soạn ra khúc Chinh-phụ - ngâm bằng Hán - văn, được sao chép truyền tụng. Bà Điềm được coi, rất thần phục, đến khi biết tác-giả là người trước kia từng bị mình

từ chối, bà rất xúc động, rồi đem hết cả tài và tình cặm-cui dịch ra quốc-âm, làm thành một kiệt-tác khiến Đặng-trần-Côn xem thấy cũng phải phục.

Giai-thoại này có thể còn là nghi-vấn. Nhưng giai-thoại giữa Edgar Poe và Charles Baudelaire thì thật cả trăm phần trăm. Như nhiều người đã biết, Edgar Poe — một nhà văn — chỉ nhờ có bài thơ «*Con quạ*» (Le Corbeau) và hai tập truyện dị-thường (Histoires extraordinaires et Nouvelles Histoires extraordinaires) được dịch ra Pháp-văn do nhà thi-sĩ tài-hoa Charles Baudelaire, mà tiếng tăm lừng lẫy khắp Âu - châu và vang dội ra cả thế giới. Tác phẩm của Edgar Poe không được tán thưởng tại xứ sở Ông. Chỉ sau khi được Charles Baudelaire dịch và truyền cho vẻ đẹp và sự trong trẻo mà nguyên tác không có E. Poe mới nổi tiếng nhất là ở Pháp. Sự kiện này đã khiến những nhà phê bình Anh, Mỹ rất ngạc nhiên và không hiểu nổi, vì họ chỉ nhìn thấy những tiêu xảo của Poe mà không nhận thấy nghệ-thuật của ông.

Nhưng lý do nào đã khiến Charles Baudelaire dịch tất cả tác phẩm của Edgar Poe, mà dịch công phu và hay như vậy ?

Theo Roger Asselineau, giáo-sư Đại-học Sorbonne thì «ngươi ta không còn biết rõ những tập «truyện dị-thường» ấy là của ai nữa. Của Poe hay của Baudelaire ? Và ngay Baudelaire cũng không rõ nữa, vì Baudelaire nhìn Poe như một người thứ hai của chính mình. Gửi thư cho một bạn thân, Baudelaire viết : «Anh có biết tại sao tôi lại cặm-cụi dịch Poe không ? Là bởi vì y giống hệt tôi. Lần đầu tiên mở một cuốn sách của y ra, tôi ngạc nhiên và vui thích thấy không chỉ là những đề tài tôi từng mộng tưởng mà cả những câu văn mà tôi đã nghĩ và y đã bắt chước cách đây hai mươi năm» (De qui sont les Histoires extraordinaires, les Nouvelles Histoires extraordinaires et les Histoires grotesques et sérieuses ? De Poe ou de Baudelaire ? On finit par ne plus savoir et Baudelaire lui-même s'y perdait, qui voyait en Poe un double de lui-

même. «Savez-vous pourquoï J'ai si patiemment traduit Poe ? » écrivait-il à un ami. Parce qu'il me ressemblait. La première fois que J'ai ouvert un livre de lui, J'ai vu avec épouvante et ravissement non seulement des sujets rêvés par moi, mais des phrases pensées par moi et imitées par lui, vingt ans auparavant).

Đạt được tiêu-chuẩn trên đây, hay, nói cách khác, hội đủ được những điều-kiện đã nêu ra, một bản dịch chắc chắn không «phản» nguyên-văn mà còn có thể xứng đáng gọi là hay, có giá-trị.

Từ xưa đến nay đã có những bản dịch nào hội đủ những điều-kiện ấy ?

Thưa có. Và đây là một số bản dịch — theo thiển ý — có thể gọi là hay :

Tam Quốc Chí diễn-nghĩa (bản dịch của Phan-kế-Bính), *Tây Dương ký* (bản dịch của Nhượng-Tống), *Liêu-trai chí-dị* (bản dịch của Tân-Đà), *Con ve và con kiến* (thơ ngụ-ngôn của La Fontaine do Nguyễn-văn-Vĩnh dịch) và nhất là tác-

đâm *Chinh-phu ngâm-khúc* của Đặng-trần-Côn (bản dịch của Đoàn-thị-Điềm), bài thơ *Con Quạ* và hai tập *Truyện dị-thường* của Edgar Poe (bản dịch của Charles Baudelaire).

«Tam Quốc chí» được nhiều người dịch ra quốc-văn, nhưng chỉ có bản dịch của Phan-kế-Bính là hơn cả. Chẳng thế mà trước đây các cụ nhà nho đã nói rằng : Đọc Tam Quốc Chí, phải đọc nguyên-bản bằng Hán-văn mới thấy hết cái hay. Cùng lắm, không có bản nguyên-văn thì chỉ nên đọc bản dịch của Phan-kế-Bính.

Bản-dịch «Tây Dương ký» của Nhượng-Tống hay, vì giữ được hai đặc-điểm «thơ và tình» của nguyên-tác.

«Liêu-trai chí-dị» của Bò-tùng-Linh cũng được nhiều người dịch, nhưng đều thua Tân-Đà. Tác-phẩm Liêu-trai không hay vì truyện mà hay vì văn. Một lối văn rất lạ : gọn và cô, thường không dùng chủ-từ. Ngoài triết-lý châm-biếm sâu sắc, Liêu-trai còn bàng-bạc một hồn thơ. Tân-đà đã tôn trọng những đặc-điểm ấy của nguyên-văn, nên thành-

công hơn các dịch-giả khác.

Bài ngụ-ngôn «Con ve và con kiến» của La Fontaine được cả chục người dịch, nhưng toàn dùng thể lục-bát và song-thất lục-bát, không hợp với điệu thơ của nguyên-văn. Chỉ có mình Nguyễn-văn-Vĩnh dịch vừa sát nghĩa vừa theo đúng nhịp-điệu và cách gieo vần (vần liền và vần ôm) của nguyên-tác, nên rất mới mẻ và xứng đáng được tán-thưởng. Để chứng-minh, tôi xin phép đọc cả hai bài của tác-giả và dịch-giả để Quý Vị tiện so sánh :

LA CIGALE ET LA FOURMI

La cigale, ayant chanté
Tout l'été,

Se trouva fort dépourvue
Quand la bise fut venue ;
Pas un seul petit morceau
De mouche ou de vermisseau.
Elle alla crier famine,
Chez la fourmi, sa voisine,
La priant de lui prêter
Quelque grain pour subsister
Jusqu'à la saison nouvelle.
— « Je vous paierai, lui dit-elle,
Avant l'aout, foi d'animal,
Intérêt et principal ». —
La fourmi n'est pas préteuse

C'est là son moindre défaut.
— «Que faisiez-vous au temps
chaud ? »

Dit-elle à cette emprunteuse.
— «Nuit et jour, à tout
venant,

Je chantais, ne vous déplaie ?
— «Vous chantiez ? J'en suis
fort aise !

Eh bien, dansez maintenant ! »

(LA FONTAINE)

CON VE VÀ CON KIẾN

*Ve sầu kêu ve ve
Suốt mùa hè.*

*Đến kỳ gió bắc thổi
Nguồn cơn thực bối rối ;
Một miếng cũng chẳng còn,
Ruồi bọ không một con,
Vác miếng chịu khúm núm
Sang chị kiến hàng xóm,
Xin cùng chị cho vay
Dăm ba hạt qua ngày.*

— «Từ nay sang tháng hạ
Em lại xin đem trả
Trước thu, thề đất trời
Xin đủ cả vốn lời».
*Tính kiến ghét vay cây,
Thói ấy chẳng hề chi*
— «Nặng ráo chú làm gì
Kiến hỏi ve như vậy.
Ve rằng : «Luôn đem ngày

*Tôi hát, thiệt gì bác ? »
Kiến rằng ; «Xưa chú hát ?
Nay khử mùa coi đây ! »*

(NGUYỄN-VĂN-VĨNH dịch)

Trong nguyên văn, đoạn
trên gieo toàn vần liền, đoạn
dưới (8 câu cuối) gieo vần ôm,
Bản dịch cũng gieo vần như
vậy.

Đến bản dịch «Chinh phụ-
ngâm» của Đoàn-thị-Điễm thì
chẳng những trung thực, lột
được tinh thần nguyên văn mà
có nhiều đoạn còn trội hơn cả
nguyên văn nữa. Xin trích dẫn
một đoạn làm thí dụ so sánh :

Quân cố thiếp hề Hàm-dương.
Thiếp cố quân hề *Tiêu-tương.*
Tiêu-tương yên cách *Hàm-*
dương thụ,
Hàm-dương thụ cách *Tiêu-*
tương giang,
Tương cố bất tương kiến
Thanh thanh *mạch-thượng*
lang,
Mạch-thượng tang, *mạch-*
thượng tang,
Thiếp ý quân tâm thù đoàn
trường ?

DỊCH

*Chốn Hàm-dương chông còn
ngoảnh lại.*

*Bên Tiêu-tương thiếp hầy
trông sang.*

Khỏi Tiêu-tương cách Hàm-
dương,

Cây Hàm-dương cách Tiêu-
tương mấy trùng.

*Cùng ngoảnh lại mà cùng
chẳng thấy.*

*Thấy xanh xanh những mấy
ngàn dâu.*

*Ngàn dâu xanh ngắt một
màu,*

*Lòng chàng ý thiếp ai sầu
hơn ai ?*

Tác-giả đã khéo dùng thể
liên-hoàn, lấy chữ cuối câu
trên đặt làm chữ đầu câu dưới
(*Tiêu-tương*, *Hàm-dương* thụ,
mạch-thượng tang) để tả sự
vấn-vương, lưu-luyến của đôi
vợ chồng trẻ trong cảnh biệt-
ly; thì bản dịch cũng có những
chữ lặp lại (*Hàm-dương*, *thấy*,
ngàn dâu) và nhịp-nhàng, lời
thơ vương vấn làm sao !

Còn bản dịch tác-phẩm của
Edgar Poe thì như trên đã nói
— vượt xa nguyên-tác rất
nhiều. Có thể nói rằng Baudelaire
đã tạo sự-nghiệp văn-
chương cho Poe, rằng nhờ
công Baudelaire mài giũa mà
viên ngọc thường của Poe đã

biến thành ngọc-bích liên-
thành.

Xem như vậy thì muốn không
phản tác-giả, người dịch chẳng
những phải mất nhiều công-
phu mà còn phải có tài nữa.
Nói chi đến chuyện vượt được
nguyên-văn như trường-hợp
Đoàn-thị-Điễm, Baudelaire !

Tóm lại, dịch là cả một
nghệ-thuật với đầy đủ ý
nghĩa của nó. Đã thế,
dịch thuộc còn là một công-
tác văn-hóa rất cần thiết để
giúp người trong nước hiểu
văn-chương nghệ-thuật nước
ngoài, để theo kịp trào-lưu
tu-tướng của thế-giới, để thấu
thái những cái hay, đẹp, lạ
của người đặng làm giàu cho
văn-chương ngôn-ngữ nước
nhà.

Vậy mà ở nước ta từ bao
giờ đến bây giờ ngành dịch-
thuật vẫn bị coi là thứ yếu,
không được nâng đỡ cũng
không được khuyến-kích.
Trong các cuộc thi văn-nghệ,
dịch-thuật mãi mãi bị lãng
quên. Giải-thưởng văn-học
nghệ-thuật hằng năm của Tổng
Thống Việt-Nam Cộng-Hòa
có đủ mọi ngành văn-nghệ mà
cũng không đếm xỉa đến dịch-

thuật. Đó là một điều vô lý, một thiếu sót lớn.

Đã đến lúc cần xét lại đề bỏ khuyết. Thiết nghĩ đó là việc mà Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn-hóa nên làm, có đầy đủ phương tiện để làm trước hơn ai hết, đừng mở đường cho bộ môn dịch thuật tiến lên ngồi vào chỗ xứng đáng của nó trên văn-đàn. Ấy là một cái công không nhỏ và sẽ được ghi nhớ.

Nói rõ hơn, tôi mong rằng ngày năm nay Phủ Quốc-vụ-Khanh đặc trách Văn-hóa nên treo một giải thưởng lớn về dịch thuật và, nếu có thể, giải thưởng đó cũng được tổ chức hằng năm như giải thưởng văn học Nghệ - thuật của Tổng-Thống.

Đến đây, tôi xin phép được ngưng lời và một lần nữa xin Quý Vị lượng thứ cho những sai sót, vì ý-kiến của một cá-nhân dĩ nhiên không thể cầu toàn.

Sài-gòn, ngày 19 tháng 6 năm 1970

BÀNG BÁ-LÂN

(1). *Traducteur, traitre*
(aphorisme italien).

(2) *Tôi không nói đến thuyết của Nguyễn-hữu-Tiến và Hoàng-xuân-Hãn cho bản dịch Chinh-phụ-ngâm không phải của bà Diễm mà của Phan-huy-Ích, vì tôi có đủ tài-liệu để chứng-minh có 2 bản dịch khác nhau.*

THƠ
Lên
RUỘT



Thân ái trao về T.Thu, An-Hải.

Hội-đồng Văn-Hóa Giáo-dục

Hội-đồng văn-hóa giáo-dục
Là cái chi chi kỳ-cục,
Văn-hóa, ô-hồ văn-hóa.
Giáo-dục, a ha giáo-dục
Bầu-bán, phe-phái tranh ngôi
Nhóm-hợp rền-rang ngoạo mục
Chủ-tọa âm-à âm-ừ,
Hội-viên nước mắm dùi đục,
Học-giả khật-khà khật-khù
Trí thức ngủ-gà ngủ gục
Tùng-xòe cổ-đấm ăn xôi
Lùng-củng đầu voi đuôi chuột
Nhiệm-vụ, ảnh hưởng ra sao ?
Ngáo-ngáo ngơ-ngơ một cục
Chương trình, kế hoạch mần rắng ?
Lom-khom hi-hà hi-hục,
Tò-te phải đít ra đi,
Áo mào xiêm đai phủ-phục
Nhong-nhông mấy con ngựa què
Vênh-váo dăm que củi mục.

★

Thằng Bờm cầm cái quạt mo
Ha ha ngồi bên bóng trúc.

DIỆU-HUYỀN

● Chi va plano, va sano. Chi va sano, va lontano.

Ai đi chậm, đi vững tâm. Ai đi vững tâm, đi xa.

Tục ngữ Ý

★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★
★ **HỒ-XUÂN-HƯƠNG** ★
★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ

*XV.— Hồ-Xuân-Hương, nhà Thơ
Việt nam đầu tiên thuần túy của
tiếng Việt*

(Tiếp theo P.T. 249)

NẾU Văn-học sử Việt-Nam đã không chấp-nhận các nhà văn Việt-Nam chuyên môn viết Pháp-văn và Anh-văn, thì chúng ta cũng không thể chấp-nhận những người Việt-Nam thông-thái Hán-học và làm văn thơ bằng chữ Hán, là

những nhà văn thuần-túy Việt-Nam được.

Một vài tác giả viết Văn Tây đã có chút tiếng tăm như Phạm-duy-Khiêm, Nguyễn-tiến-Lãng, Phạm-văn-Ký, đã bị gạt hẳn ra ngoài Văn-Học-Sử Việt-Nam và không được

công-chúng trí-thức Việt-nam nhìn-nhận, thì khó tìm được một lý-do nào chính đáng để biện-minh cho sự có mặt của một Tuy-lý-Vương, một Tùng-thiện-Vương, một Bùi-huy-Bích, một Trương-Hán-Siêu, trong ngôi đền Văn-Thơ của Dân-tộc.

Bởi Hán-Văn cũng như Pháp-văn, Anh-văn, không phải là Việt-văn, chúng ta có thể minh-xác rằng từ Hồng-Bàng lập Quốc cho đến nhà Trần, cuối Thế.kỷ XIII, tất cả Văn-hóa Việt-Nam đều gồm hết trong Kho-tàng phong-phú Ca-Dao Tục-ngữ của Nông-Dân. Giới trí-thức Nhọ-học thì đã hoàn-toàn phản-bội tiếng Việt, và đã lệ-thuộc hẳn Văn-học Tàu. Họ không sáng tác được gì cho Dân tộc cả Vì lẽ đó, họ không xứng-đáng được ghi danh trong Văn-học sử Việt-Nam

Từ nhà Trần đến nhà Hậu-Lê, suốt 500 năm, hầu hết các Tao-nhân Mặc-khách đã bắt đầu làm Văn-Thơ bằng chữ Quốc-Âm (chữ Nôm), nhưng vẫn lấy Hán-tự làm căn-bản và tác-phẩm của họ bằng chữ Hán được chú trọng nhiều hơn bằng chữ Việt.

Nếu có một vài nhân-tài nổi bật hơn hết về quốc-âm (văn Nôm), như Nguyễn Bình-Khiêm sáng tác *Bach-Văn Thi tập*, Ôn-như-Hậu sáng tác *Cung oán ngâm khúc*, Đoàn thị Điểm dịch *Chinh-phụ-ngâm*, thì những tác phẩm ưu-trú ấy vẫn còn đầy-rẫy điển-tích Tàu, từ-ngữ Tàu, sáo-ngữ Tàu, mà các tác-giả không những không thể nào thoát-ly được mà còn lạm dụng thành ra lố-lãng. Cho đến đời độc-giả bình-dân và cả trí-thức đọc *truyện Kiều* hoặc *Cung-Oán*, thường hiểu sai-lầm, hoặc không hiểu gì cả, ý-nghĩa của nhiều câu thơ, câu văn, hoặc giảng-giải mỗi người mỗi cách.

Thời-kỳ Hán-học còn đang thịnh-hành, đã có hiện-tượng quái-gở đó rồi, huống chi ngày nay chữ Hán không được thông dụng nữa, văn chương *truyện Kiều*, *Chinh-phụ-Ngâm*, *Cung-Oán*, *Lục-vân-Tiên v.v...* giảng giải trong các sách giáo-khoa, trong các học - đường, trên báo - chí, thường bị xuyên-tạc, lầm-lẫn biết bao nhiêu !

Suốt thời-kỳ bành-trướng khá sâu-rộng dưới đời Hậu-

Lê, thi-văn quốc-âm Việt-Nam vẫn còn mang nặng di-tích lai-căn của Hán-tự.

Muốn hiểu thấu-triệt văn chương *truyện Kiều* hoặc *Cung Oán ngâm-khúc*, hoặc *Chinh-phụ-Ngâm* chẳng hạn, người Việt-Nam phải tìm hiểu căn-kẻ những nguồn gốc ngoại lai, những cội-rễ cỗi-diễn của mỗi chữ, mỗi câu, trong vô số sự-tích xa-xưa rút trong Sử Tàu, cổ-tích Tàu, Thần thoại Tàu. Ý-nghĩa của những điển-tích ấy nhiều khi cao-siêu, thâm thúy, nhiều khi rất ngổ-ngàn, lổ-lãng. Cho đến một câu đối, một câu liêng, một bài văn-tế, một bức thư trao đổi giữa hai nhà Văn, hoặc hai nhà Tráng, bằng Quốc-âm, cũng không tránh khỏi sự vay mượn điển-tích Tàu và thành-ngữ Tàu, — Sự kiện đó đã mặc nhiên trở thành một thói-quen, một tập quán, và một kiêu-hãnh nữa.

Phải đợi đến Hồ-Xuân-Hương, một nữ Thi-hào, Thi-bá, một Thiên-tài kỳ-diễm của Việt-Nam, độc-đáo của Nhân-loại, xuất-hiện dưới thời Quang Trung Hoàng-đế, cuối Thế-kỷ

XVIII, tiếng Việt và Thơ Việt mới được giải-thoát hoàn-toàn khỏi truyền-thống nô-bộc ngoại-lai, và được đưa lên hào-quang chói-lọi của Tư-tưởng và Văn-chương thuần-túy Việt-Nam, đặc-biệt Việt-Nam.

Khi cùng một lúc hai Ngôi Tinh-Tú bùng lên sáng rực trên vòm trời Việt, một vì sao Văn, một vì sao Võ, cùng một nguồn gốc lịch-sử của nhà Hồ, thì Huyết thống và Ngôn-Ngữ, Tư-tưởng của giòng dõi Rồng-Vàng đã đập-đổ được 3800 năm thành kiến nô-lệ Tàu, để vượt lên tột đỉnh Vinh-quang của Dân-tộc.

Trong lúc Quang Trung (Hồ-phi-Huệ,) con trai của Hồ-phi-Phúc, đánh đuổi tan-tành quân Tàu ra khỏi Đất Nước Rồng Vàng, thì Hồ-Xuân-Hương, con gái của Hồ-phi-Diễn và em họ của Hoàng-Đế, cũng chà đạp Nho-Giáo, miệt-thị Hán-tự, và gầy dựng lên một hệ-thống độc-lập tư-tưởng và độc-lập ngôn-ngữ, Văn-tự, của Dân-tộc Việt-Nam trong Thi-văn của cô.

Đồng thời với Hồ-xuân-Hương, Nguyễn-Du chỉ là

một ngôi sao trung-đăng, lu mờ, còn vương-vấn quá nhiều khói mây Nho-giáo.

Hồ-xuân-Hương, độc-nhất, đã quyết liệt từ bỏ chữ Hán, khinh-miệt nhà Nho, và nâng cao đến tuyệt-điễm thuần-túy Ngôn-ngữ Việt-Nam, Văn-tự Việt-Nam, Thơ Việt-Nam.

Thông-thạo Hán-tự cũng như Đoàn-thị-Điễm, cũng như Nguyễn-Du, Hồ-xuân-Hương không thèm làm một bài thơ nào bằng chữ Hán. Cô không thèm dùng một thành ngữ nào của Hán-tự. Cô không thèm vay mượn một điển tích nào của Tàu. Toàn thể sáng-tác phẩm của cô đều viết bằng chữ Việt, pho-diễn bằng tiếng Việt, và tư-tưởng của cô là đặc-biệt Việt-Nam không pha-trộn một màu sắc hay

một hương vị ngoại lai nào cả.

Không những thế, cô còn tỏ ra khinh-miệt ra mặt những gì dính-liú với văn-hóa Tàu, và trước hết là văn-hóa Nho-giáo. Hồ-xuân-Hương thuần thành Việt-Nam cho đến đổi cô chống-báng, chế-diễu cả nhà sư, mà theo ý-thức của cô, nếp sống và phương-pháp tu-hành không hoàn-toàn đúng theo tập-tục Việt-nam. Cô không dám ngạo-mạn với Phật, cũng như với Khổng-tử, nhưng chắc hẳn cô đã nhận thấy rằng Đức Phật cũng như Đức Khổng-phu-tử, đều là nhân-vật ngoại-lai, không phải Việt-Nam, không thuần-túy Việt-Nam.

(Còn nữa)

● Time lost is never found.

Thời gian mất đi không thể tìm lại được.

Tục ngữ Anh

Dưới chân núi Chóp-chài

●●● LÊ-NGỌC-QUANG

Xã Mỹ đưc nằm dưới chân núi Chóp-chài, cách quận lỵ Phù-mỹ (tỉnh Bình Định) 19 cây số về phía bắc gồm 12 ấp : Mỹ-trang, An-giang, Trà - thung, Vạn - an, Vạn-lương, Lộc - thái, Quang - nghiêm, Vạn-thiết, Châu-trúc, Hoà - tân, Phú-hà, Phú-thứ. Về phía nam xã này, ấp Châu-trúc tiếp giáp với đầm Trà-ô và phía bên kia đầm là ấp Chánh-khoan thuộc xã Mỹ-lợi, Châu-trúc gồm ba xóm với 749 người dân, hầu hết chuyên nghề chài lưới.

Đầm Trà-ô

Đầm Trà-ô chiếm một diện tích chừng 14 cây số vuông, nằm sát ấp Châu-trúc và chạy dài đến xã Mỹ-lợi. Du khách đến Châu-trúc sẽ có dịp ngắm những hàng trúc soi mình bên đầm và có dịp lắng nghe tiếng sóng rì rào từ phía bờ xa. Đầm

này nước không mặn lắm và có nhiều thủy sản như cá, tôm, rạm, chình, lươn.

Từ phía xã Mỹ-thăng muốn qua Châu-trúc, dân chúng thường dùng thuyền băng qua đầm. Khu vực phía bắc đầm Trà-ô tiếp giáp với ấp Châu-trúc là nơi cá sinh sản nhiều hơn các khu vực khác. Vùng này nước cạn, thuận tiện cho dân làm nghề trúc dâng.

Đầm còn có một ngòi nước chảy về phía đông bắc đến cửa biển Hà-ra cách đó bốn cây số. Hà-ra là một cửa hẹp và nước tại ngòi này là nước xà-bai. Mùa hè, gió thổi tung cát lấp cả ngòi nước này. Mùa mưa đến, dân chúng địa phương lại hì bực khai ngòi cho nước từ đầm tuôn thẳng ra biển để tránh nạn ngập nước cho những ấp ven đầm,

Mỗi năm vào tháng 5, tháng 6 âm lịch, dân chúng ấp Châu-trúc tập nập làm sáo bện dâng tại nhiều khu vực phía bắc đầm Trà-ô và chờ mùa mưa đến bắt cá.

Dâng là những nẹp tre dài 5 thước được bện dày với nhau và đóng xuống đáy đầm bao quanh mỗi khu vực rộng một cây số. Dọc theo bờ dâng có đặt nò.

Mùa mưa, cá ngoài đầm tìm đường vào những khu vực có bện dâng ẩn trú vì là nơi ấm áp và kín gió nhưng đều lọt vào những cái nò giúp cho đồng bào chuyên về nghề trúc dâng thu một nguồn lợi to lớn.

Ngoài việc làm dâng, ngư dân ấp Châu-trúc còn chèo thuyền ra khơi dùng lưới cước đánh cá.

Họ còn thả dèp và bắt được chình, lươn hoặc rạm. Dèp được bện tròn như cái lon, một đầu bịt kín, một đầu có toi, phía trong bỏ mồi. Dèp thả chìm xuống nước có cột sợi chỉ dính theo cái phao. Chình, lươn hoặc rạm chun vào dèp dèp mồi và không thể thoát ra được.

Núi Chóp chài

Phía bắc xã Mỹ-dưc, là dãy núi

Chóp chài cao vút. Dưới chân núi, tại khu vực Vạn-thiết, dân chúng địa phương trước đây đã đào được rất nhiều quặng sắt và đã dùng quặng này làm các loại nông cụ.

Từ xa nhìn về núi này, người ta thấy như một cái chài khổng-lồ thả úp xuống với cái chóp nhọn hoắc và hai bên thấp dần. Nơi đây, vô số cây đàn mọc lên soi bóng giữa nền trời.

Theo đồng bào địa phương thuật lại, trên đỉnh núi một lỗ sâu nước trong xanh và lúc trời giông tố đứng nơi đó nghe tiếng rền như chuyển sấm.

Cây đèn

Cây đèn tức cây dầu rái, một cây mọc rất nhiều tại dãy núi Chóp-chài. Cây đèn mọc lên thành từng đám và được dân chúng gọi là «vườn diu». Cây đèn thẳng tắp như cây dừa, thân trắng trắng như vỏ cây đa, phò mình trên núi cao chẳng khác nào những làn sóng bạc. Cây đèn cao độ 15 thước, vừa người ôm và tỏa ra nhiều nhánh. Lúc đó có thể lấy dầu được. Cũng có cây cao đến 50 thước và thân to đến ba người ôm không xuể. Lá cây

đèn xem xắm và to bằng lá cây đa.

Những cây đèn mọc trên 10 năm rất nhiều dầu. Vào tháng 5, tháng 6 âm lịch, cây đèn rụng lá trợ trụ. Chờ lúc lá ra là lúc thân cây đang độ sung mãn. Dầu rái tuôn ra ướt cả lá, lúc đó có thể lấy dầu được. Người ta vặt nơi thân cây đèn thành một cái cối sâu một tấc. Chờ cách một đêm, dầu chảy ra và sáng hôm sau đến lấy dầu. Họ cầm muỗng múc dầu đổ vào cái xai (xai đan bằng tre trét dầu rái) rồi mang về. Độ 25 ngày sau, họ đến vườn dầu đốt vào nơi cối dầu để nhựa dầu tụ lại chảy vào cối. Chờ cách một đêm, hôm sau họ lại múc dầu.

Trái đèn

Tháng sáu âm lịch, bông nở đỏ ối và thơm phức trên những cây đèn. Đến tháng bảy âm lịch, đèn có trái. Trái đèn có ba hoặc bốn khía như trái khế, phía dưới đuôi, hai tua dài. Trái đèn lúc còn non màu xanh, lúc chín biến sang màu nâu sẫm rồi rụng xuống đất.

Những năm nạn đói xảy ra như trường hợp năm 1953, người ta rủ nhau lên núi Chóp-

chải nhặt trái đèn. Trái đèn đập ra, lấy hạt. Hạt này nhỏ hơn quả trứng gà, được bóc sạch lớp vỏ mỏng, đem ngâm nước và nấu cho tan hết chất đắng. Xong người ta đập hạt cho nát, xôi với dứa ăn thế cơm. Năm nào cây đèn sai trái là báo hiệu nắng hạn và hay xảy ra nạn đói.

Người dân dưới chân núi Chóp-chải ngày nay còn nhắc đến những năm cơ cực và còn nhắc đến những câu ca dao truyền khẩu :

*«Năm xưa thóc lúa một bờ,
Thương ai lặn lội dầy vô
sớm hôm.
Trái đèn thay gạo thế cơm,
Cheo leo ghềnh đá oán hơn
về đâu»* !

LÊ-NGỌC-QUANG



PHỒ-THÔNG — 250



★ HOÀNG-THẮNG

★ Hoạt-động của Hội Văn Thi-sĩ Việt-Nam.

Trong lúc một số đồng nhà văn nhà thơ đang tiếp tục ghi tên gia-nhập Hội, Ban Chấp-hành lâm thời, trong phiên họp ngày 27-6-70, đã quyết định phát hành trước mùa Thu năm nay một tác phẩm biên khảo, nhan đề :

15 năm Thi-văn Việt-Nam 1955 - 1970

Ban Chấp-hành đã giao cho Nguyễn-Vỹ viết bài tựa, Viên-Linh biên khảo về văn, Trần-tuấn-Kiệt về thơ, Tam-Ích đề bạt.

Quyển sách sẽ dày từ 500 đến 600 trang. Tài liệu rất đầy-đủ, hoàn-toàn khách-quan, sẽ đánh dấu một giai-đoạn quan-trọng trong Văn-Học-Sử Việt-Nam hiện-dại.

Triệu-Dương Xuất-Bản-Cục của ông Phan-Như-Hòa sẽ được

giao-phó việc ấn-loát, trình-bày và phát-hành.

★ Phổ-Thông Văn-Tuyên

Tạp-chí Phổ-Thông đang chuẩn bị phát-hành một loạt sách «PHỒ-THÔNG VĂN-TUYÊN», mỗi tháng ra một quyển, với sự cộng-tác của nhiều nhà văn danh tiếng. Nghe nói quyển I sẽ ra vào giữa Mùa Thu năm nay.

★ TỬ-SÁCH THẮNG BỜM

Đồng thời, Thăng Bờm, tuần-báo hướng-dẫn giáo-dục thanh Thiếu-Nhi Việt-Nam, cũng sẽ xuất bản một loại « Tử sách Thăng Bờm » gồm những sách Nhi-đồng rất lành-mạnh, rất hấp-dẫn, có nhiều hình vẽ, nhiều màu, trình bày rất đẹp, như sách Nhi-đồng ngoại-quốc.

« Tử sách Thăng Bờm » sẽ phát - hành thường - xuyên mỗi tháng 1 loạt 2 quyển.



PHỒ-THÔNG — 250



● **Hiện đại, Nguyệt san.**

Cơ-quan ngôn-luận của Sinh viên Công-giáo Việt-Nam. Số 1, ra ngày 1-7-1970 —

Nhiều bài có giá-trị — Nhận xét khách quan.

● **Đặc san Làng cô-Nhi Long-Thị nh.**

Kỷ-niệm Đệ-Tam Chu niên.

Nhiều bài vở hấp-dẫn cho các em cô nhi — do Ni-cô Trương-thị-Phiên chủ trương — Hộp thư 18, Biên-Hòa.

● **Du-lịch, Kỹ-nghệ tam-đẳng tại Việt-Nam,**

Tourism in Vietnam.

Của ông Lê-thái-Khương, Cao-học Hành chánh —

Nhà X B. Minh-Hà, Hộp thư 2028, Saigon —

● **Trúc Mai**

Truyện dài bằng thơ của Nữ-thi-sĩ Trương-Phổ. Một loại «truyện giáo-dục nâng cao tâm-hồn bạn trẻ», do ngòi bút thơ-mộng duyên-dáng và hấp dẫn của một nữ Thi-sĩ nổi danh từ thời Tiền-chiến. Trương-phổ là tác-giả hai tập thơ «Giọt lệ thu» và «Mưa gió sóng Tương» xuất bản ở Hà nội và tái bản ở Saigon, mà Nguyễn-Vỹ có viết bài khen tặng xứng đáng trong Phở-Thông đạo nào.

Truyện «Trúc-Mai» dài trên 2500 câu thơ giản-dị dễ hiểu thích hợp với tâm-hồn của Thiếu nhi lành mạnh.

Rất tiếc nhà xuất-bản không cho sửa lỗi ấn-loát cẩn thận để đầy rẫy trong 150 trang thơ những sai lầm, thiếu sót, làm cho câu thơ lắm khi mất nghĩa.

Nhà X.B. Khai-Tri, 1970

● **Văn học Hà-Tiên.**

Chiêu-Anh-Các — Hà-Tiên thập cảnh khúc vịnh.

Nhà thơ Đông-Hồ khảo cứu và biên soạn. Nữ-sĩ Mộng-Tuyệt gởi tặng, Mùa sen Canh Tuất. Trình bày rất trang nhã.

Quỳnh-Lâm xuất bản và tổng phát-hành, 14 đường Lam-Sơn, Chí-Lãng, Gia-Định.

Tìm đọc ở HUẾ

NHẬP CUỘC

Tạp chí sáng tác văn nghệ HUẾ.

Số một : tháng tư bảy mươi

TÌNH LANG THANG TRẦN HỮU NGHIỆM

số hai : tháng sáu bảy mươi :

NGÔ CANG — TRẦN HỮU NGHIỆM

NGUYỄN ĐẮC NGÂN — LÊ-T-DŨNG.

liên lạc : Trần hữu Nghiễm, hộp thư 77 HUẾ.

trị: **Ả CHÁY. NHỄM ĐỘC**
Ở RUỘT

KIẾT-LY CỎ ĐÀM MAU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em.

OHANG-NUO

*Hợp với
người lớn
trẻ em*



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

206c/BYT/17-8-67

NƯỚC NGỌT

"CON CỌP"



**Ở mọi nơi,
Thôn quê,
Thành thị.**

*Nước ngọt Con Cọp
ở đâu,
Đấy là Khỏe Mạnh,
Sống lâu, Yêu Đời.*

**Brasseries et Glacières
de l'Indochine**

6, Hai-Bà-Trung, Saigon Tél: 20.311

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã dượt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lối Công Hoàn « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc Bắc có bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết. Uống Giải
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú.Lâm, Cholon
(K.N. BY. số 3 — 9-5-63)

Giấy phép số 292 CDVITTING ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại nhà in riêng của PHỒ-THÔNG

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ

Công sở : gấp đôi